

Tạp chí Tâm lý học
1993. Tập 100. Số 2, 204-232
Bản quyền 1993 của Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ. Inc
0033-29SX/93/\$3.00

Lý thuyết các Chiến lược Tình dục: Một góc nhìn Tiến hóa về Hẹn hò ở Người

[Sexual Strategies Theory: An Evolutionary Perspective on Human Mating]

David M. Buss và David P. Schmitt

David M. Buss và David P. Schmitt, thuộc Khoa Tâm lý học, Đại học Michigan. Nghiên cứu này được hỗ trợ một phần bởi Quỹ Quốc gia về Sức khỏe Tâm thần (National Institute of Mental Health Grant) MH44206 và một học bổng từ Trung tâm Nghiên cứu Nâng cao về Khoa học Hành vi (Study in the Behavioral Sciences) dành cho David M. Buss, từ Quỹ Khoa học Quốc gia (National Science Foundation Grant) BNS87-00864, và từ Quỹ Gordon P. Getty.

Chúng tôi gửi lời cảm ơn tới Leda Cosmides, Martin Daly, Steve Gangestad, Barb Smuts, Mark Snyder, Don Symons, John Tooby, và Margo Wilson vì những đề xuất hữu ích và sự truyền cảm hứng trí tuệ từ họ.

Thư từ liên quan đến bài viết này nên được gửi đến David M. Buss, Khoa Tâm lý học, Đại học Michigan, Ann Arbor, Michigan 48109-1346.

Bài viết này đề xuất một lý thuyết ngữ-cảnh-tiến-hóa (contextual-evolutionary) về các chiến lược hẹn hò (giao phối) của con người (human mating strategies). Cả nam giới và nữ giới đều được giả định là đã tiến hóa ra các cơ chế tâm lý riêng biệt dưới dạng chiến lược ngắn hạn và dài hạn. Nam giới và nữ giới đối mặt với những vấn đề thích nghi khác nhau trong ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn so với dài hạn.

Do đó, các sở thích bạn đời (mate preferences) khác nhau được kích hoạt từ bộ chiến lược của họ. Chín giả thuyết chính và 22 dự đoán từ Lý thuyết các Chiến lược Tình dục (Sexual Strategies Theory) được mô tả và kiểm chứng bằng thực nghiệm. Các vấn đề thích nghi nhạy cảm với ngữ cảnh bao gồm khả năng tiếp cận tình dục (sexual accessibility), đánh giá khả năng sinh sản (fertility assessment), tìm kiếm cam kết (commitment seeking) và tránh cam kết (commitment avoidance), tìm kiếm và thu thập nguồn lực ngay lập tức và lâu dài, chắc chắn về mối quan hệ cha con (paternity certainty), đánh giá giá trị bạn đời (mate value), và đầu tư cha mẹ (parental investment). Phần thảo luận tóm tắt 6 nguồn dữ liệu hành vi bổ sung, mô tả các vấn đề thích nghi chung cho cả hai giới, và đề xuất thêm các ngữ cảnh có khả năng gây ra sự thay đổi trong chiến lược hện hò.

Hện hò, giao phối là một đặc tính phổ biến của con người. Tất cả các xã hội đã biết đều có liên minh hôn nhân chính thức giữa nam và nữ. Hơn 90% tất cả mọi người trong tất cả các xã hội sẽ kết hôn vào một thời điểm nào đó trong cuộc đời họ (Buss, 1985; Epstein & Guttman, 1984; Vandenberg, 1972). Trong một góc nhìn đối chiếu giữa các nền văn hóa, hôn nhân thường được coi là liên minh sinh sản chính thức, chứa các đặc điểm của (a) nghĩa vụ lẫn nhau giữa chồng và vợ, (b) quyền tiếp cận tình dục, (c) kỳ vọng rằng cuộc hôn nhân sẽ kéo dài qua thai kỳ, nuôi dưỡng và nuôi dạy trẻ, và (d) công nhận tình trạng chính đáng của con cái của cặp vợ chồng (Daly & Wilson, 1988, tr. 187).

Tuy nhiên, mối quan hệ hện hò, giao phối không phải lúc nào cũng kéo dài lâu. Mối quan hệ hện hò, giao phối có thể kéo dài chỉ vài tháng, vài ngày, vài giờ, hoặc thậm chí chỉ vài phút. Các mối quan hệ giao phối, kết đôi (mating relationships) ngắn hạn đã được đặt nhiều tên - những cuộc tình thoáng qua (brief affairs), tình một đêm (one-night stands), hoặc những mối quan hệ tạm thời. Trong bài viết này, chúng tôi định rõ hai đầu của chiều thời gian này bằng các thuật ngữ trung lập mô tả giao

phối (hẹn hò) ngắn hạn (short-term mating) và dài hạn (long-term mating). Các mối quan hệ giao phối, kết đôi kéo dài ở mức độ trung bình (ví dụ: hẹn hò, đi chơi đều đặn, hôn nhân ngắn hạn, hoặc những cuộc tình kéo dài trung bình) xảy ra giữa những điểm nút này.

Hầu hết các lý thuyết về hẹn hò, kết đôi của con người chỉ đề cập đến hẹn hò dài hạn hoặc hôn nhân (xem Murstein, 1970; Vandenberg, 1972). Điều này một phần có thể là do khó khăn trong việc nghiên cứu về hẹn hò ngắn hạn, được định nghĩa là một hiện tượng tạm thời, và đôi khi bị che dấu trong bức màn bí mật nhiều hơn. Trong nghiên cứu cổ điển của Kinsey, Pomeroy và Martin (1953) về hành vi tình dục, ví dụ với câu hỏi về quan hệ tình dục ngoại hôn nhân (ngoài luồng, ngoại tình) là nguyên nhân lớn nhất gây ra việc từ chối phỏng vấn. Trong số những người đã đồng ý phỏng vấn, câu hỏi này nhận được tỷ lệ từ chối trả lời cao nhất, đồng thời gợi ý về sự quan trọng và phổ biến của hẹn hò ngắn hạn ngoài bối cảnh hôn nhân.

Tuy nhiên, không có lý thuyết nào toàn diện về hẹn hò của con người mà có thể bỏ qua hẹn hò ngắn hạn được. Đơn giản là vì hình thái hôn nhân một vợ một chồng (monogamy) suốt đời không phải là đặc điểm của hầu hết mọi người trong hầu hết các xã hội. Khoảng 80% tất cả các xã hội con người có thực hành đa thê (polygyny); cho phép nam giới có nhiều vợ hoặc tình nhân (Ford & Beach, 1951; Murdock, 1967). Trong những xã hội này, chỉ có một phần nhỏ nam giới thực sự có nhiều bạn đời, nhưng những người làm được điều đó khiến cho những người đàn ông khác không thể có bạn đời. Ngay cả trong các xã hội được cho là một vợ một chồng như ở Hoa Kỳ, tỷ lệ ly hôn gần như 50% (H. Fisher, 1987). Hôn nhân liên tiếp (serial marriages) là phổ biến trong hầu hết các nền văn hóa (H. Fisher, 1987; Lockard & Adams, 1991). Thêm vào đó, ước lượng về ngoại tình (adultery) trong số các cặp vợ chồng đã kết hôn ở Mỹ giao động từ 26% đến 70% đối với phụ nữ và từ 33% đến 75% đối với đàn ông (Daly & Wilson, 1983; H. Fisher, 1987; Hite, 1987; Kinsey, Pomeroy, & Martin, 1948, 1953; Symons, 1979). Những dữ liệu

này không bao gồm các mối quan hệ tình dục ngắn hạn mà xảy ra giữa những người đàn ông và phụ nữ độc thân, trước hoặc thay thế cho hôn nhân. Tóm lại, việc hẹn hò suốt đời với một người duy nhất không phải là quy tắc dành cho con người. Cả hai giới đều tham gia vào cả hẹn hò, quan hệ ngắn hạn và dài hạn. Lý thuyết về các chiến lược tình dục của con người được đề xuất ở đây coi *ngữ cảnh thời gian* là trọng tâm cho các vấn đề thích nghi mà nam và nữ đã đối mặt và các chiến lược thích nghi (adaptive strategies) họ đã áp dụng sau đó.

Vai trò của Chiến lược trong Hẹn hò/Giao phối ở Con người

Các lý thuyết trước đây về giao phối/hẹn hò (mating) của con người khác nhau về việc quyết định giao phối/hẹn hò được coi là có mục tiêu và chiến lược hay chỉ là sản phẩm của những lực lượng nằm ngoài sự lựa chọn của cá nhân. Freud và Jung, ví dụ, đề xuất rằng mọi người tìm kiếm ở bạn đời những đặc điểm giống hình ảnh hoặc hình mẫu của cha mẹ khác giới của họ (Eckland, 1968). Winch (1958) đề xuất rằng mọi người tìm kiếm ở bạn đời những đặc điểm mà họ thiếu: một sự tìm kiếm sự bổ sung. Cattell và Nesselroade (1967), Thiessen và Gregg (1980), Rushton (1989), và nhiều người khác đã đề xuất rằng mọi người tìm kiếm sự giống nhau trong bạn đời: những người giống nhau thu hút nhau. Các lý thuyết về trao đổi và công bằng cho rằng mọi người tìm kiếm những người mà việc trao đổi tài nguyên có giá trị sẽ ở trạng thái cân đối xấp xỉ (ví dụ, Berscheid & Waister, 1974; M. S. Clark & Reis, 1988).

Tất cả các lý thuyết này chia sẻ quan niệm rằng việc hẹn hò của con người là có chiến lược và các lựa chọn được thực hiện, có ý thức hoặc vô thức, để tối đa hóa một thực thể, sự phù hợp, hoặc cân đối. Tuy nhiên, mỗi lý thuyết này thiếu một quy định về các lĩnh vực nội dung cụ thể mà nỗ lực chiến lược sẽ được hướng dẫn. Do đó, các thành phần chiến lược của các lý thuyết này rộng lớn - tìm kiếm sự công bằng, tìm

kiếm sự tương tự, và tìm kiếm sự bổ sung - và không xác định công bằng trong lĩnh vực nào hay sự tương tự trong lĩnh vực nào. Những lý thuyết này, do đó, không đưa ra những dự đoán khác biệt về các lĩnh vực nội dung mà chúng sẽ được áp dụng nhiều nhất và ít nhất cũng như chúng không đưa ra dự đoán liên quan đến giới tính, về những mục tiêu chiến lược nào sẽ quan trọng hơn đối với phụ nữ hoặc đàn ông. Tóm lại, ít dự đoán cụ thể nào có thể được rút ra từ bất kỳ lý thuyết nào trong số này.

Có các lý thuyết về hẹn hò không đặt ra một thành phần có mục tiêu trực tiếp (goal-directed) hoặc chiến lược bao gồm các lý thuyết xã hội học và lân cận. Những lý thuyết này đề xuất rằng mọi người hẹn hò với những người mà họ tiếp xúc. Sự hỗ trợ đến từ việc phát hiện ra rằng khoảng cách là một yếu tố dự đoán mạnh mẽ về ai sẽ kết hôn với ai. Như Eckland (1968) đã chỉ ra, "dù có ý tưởng đáng trân trọng về tình yêu lãng mạn, thì khả năng 50-50 rằng 'người duy nhất' ấy sống trong khoảng cách đi bộ với bạn mà thôi" (tr.16). Một số lý thuyết kết hợp giải thích sự lân cận với các giải thích về đẳng cấp xã hội, cho rằng đẳng cấp xã hội của một người xác định "kho" những người bạn đời tiềm năng mà một người sẽ tiếp xúc bằng cách đặt những người có đặc điểm tương tự vào gần nhau. Ví dụ, các cơ sở giáo dục đôi khi chọn lọc những người có những đặc điểm tương tự như tình hình kinh tế xã hội, điểm thành tích, điểm kiểm tra trí thông minh, và thậm chí kỹ năng xã hội trong những trường đại học tư nhân yêu cầu phỏng vấn cá nhân. Việc phân loại, do đó, có thể một phần được quy cho các cơ chế tổ chức đặt những cá nhân tương tự vào gần nhau.

Có sự hỗ trợ thực nghiệm cho một số trong số những lý thuyết này. Sự giống nhau chủ yếu là quy tắc trong việc ghép đôi ở con người, và điều này áp dụng cho các đặc điểm đa dạng như chiều cao, cân nặng, thuộc tính cá nhân, trí thông minh, giá trị, độ rộng mũi và chiều dài lỗ tai (Buss, 1985). Tuy nhiên, các lý thuyết về việc ghép đôi của Freud và Winch ít được hỗ trợ nhất (Eckland, 1968). Đặc điểm duy nhất mà sự bổ sung là

quy tắc, lấy ví dụ, là về giới tính sinh học: nam giới thường kết hôn với phụ nữ và ngược lại (Buss, 1985). Đối với tất cả các đặc điểm khác, mọi người thường ghép đôi với những người tương tự. Có một số bằng chứng cho thấy mọi người kết hôn với những người giống cha mẹ của họ, nhưng chúng chưa bao giờ được chứng minh rằng điều này xảy ra ở trên và ngoài sự giống nhau mà chỉ dựa trên việc ghép đôi với người tương tự như bản thân (Eckland, 1968).

Mỗi lý thuyết này đều chứa những hạn chế khái niệm chính. Hạn chế quan trọng nhất là tất cả đều không cung cấp một lý do vì sao con người lại có động lực theo hướng được đặt ra. Tại sao con người lại ưu tiên sự giống nhau, công bằng, hay gần gũi? Nguồn gốc của những mục tiêu này là gì? Chúng có thể phục vụ (các) chức năng gì? Hạn chế thứ hai là mỗi lý thuyết về việc ghép đôi đều đơn giản đến mức quá đáng, thường cho rằng có một quá trình duy nhất quyết định ai sẽ ghép đôi với ai (mặc dù xem Murstein, 1970, để có một mô hình tuần tự phức tạp hơn), Hạn chế thứ ba là tính chung chung của các lý thuyết ngăn cản việc tạo ra dự đoán cụ thể trong các lĩnh vực cụ thể. Hạn chế thứ tư là mỗi lý thuyết đều cho rằng các quá trình điều chỉnh việc ghép đôi của nam và nữ là giống nhau, và do đó không có dự đoán phân biệt giới tính nào có thể được rút ra từ những lý thuyết này. Hạn chế thứ năm là các lý thuyết trước đây về việc ghép đôi con người đều mù lòa với ngữ cảnh, cho rằng xu hướng ghép đôi giống nhau bất kể hoàn cảnh.

Lý thuyết hiện tại cố gắng khắc phục những thiếu sót này bằng cách giải thích lý do chọn lựa cho nguyên nhân cốt lõi của các chiến lược cụ thể mà người nam và nữ thể hiện. Một giả định cốt lõi của lý thuyết là việc ghép đôi ở con người vốn có tính chiến lược: Con người tìm kiếm những người bạn đời cụ thể để giải quyết những vấn đề thích nghi cụ thể mà tổ tiên của họ đã đối mặt trong quá trình tiến hóa con người; sự ưu tiên và quyết định ghép đôi của con người được giả định là sản phẩm chiến lược của áp lực lựa chọn hoạt động trong điều kiện của tổ tiên. Việc sử dụng thuật ngữ chiến lược có ý định chỉ sự hướng đến

mục tiêu và tính giải quyết vấn đề của hành vi ghép đôi con người và không gợi ý rằng các chiến lược được lên kế hoạch hoặc được diễn đạt một cách ý thức. Lý thuyết phức tạp ở ý nghĩa rằng số lượng lĩnh vực vấn đề cần giải pháp chiến lược được đề xuất là lớn. Sự phức tạp và số lượng này tạo ra một số lượng lớn dự đoán chính xác về những gì sẽ được tìm thấy trong mỗi lĩnh vực. Một yếu tố quan trọng của Lý thuyết Chiến lược Tình dục là chiến lược ghép đôi phụ thuộc vào ngữ cảnh và, cụ thể là, rất nhạy cảm với ngữ cảnh thời gian của mỗi quan hệ ngắn hạn so với mỗi quan hệ dài hạn. Cuối cùng, một yếu tố quan trọng của lý thuyết là nam và nữ đã đối mặt với những vấn đề ghép đôi khác nhau trong lịch sử tiến hóa con người, ít nhất trong một số lĩnh vực giới hạn, và do đó các nguyên tắc điều chỉnh việc ghép đôi của phụ nữ và nam giới được dự đoán sẽ khác nhau trong những lĩnh vực này.

Bài viết này diễn đạt các giả định chính của Lý thuyết Chiến lược Tình dục. Chúng tôi trình bày các yếu tố chiến lược cốt lõi của lý thuyết, các giả thuyết được rút ra từ lý thuyết, và dữ liệu từ một loạt các nghiên cứu thực nghiệm, nhiều nghiên cứu đã được công bố và một số thì mới, để kiểm tra 22 dự đoán cụ thể được rút ra từ những giả thuyết này. Cốt lõi của lý thuyết được tóm tắt trong phần tiếp theo.

Tóm tắt về Lý thuyết các Chiến lược Tình dục

1. Trong lịch sử tiến hóa của loài người, cả nam và nữ đều đã theo đuổi các mối quan hệ ngắn hạn (short-term) và dài hạn (long-term) trong những điều kiện nhất định nơi lợi ích sinh sản (reproductive benefits) vượt qua chi phí (costs).
2. Các vấn đề thích nghi khác nhau phải được giải quyết khi theo đuổi một chiến lược tình dục ngắn hạn so với việc theo đuổi một chiến lược tình dục dài hạn.

3. Do sự không đối xứng cơ bản giữa hai giới về mức độ đầu tư tối thiểu khi làm cha mẹ, nam giới dành một tỷ lệ lớn hơn tổng số nỗ lực giao phối cho việc giao phối ngắn hạn so với phụ nữ.

4. Bởi vì cơ hội sinh sản (reproductive opportunities) và ràng buộc sinh sản (reproductive constraints) khác nhau đối với nam và nữ trong hai ngữ cảnh này, các vấn đề thích nghi mà phụ nữ phải giải quyết khi theo đuổi từng chiến lược đều khác biệt so với những vấn đề mà nam giới phải giải quyết, mặc dù một số vấn đề là chung cho cả hai giới.

5. Trong lịch sử, nam giới bị hạn chế thành công sinh sản (reproductive success) chủ yếu bởi số lượng phụ nữ đang trong thời kỳ sinh sản mà họ có thể thụ tinh. Ràng buộc sinh sản này đối với nam giới có thể được chia thành bốn vấn đề tương đối rõ ràng mà nam giới trong lịch sử phải giải quyết để theo đuổi một cách hiệu quả chiến lược giao phối, hẹn hò ngắn hạn: (a) vấn đề số lượng đối tác, (b) vấn đề xác định phụ nữ nào dễ tiếp cận về mặt tình dục, (c) vấn đề xác định phụ nữ nào đang trong thời kỳ sinh sản, và (d) vấn đề giảm thiểu cam kết và đầu tư.

6. Ràng buộc sinh sản (reproductive constraints) đối với nam giới có thể được chia thành bốn vấn đề tương đối rõ ràng mà nam giới trong lịch sử phải giải quyết để theo đuổi một cách hiệu quả chiến lược giao phối dài hạn: (a) vấn đề xác định phụ nữ có giá trị sinh sản, (b) vấn đề đảm bảo sự chắc chắn mối quan hệ cha con, (c) vấn đề xác định phụ nữ có kỹ năng nuôi dạy con tốt, và (d) vấn đề xác định phụ nữ nào sẵn lòng và có khả năng cam kết trong một mối quan hệ giao phối dài hạn.

7. Trong lịch sử, phụ nữ bị hạn chế thành công sinh sản không phải bởi số lượng nam giới mà họ có thể tiếp cận tình dục mà chủ yếu bởi số lượng và chất lượng các nguồn lực bên ngoài mà họ có thể đảm bảo cho bản thân và con cái của họ và có thể do chất lượng gen của người đàn ông.

8. Những ràng buộc sinh sản này có thể được chia thành hai vấn đề riêng biệt mà phụ nữ trong lịch sử phải giải quyết để theo đuổi một cách hiệu quả chiến lược giao phối ngắn hạn: (a) vấn đề khai thác nguồn lực tức thì và (b) vấn đề đánh giá các đối tác dài hạn tiềm năng.

9. Những ràng buộc sinh sản này có thể được chia thành các vấn đề thích nghi riêng biệt mà phụ nữ trong lịch sử phải giải quyết để theo đuổi một cách hiệu quả chiến lược giao phối dài hạn: (a) vấn đề xác định nam giới có khả năng (ability) đầu tư nguồn lực vào cô và con cái của cô trên cơ sở dài hạn, (b) vấn đề xác định nam giới thể hiện sự sẵn lòng (willingness) đầu tư nguồn lực vào cô và con cái của cô trên cơ sở dài hạn, (c) vấn đề xác định nam giới có kỹ năng nuôi dạy con tốt, (d) vấn đề xác định nam giới nào sẵn lòng và có khả năng cam kết trong một mối quan hệ dài hạn, và (e) vấn đề xác định nam giới nào có khả năng và sẵn lòng bảo vệ họ khỏi những kẻ cùng loài hung hăng (xem Bảng I).

10. Nam và nữ đã tiến hóa ra các cơ chế tâm lý riêng biệt nhằm giải quyết các vấn đề thích nghi mà họ phải đối mặt để theo đuổi một cách hiệu quả các mối quan hệ ngắn hạn và dài hạn.

11. Những cơ chế tâm lý này và các biểu hiện hành vi của chúng, kết hợp với các ngữ cảnh thời gian mà mỗi tập hợp được kích hoạt, tạo thành các chiến lược tình dục tiến hóa của nam và nữ. Chiến lược được định nghĩa là các giải pháp tiến hóa cho các vấn đề thích nghi, không liên quan đến ý thức hoặc nhận thức của người đưa ra chiến lược.

Đầu Tư Của Cha Mẹ và Chọn Lọc Giới Tính

Lý thuyết của chúng tôi bắt đầu từ lý thuyết tiên phong về đầu tư của cha mẹ và chọn lọc giới tính của Trivers (1972). Chọn lọc giới tính, như Darwin (1871) đề xuất ban đầu, là sự tiến hóa của các đặc điểm mang lại lợi thế sinh sản cho các loài, trái ngược với lợi thế sống sót. Sự sống

sót chỉ quan trọng khi nó ảnh hưởng đến sinh sản. Hai con đường dẫn đến lợi thế sinh sản là (a) thành công trong cuộc cạnh tranh giữa các cá thể cùng giới (ví dụ, một con nai đực đánh bại con khác, cá thể chiến thắng sẽ có quyền tiếp cận con nai cái) và (b) thành công trong việc thu hút giới tính khác (ví dụ, con công đực trưng diện bộ lông rực rỡ thu hút sự chú ý của con công cái). Những đặc điểm dẫn đến sự cạnh tranh thành công [với con đực khác] hoặc thành công trong việc được ưu tiên chọn lựa bởi giới tính đối lập [con cái ưa thích] sẽ tiến hóa đơn giản vì chúng mang lại lợi thế sinh sản cho cá thể hoặc nhóm cá thể (organisms reproductive advantage).

Trivers (1972) đề xuất rằng một lực đẩy chính đằng sau chọn lọc giới tính là mức độ đầu tư của cha mẹ mà mỗi giới tính dành cho con cái của họ. *Đầu tư của cha mẹ (parental investment)* được định nghĩa là "bất kỳ sự đầu tư nào của cha mẹ vào một hậu duệ riêng lẻ mà tăng cơ hội sống sót (và do đó sinh sản) của hậu duệ đó với chi phí của khả năng đầu tư vào hậu duệ khác" (Trivers, 1972, tr.139). Các quan niệm hiện tại về đầu tư của cha mẹ liên quan đến việc đầu tư tăng cơ hội sống sót và sinh sản của hậu duệ tại chi phí của các hình thức đầu tư sinh sản khác (ví dụ, cạnh tranh vì bạn đời), cho dù chúng liên quan đến hậu duệ của mình hay không (Clutton-Brock, 1991). Trivers đề xuất hai liên kết liên quan giữa đầu tư của cha mẹ và chọn lọc giới tính: (a) Giới tính đầu tư nhiều hơn vào hậu duệ nên chọn lựa hoặc phân biệt kỹ hơn về đối tượng nào họ sẽ giao phối (sự thu hút giữa các giới tính / intersexual attraction), và (b) giới tính đầu tư ít hơn vào hậu duệ nên cạnh tranh mạnh mẽ hơn để tiếp cận với các thành viên đầu tư cao của giới tính đối lập (cạnh tranh giữa các cá thể cùng giới để có được bạn tình / intrasexual competition).

Đã có sự hỗ trợ thực nghiệm rộng rãi cho lý thuyết của Trivers (1972) về đầu tư của cha mẹ và chọn lọc giới tính trên hàng chục loài. Trong số các loài động vật có vú, chẳng hạn, giống cái thường đầu tư nhiều hơn so với giống đực cho hậu duệ, và trong hàng trăm loài động vật có vú,

đã được ghi nhận rằng giống cái thường chọn lựa hơn, trong khi giống đực cạnh tranh mạnh mẽ hơn trong cuộc cạnh tranh giữa các cá thể cùng giới để có được bạn tình (Trivers, 1985).

Một bài kiểm tra thực nghiệm còn thuyết phục hơn nữa đã có với việc phát hiện ra rằng, ở một số loài có vai trò giới tính đảo ngược (ví dụ, con đé Mormon, con ếch độc Panamanian, và một số loài trong họ cá ngựa) trong đó con đực được quan sát đầu tư nhiều hơn vào hậu duệ so với con cái. Trong những loài này, con cái thường lớn hơn con đực, và chúng cạnh tranh mạnh mẽ hơn với nhau để tiếp cận với các con đực đầu tư vất vả & kỹ lưỡng hơn (Trivers, 1985). Ngoài việc cung cấp sự hỗ trợ mạnh mẽ cho lý thuyết của Trivers, những kết quả này làm nổi bật việc đầu tư của cha mẹ theo nghĩa tương đối, chứ không phải giới tính sinh học thuần túy, thúc đẩy quá trình chọn lọc giới tính.

Con người giống như hầu hết các loài động vật có vú trong việc phụ nữ thường là giới tính đầu tư nặng nề hơn. Điều này xảy ra một phần vì thụ tinh, thai nghén và nhau thai đều diễn ra bên trong cơ thể phụ nữ. Phụ nữ mang thêm sự đầu tư của cha mẹ liên quan đến việc cho con bú trong nhiều năm sau khi sinh: thường là lên đến 4 năm trong các xã hội bộ lạc (ví dụ, Shostak, 1981). Những hình thức đầu tư này hạn chế số lượng trẻ em mà một người phụ nữ có thể sinh ra thành công; thường thì giới hạn trên [số lượng cao nhất có thể đạt được] là khoảng một tá trong điều kiện tối ưu, và giới hạn trên đó hiếm khi đạt được. Ngược lại, đàn ông không phải chịu những hình thức đầu tư nặng nề của việc đầu tư làm cha mẹ, mặc dù họ có thể và thực sự đầu tư nặng nề theo những cách khác. Sự đầu tư tối thiểu của người đàn ông là cống hiến tinh dịch của mình, và do đó, người đàn ông có giới hạn cao hơn về khả năng sản xuất con cái của họ. Những khác biệt giới tính trong đầu tư tối thiểu của cha mẹ, theo lý thuyết của Trivers (1972), đề xuất rằng phụ nữ nên là giới tính chọn lựa hoặc phân biệt kỹ hơn về đối tác giao phối, trong khi đàn ông nên ít phân biệt hơn và cạnh tranh mạnh mẽ hơn trong cuộc cạnh tranh giữa các cá thể cùng giới vì bạn đời.

Quan trọng là phải lưu ý rằng những điều này là những khái quát hóa mà có nhiều ngoại lệ. Nam giới có nhiều cơ hội để đầu tư vào hậu duệ sau khi sinh (ví dụ, thông qua chu cấp, bảo vệ và thúc đẩy), và thực tế con người có lẽ cho thấy họ là loài mà sự đầu tư của cha mẹ nhiều hơn so với bất kỳ động vật có vú nào khác (Alexander & Noonan, 1979). Nơi mà đàn ông đầu tư rất nhiều vào con cái của họ, lý thuyết của Trivers (1972) dự đoán rằng họ sẽ thể hiện sự chọn lựa kỹ lưỡng hơn trong việc lựa chọn bạn đời so với khi họ đầu tư ít hơn vào hậu duệ. Do đó, mặc dù con người giống như hầu hết các loài động vật có vú trong việc phụ nữ thường là giới tính đầu tư nặng nề hơn, đàn ông cũng thường đầu tư đáng kể vào hậu duệ của họ, và có sự biến đổi đáng kể giữa mỗi giới tính về số lượng đầu tư: một điểm sẽ được đề cập sau.

Bảng I

Vấn đề lựa chọn bạn đời mà đàn ông và phụ nữ đối mặt trong ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn và dài hạn

Loại hẹn hò - Đàn ông - Phụ nữ

Ngắn hạn (Đàn ông)

1. Vấn đề số lượng đối tác
2. Vấn đề xác định phụ nữ nào dễ dàng tiếp cận về mặt tình dục
3. Vấn đề giảm thiểu chi phí, rủi ro và cam kết
4. Vấn đề khả năng sinh sản

Ngắn hạn (Phụ nữ)

1. Vấn đề khai thác nguồn lực tức thì
2. Vấn đề đánh giá đối tác ngắn hạn có thể thành đối tác dài hạn
3. Vấn đề chất lượng gen
4. Vấn đề chuyển đổi đối tác, đuổi đối tác, hoặc đối tác dự phòng

Dài hạn (Đàn ông)

1. Vấn đề tin tưởng về mối quan hệ cha con
2. Vấn đề giá trị sinh sản (reproductive value) của phụ nữ
3. Vấn đề cam kết
4. Vấn đề kỹ năng làm mẹ tốt
5. Vấn đề chất lượng gen

Dài hạn (Phụ nữ)

1. Vấn đề xác định đàn ông nào có khả năng (able) đầu tư
2. Vấn đề xác định đàn ông nào sẵn lòng (willing) đầu tư
3. Vấn đề bảo vệ thể chất
4. Vấn đề cam kết
5. Vấn đề kỹ năng làm cha tốt
6. Vấn đề chất lượng gen

Logic thích nghi của đàn ông theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn

Lợi ích sinh sản mà lịch sử đã mang lại cho đàn ông thành công trong việc theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn là trực tiếp: tăng số lượng con sinh ra. Ví dụ một người đàn ông đã kết hôn có hai con, có thể tăng thành công sinh sản của mình lên tới 50% bằng một lần ái ân ngắn ngủi dẫn đến thụ tinh [và sinh thêm 1 con]. Lợi ích này, tất nhiên, giả sử rằng đứa trẻ sinh ra từ một liên kết ngắn hạn như vậy sẽ sống sót, điều này sẽ phụ thuộc vào khả năng của phụ nữ trong việc đảm bảo nguồn lực liên quan thông qua các phương tiện khác (ví dụ, bản thân, thông qua họ hàng, hoặc thông qua người đàn ông khác). Trong quá khứ, đàn ông dường như đã đạt được sự tăng cường thành công sinh sản chủ yếu thông qua sự tăng số lượng đối tác tình dục, chứ không phải thông qua sự tăng số lượng con sinh ra từ mỗi đối tác (Betzig, 1986; Dawkins, 1986).

Tất cả các chiến lược tình dục đều mang lại chi phí, và hện hò ngắn hạn

không phải là ngoại lệ. Đàn ông có thể gánh chịu chi phí sinh sản lớn: (a) Họ có nguy cơ mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, và nguy cơ này tăng với số lượng phụ nữ mà họ có quan hệ tình dục; (b) họ có nguy cơ mất danh tiếng xã hội vì là một người đào hoa có thể làm giảm giá trị đối tác của họ khi họ tìm kiếm một đối tác dài hạn: Phụ nữ có giá trị bạn đời (mate value) cao có thể ngần ngại hẹn hò với một người đàn ông có xu hướng lãng nhãng cho thấy triển vọng đầu tư cha mẹ lâu dài kém; và (c) họ có nguy cơ bị bạo lực từ phía những người chồng ghen tuông nếu những phụ nữ mà họ đang theo đuổi [với chiến lược này] đã kết hôn hoặc có đối tác từ trước (Daly & Wilson, 1988).

Vấn đề mà đàn ông phải đối mặt khi theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn

Đàn ông đối mặt với một vấn đề phức tạp và đa chiều khi họ theo đuổi một chiến lược tình dục ngắn hạn: Thành công sinh sản của đàn ông bị hạn chế bởi số lượng phụ nữ có khả năng sinh sản mà họ có thể thụ tinh. Vấn đề này có thể được chia thành bốn vấn đề (hoặc khía cạnh) thích nghi chuyên biệt: (a) vấn đề số lượng đối tác, hoặc sự đa dạng (Symons, 1979); (b) vấn đề xác định phụ nữ nào dễ dàng tiếp cận về mặt tình dục; (c) vấn đề xác định phụ nữ nào có khả năng sinh sản; và (d) vấn đề giảm thiểu cam kết và đầu tư để hiệu quả hơn trong việc theo đuổi chiến lược hẹn hò ngắn hạn (short-term matings / tình dục ngắn hạn).

Vấn đề Số lượng Đối tác

Những thích nghi cụ thể nào nên được kỳ vọng trong tâm lý tình dục tiến hóa của đàn ông để giải quyết vấn đề tiếp cận tình dục với một số lượng lớn phụ nữ? Một giải pháp đầu tiên cho vấn đề số lượng có thể được kỳ vọng trong mong muốn: Đàn ông có thể đã tiến hóa trong lịch sử tiến hóa của loài người một khát khao mạnh mẽ cho việc tiếp cận tình dục với một số lượng lớn phụ nữ (cf. Symons, 1979). Một thích nghi chuyên biệt thứ hai dự kiến trên lý thuyết sẽ là việc giảm bớt các tiêu chuẩn đặt

ra cho đối tác ngắn hạn chấp nhận được. Các tiêu chuẩn cao, theo định nghĩa, loại trừ một số lượng lớn phụ nữ vượt qua chúng. Việc giảm bớt các tiêu chuẩn nên áp dụng cho một loạt các đặc điểm của đối tác, bao gồm tiêu chuẩn về tuổi, trí thông minh, đặc điểm cá nhân, và hoàn cảnh cá nhân như việc một phụ nữ đã có mối quan hệ với người khác. Một đặc điểm chuyên biệt thứ ba cho chiến lược tình dục tiến hóa của đàn ông nên là đặt ra những ràng buộc thời gian tối thiểu trong việc biết một người bạn tình tiềm năng trước khi tìm kiếm quan hệ tình dục. Thời gian càng ít cần thiết trước khi có quan hệ tình dục, số lượng phụ nữ mà một người đàn ông có thể tiếp cận sẽ nhiều hơn. Sự chậm trễ thời gian kéo dài, bằng cách tiêu hao nhiều nỗ lực hẹn hò hơn của một người đàn ông, sẽ cản trở việc giải quyết vấn đề số lượng.

Vấn đề về Khả năng Tiếp cận Tình dục

Đàn ông, là giới tính đầu tư ít hơn, dự đoán sẽ ít kén chọn hơn phụ nữ khi tìm kiếm bạn đời ngắn hạn. Tuy nhiên, lợi thế sinh sản sẽ thuộc về những người đàn ông nào hướng nỗ lực giao phối mạnh mẽ nhất về phía những phụ nữ có khả năng tiếp cận tình dục. Thời gian, năng lượng và nguồn lực dành cho những phụ nữ mà khả năng tiếp cận tình dục không chắc chắn sẽ cản trở việc thực hiện thành công một chiến lược tình dục ngắn hạn.

Những thích nghi chuyên biệt để giải quyết vấn đề tiếp cận tình dục nên được đưa vào trong những ưu tiên tâm lý mà đàn ông thể hiện đối với bạn đời ngắn hạn. Những phụ nữ kén chọn, thiếu kinh nghiệm tình dục, bảo thủ, hoặc dửng dưng như có ham muốn tình dục thấp, ví dụ vậy, nên bị loại bỏ. Dấu hiệu của khả năng tiếp cận tình dục, như sự dễ dãi hay lãng nhăng, có thể là không mong muốn trong bạn đời dài hạn, nhưng có khả năng được đàn ông mong muốn trong bạn đời ngắn hạn vì chúng là tín hiệu về khả năng tiếp cận.

Vấn đề về Xác định Phụ nữ Nào có Khả năng Sinh sản

Các nhà sinh vật học phân biệt hai khía cạnh của cơ hội sinh sản: khả năng sinh sản và giá trị sinh sản. Khả năng sinh sản (fertility) đề cập đến xác suất sinh sản hiện tại. Ở loài người, khả năng sinh sản của phụ nữ thường đạt đỉnh vào đầu đến giữa 20 tuổi. Quan hệ tình dục với một phụ nữ ở độ tuổi này sẽ có khả năng sinh sản cao nhất. Ngược lại, giá trị sinh sản (reproductive value) được định rõ bằng đơn vị dự kiến sinh sản trong tương lai: mức độ mà người ở một độ tuổi và giới tính cụ thể sẽ đóng góp, trung bình, vào dòng dõi của thế hệ tương lai (R. A. Fisher, 1930). Ở phụ nữ, giá trị sinh sản đạt đỉnh sớm hơn khả năng sinh sản: vào giữa tuổi teen.

Sự khác biệt giữa khả năng sinh sản và giá trị sinh sản có thể được minh họa bằng cách so sánh hai phụ nữ sau, một người 14 tuổi và một người 24 tuổi. Người phụ nữ trẻ hơn sẽ có giá trị sinh sản cao hơn người lớn tuổi hơn vì, theo định nghĩa, cơ hội sinh sản trong tương lai của cô ấy dự kiến sẽ cao hơn. Trung bình, phụ nữ 14 tuổi có thể mong đợi có nhiều con hơn so với phụ nữ 24 tuổi. Ngược lại, người phụ nữ 24 tuổi có khả năng sinh sản cao hơn người phụ nữ 14 tuổi vì xác suất sinh sản hiện tại cao hơn đối với người phụ nữ 24 tuổi. Sau khi bắt đầu kinh nguyệt, phụ nữ thường trải qua một giai đoạn khoảng 2 năm mà họ không thể thụ tinh (Frayser, 1985). Phụ nữ ở đầu tuổi teen thường có khả năng sinh sản thấp, mặc dù giá trị sinh sản của họ cao.

Xét đến những yếu tố này, có thể dự đoán rằng đàn ông tìm kiếm bạn đời dài hạn sẽ ưu tiên phụ nữ có giá trị sinh sản cao hơn là phụ nữ có khả năng sinh sản cao. Một người đàn ông giao phối với một phụ nữ có giá trị sinh sản cao sẽ có quyền tiếp cận một tài sản sinh sản lớn hơn so với một người đàn ông giao phối với một phụ nữ có giá trị sinh sản thấp hơn. Cùng một lý thuyết chỉ ra rằng đàn ông tìm kiếm bạn đời giao phối ngắn hạn sẽ muốn giao phối với phụ nữ có khả năng sinh sản cao. Khả năng sinh sản trong tương lai của một phụ nữ gần như không liên quan đến đàn ông tìm kiếm cơ hội giao phối [ngắn hạn].

Mặc dù vấn đề thích nghi này đối với đàn ông tìm kiếm hẹn hò ngắn hạn là rõ ràng, cụ thể là tìm kiếm một phụ nữ có khả năng sinh sản cao, giải pháp cho vấn đề này khó khăn hơn nó ban đầu có vẻ thế. Làm thế nào đàn ông có thể "tìm hiểu" (một lần nữa, không có ý thức quan tâm được ngụ ý ở đây) phụ nữ nào có khả năng sinh sản hoặc giá trị sinh sản cao nhất? Khả năng của một phụ nữ trong chuyện sinh con không được đánh dấu trên trán cô ấy. Đó không phải là một phần của danh tiếng xã hội của cô ấy, vì vậy không ai biết. Thậm chí chính phụ nữ cũng không biết rõ về khả năng sinh sản và giá trị sinh sản của mình. Vậy làm thế nào một sự ưu tiên có thể phát triển cho một thứ mà không thể nhận biết trực tiếp?

Câu trả lời nằm ở những đặc điểm của phụ nữ mà cung cấp các dấu hiệu liên quan đến khả năng sinh sản hoặc giá trị sinh sản. Hai dấu hiệu rõ ràng đối với những giá trị này là tuổi tác và sức khỏe. Phụ nữ già và không khỏe có khả năng sinh sản thấp hơn so với phụ nữ trẻ và khỏe mạnh. Do đó, đàn ông có thể giải quyết vấn đề mong muốn phụ nữ có khả năng sinh sản bằng cách ưu tiên những người trẻ và khỏe mạnh. Tuy nhiên, tuổi tác và sức khỏe, giống như khả năng sinh sản, không phải là những thuộc tính có thể quan sát trực tiếp. Hệ thống đếm (counting systems) chỉ là phát minh của loài người gần đây. Trong quá khứ tiến hóa của loài người trước khi có hệ thống đếm, tuổi tác không thể được đánh giá trực tiếp. Thật vậy, ngay cả trong thời đại hiện đại với việc giám sát tuổi tác chặt chẽ, việc lừa dối về tuổi tác không phải là điều chưa từng xảy ra. Điều tương tự cũng áp dụng cho sức khỏe. Ngoại trừ việc đảm bảo quyền tiếp cận với báo cáo của bác sĩ, đàn ông không có cách nào đánh giá trực tiếp sức khỏe của một phụ nữ.

Tuy nhiên, tổ tiên của chúng ta đã có quyền truy cập vào ba lớp dấu hiệu cung cấp bằng chứng xác suất về tuổi và tình trạng sức khỏe của một người phụ nữ: (a) đặc điểm về hình dáng thể chất (ví dụ, môi đầy đặn, da mịn màng, sáng mịn, mắt sáng, tóc bóng mượt, đối xứng, cơ bắp săn chắc và không có vết thương), (b) hành vi có thể quan sát được

(ví dụ, đi bộ nhanh nhẹn, trẻ trung và mức độ hoạt động cao), và (c) danh tiếng xã hội (ví dụ, kiến thức thu được từ người khác về tuổi và lịch sử sức khỏe trước đây của một người).

Bởi vì các dấu hiệu về thể chất và hành vi cung cấp bằng chứng quan sát được mạnh mẽ nhất về khả năng sinh sản của một người phụ nữ, logic tiến hóa của việc giao phối cho thấy rằng nam giới có thể đã tiến hóa một sự ưu tiên và sự thu hút đối với phụ nữ thể hiện những dấu hiệu này. Những người đàn ông không ưu tiên những phẩm chất chỉ ra khả năng sinh sản cao sẽ, trung bình, để lại ít con cháu hơn so với những người đàn ông thích hẹn hò với phụ nữ sở hữu những phẩm chất này.

Thành công về sinh sản của phụ nữ, ngược lại so với đàn ông, không liên quan chặt chẽ với việc có được bạn đời có giá trị sinh sản. Tiềm năng sinh sản của một người đàn ông, ở mức độ nó được phụ nữ đánh giá, không giảm dần theo tuổi từ tuổi dậy thì trở đi như của một người phụ nữ. Do đó, nó không thể được đánh giá chính xác từ hình dáng thể chất. Hình dáng thể chất nên ít quan trọng hơn đối với sở thích bạn đời của phụ nữ so với sở thích bạn đời của đàn ông. Logic tiến hóa này dẫn đến một dự đoán rõ ràng: Đàn ông, hơn phụ nữ, nên đánh giá cao tuổi trẻ tương đối và sự hấp dẫn về mặt thể chất trong những người bạn đời tiềm năng vì những liên kết mạnh mẽ của chúng với khả năng sinh sản và giá trị sinh sản.[1]

Nếu những người đàn ông trong quá khứ tiến hóa của loài người đã áp dụng chiến lược giao phối ngắn hạn như là một phần của bộ công cụ chiến lược của họ, thì người ta sẽ mong đợi những thích nghi chuyên biệt để giải quyết vấn đề về khả năng sinh sản. Sự ưu tiên bạn đời của đàn ông nên phụ thuộc vào ngữ cảnh: Họ nên tìm kiếm một người phụ nữ có giá trị sinh sản cho dài hạn nhưng một người phụ nữ có khả năng sinh sản cho ngắn hạn. Tuy nhiên, dự đoán này phải được điều chỉnh, bởi giải pháp cho vấn đề về số lượng, cụ thể là việc nói lỏng tiêu chuẩn.

Mặc dù những người đàn ông tìm kiếm bạn đời ngắn hạn, những thứ khác đều bằng nhau, họ có thể ưu tiên phụ nữ có khả năng sinh sản ở độ tuổi từ đầu đến giữa 20, một phạm vi rộng lớn về độ tuổi nên được chấp nhận trong bạn đời ngắn hạn do việc nói lỏng tiêu chuẩn.

Vấn đề về Tránh Cam Kết và Đầu Tư

Đàn ông tìm kiếm bạn đời ngắn hạn dự đoán sẽ tránh những người phụ nữ sẽ đòi hỏi cam kết hoặc đầu tư lớn trước khi đồng ý quan hệ tình dục. Càng đầu tư nhiều vào một quan hệ hẹn hò, giao phối cụ thể, số lượng bạn tình mà một người đàn ông cụ thể có thể tiếp cận sẽ càng ít đi. Những người phụ nữ yêu cầu đầu tư nặng nề thực sự buộc đàn ông vào một chiến lược dài hạn, điều này xung đột với việc theo đuổi quan hệ tình dục ngắn hạn. Cách trực tiếp nhất để thể hiện những ưu tiên bạn đời này là tránh những người phụ nữ dường như mong muốn cam kết dài hạn hoặc yêu cầu đầu tư tài nguyên nặng nề cho việc hẹn hò, giao phối.

Để tóm tắt, theo Lý thuyết các Chiến lược Tình dục, đàn ông được dự đoán sẽ theo đuổi, ít nhất là một phần, chiến lược tình dục ngắn hạn. Hàng ngàn thế hệ tiến hóa của loài người đã tạo ra những thích nghi chuyên biệt để giải quyết những vấn đề chuyên biệt đến mức cao, những cái mà hạn chế thành công sinh sản của đàn ông. Các giải pháp tiến hóa được dự đoán dưới hình thức sở thích bạn đời hoặc thể hiện những đặc điểm ngắn hạn nhất định như khả năng sinh sản, khả năng tiếp cận tình dục; và yêu cầu đầu tư thấp.

Sở thích như Cơ chế Tâm lý

Sở thích là cơ chế tâm lý tiến hóa giải quyết vấn đề về sinh tồn và sinh sản. Xem xét một vấn đề về sinh tồn: Một người nên ăn thực phẩm gì? Người đó phải đối mặt với một loạt các đối tượng tiềm năng có khả năng tiêu thụ - quả mọng, trái cây, hạt và thịt nhưng cũng có đất, lá, sỏi, cây độc, thức ăn thối, cành cây và phân. Điều gì sẽ xảy ra nếu một

người không có sở thích vị giác và thay vào đó ăn các đối tượng từ môi trường một cách ngẫu nhiên? Một số sinh vật, chỉ do sự biến đổi ngẫu nhiên, sẽ ăn những đối tượng cung cấp năng lượng và dinh dưỡng; những sinh vật khác, cũng do ngẫu nhiên, sẽ ăn chất độc hoặc các đối tượng khác gây hại cho sự sinh tồn. Nếu có sự phân phối ngẫu nhiên của sở thích, nếu biến thể như vậy dù chỉ có một cơ sở nhỏ trong biến đổi gen, thì theo thời gian, sở thích ăn các đối tượng dinh dưỡng sẽ tiến hóa. Những sở thích này ở người hóa ra là đối tượng giàu chất béo và đường; sự chống lại đã tiến hóa cho vị đắng và chua (Rozin & Vollmecke, 1986). Tất cả những người hiện tại đều có tổ tiên sở hữu những sở thích thực phẩm này. Những sở thích thực phẩm này giải quyết một vấn đề cơ bản về sinh tồn.

Sở thích về bạn đời trong một số cách nào đó tương tự như sở thích về thức ăn. Tuy nhiên, thay vì giải quyết vấn đề sinh tồn, sở thích về bạn đời giải quyết vấn đề sinh sản. Hãy xem xét một vấn đề sinh sản mà nam giới trong lịch sử tiến hóa của loài người phải đối mặt: chọn một người phụ nữ có khả năng sinh sản. Những người đàn ông trong quá khứ tiến hóa của loài người chọn hẹn hò, giao phối với những người phụ nữ không thể sinh sản sẽ không thể có con; những người chọn hẹn hò, giao phối với những người phụ nữ có khả năng sinh sản thì thành công hơn trong việc có con. Hợp lý khi cho rằng, qua hàng nghìn thế hệ, sẽ phát triển ở nam giới sự ưu tiên cho những người phụ nữ có khả năng sinh sản nhất, hoặc chính xác hơn, sự ưu tiên và sự hấp dẫn với những dấu hiệu nữ tính mà có độ tin cậy (reliably) liên quan đến khả năng sinh sản. Sở thích này giải quyết một vấn đề sinh sản giống như sở thích về thức ăn giải quyết vấn đề sinh tồn.

Khi chúng ta nói về sở thích như là giải pháp cho vấn đề sinh sản, không có ý ngụ ý rằng những sở thích này, hoặc những vấn đề sinh sản mà chúng giải quyết, được diễn đạt một cách ý thức, mặc dù chính những sở thích này có thể được nhận biết. Thay vào đó, chúng hoạt động như những khao khát (desires), sự hấp dẫn, và những cảm xúc

sâu kín thường thúc đẩy một người hướng về một số bạn đời và đẩy một người ra khỏi ai đó khác. Con người thích một số loại thức ăn và ghê tởm những loại khác mà không cần phải nhận biết về logic thích ứng của nội dung dinh dưỡng. Tương tự, con người bị thu hút bởi một số bạn đời tiềm năng và tránh những người khác mà không hề nhận biết về logic thích ứng (adaptive logic) đằng sau sự ưu tiên.

Tuy nhiên, những giải pháp tâm lý cho những vấn đề thích nghi được đề xuất ở đây không phải là những bản năng mù, được thực hiện bất kể hoàn cảnh hay ngữ cảnh. Thay vào đó, Lý thuyết các Chiến lược Tình dục chỉ rõ rằng những cơ chế tâm lý tiến hóa nhạy cảm với ngữ cảnh, và cụ thể thì với kích thước thời gian của ngữ cảnh: liệu một mối quan hệ hẹn hò ngắn hạn hay dài hạn đang được tìm kiếm hay dự kiến. Sự phụ thuộc ngữ cảnh của việc kích hoạt chiến lược nào của những cơ chế tâm lý này làm cho lý thuyết này độc đáo so với tất cả các lý thuyết khác về việc hẹn hò của con người.

Tóm lại, những cơ chế tâm lý tiến hóa được đề xuất là những giải pháp cho những vấn đề thích nghi cụ thể mà mỗi giới tính đã đối mặt khi đối diện với các loại vấn đề hẹn hò khác nhau. Bởi vì bộ dự đoán đầu tiên này, liên quan đến các khía cạnh khác nhau của giải pháp của nam giới cho vấn đề hẹn hò ngắn hạn, nó quan trọng đối với Lý thuyết Chiến lược Tình dục, [do vậy] có lẽ là cần thiết để xem xét kết quả thực nghiệm của các nghiên cứu, kiểm tra [tính đúng đắn của] những dự đoán này trước khi [chúng ta] chuyển sang ba góc khác của lý thuyết. Sự thất bại thực nghiệm của bộ dự đoán đầu tiên này sẽ đe dọa toàn bộ lý thuyết, và do đó, nó sẽ không đáng tiếp tục nếu không có bằng chứng đáng kể hỗ trợ. Những dự đoán, và những giả thuyết mà chúng dựa trên, được trình bày trong phần tiếp theo, theo sau là phần tổng kết của các nghiên cứu thực nghiệm được thực hiện để kiểm tra chúng.

[1] Tâm lý học tiến hóa về sự hấp dẫn về mặt hình thức thể chất còn phức tạp hơn những thảo luận này. Trong khi rõ ràng rằng tuổi trẻ được đánh giá cao

hơn trong việc đánh giá sự hấp dẫn của phụ nữ so với nam giới, dấu hiệu về sức khỏe có thể quan trọng cho cả hai giới. Cần có những nghiên cứu về tâm-sinh-lý (psychophysical) mà thay đổi hệ thống dấu hiệu về tuổi trẻ và sức khỏe, và xác định sự đánh giá được đưa ra cho những thành phần này bởi cả hai giới. Một yếu tố phức tạp bổ sung đến từ những lý thuyết dự đoán rằng sự hấp dẫn về mặt hình thức có thể được sử dụng bởi phụ nữ trong ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn như một dấu hiệu về sức khỏe, không phải chịu thiệt hại từ ký sinh trùng, đối xứng, và có thể lợi ích của việc sinh con đẹp (hấp dẫn hơn) với giới tính đối diện (Gangestad & Simpson, 1990; Gangestad & Thornhill, đang in; Hamilton & Zuk, 1982; Trivers, 1985). Những lý thuyết này dự đoán rằng trong trường hợp phụ nữ không đảm bảo được quyền truy cập liên tục vào tài nguyên của một người đàn ông, như có thể là trường hợp trong hẹn hò dài hạn, họ có thể đảm bảo gen tốt hơn được truyền cho con của họ bằng cách hẹn hò ngắn hạn với những người đàn ông hấp dẫn về mặt hình thức [có thể hiểu là một dạng bù trừ]. Mặc dù những bài kiểm tra toàn diện của những lý thuyết gây tranh cãi này vẫn còn cho tương lai, bằng chứng gián tiếp có thể đến từ việc xem xét liệu phụ nữ có đánh giá cao sự hấp dẫn về mặt hình thức hơn trong kiểu bạn đời hẹn hò ngắn hạn so với bạn đời hẹn hò dài hạn hay không.

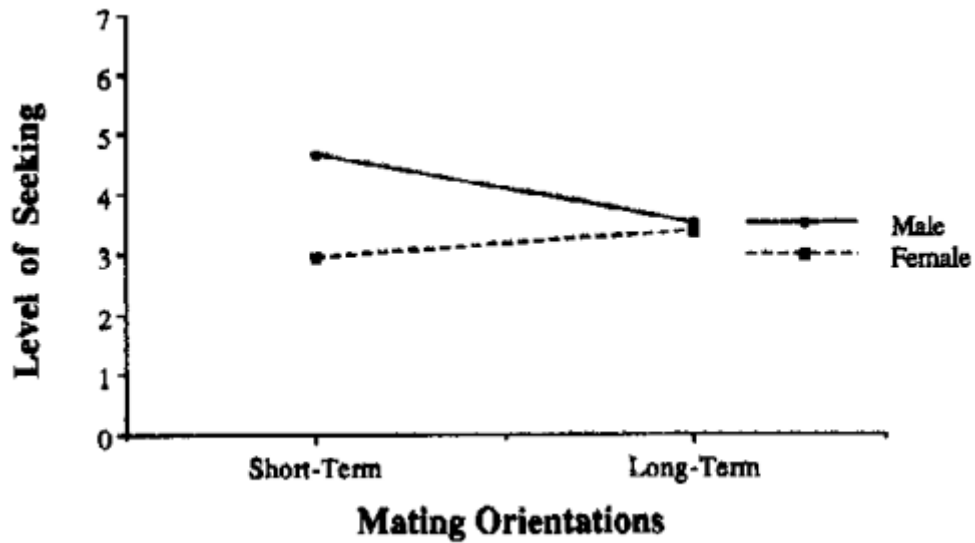
Ghi chú về các Thử nghiệm Thực nghiệm

Phần này tóm tắt các giả thuyết và dự đoán cụ thể theo Lý thuyết về các Chiến lược Tình dục và tóm tắt các thử nghiệm thực nghiệm liên quan của mỗi cái. Đối với những thử nghiệm thực nghiệm đã được công bố, người đọc được gửi các bài viết gốc để biết thêm chi tiết về phương pháp và thống kê. Đối với những thử nghiệm được thiết kế riêng cho bài viết này, có đủ chi tiết về phương pháp và thống kê được trình bày để cho phép người đọc đánh giá các phát hiện và tác động của chúng đối với các giả thuyết và dự đoán. Trong mọi trường hợp, chúng tôi báo cáo về thành phần mẫu, kích thước mẫu, các phương pháp được sử dụng, các thử nghiệm thống kê như thử nghiệm t và giá trị p liên quan, và mức độ của hiệu ứng (magnitudes of effect). Mặc dù một số nghiên cứu dựa trên phương pháp tự báo cáo, chúng tôi lưu ý rằng tự báo cáo là một

phương pháp lựa chọn hợp lý để đánh giá sở thích bạn đời (Buss, 1989b), mặc dù là một phương pháp có một số hạn chế rõ ràng, và rằng nhiều nghiên cứu khác sử dụng các phương pháp thay thế như kỹ thuật tâm sinh lý (psychophysiological), ghi chép quan sát, và quyết định hành vi được báo cáo cung cấp bằng chứng hợp nhất cho các giả thuyết và dự đoán chính. Thảo luận về hạn chế của những nghiên cứu này có thể được tìm thấy trong phần Thảo luận Chung và trong các bài viết đã được công bố ban đầu.

Giả thuyết 1: Do Mức độ Đầu tư Làm Cha Mẹ Tối thiểu Thấp hơn của Nam giới, Mỗi quan hệ Ngắn hạn Sẽ Chiếm một Phần lớn hơn trong Chiến lược Tình dục của Nam giới so với Chiến lược Tình dục của Nữ giới

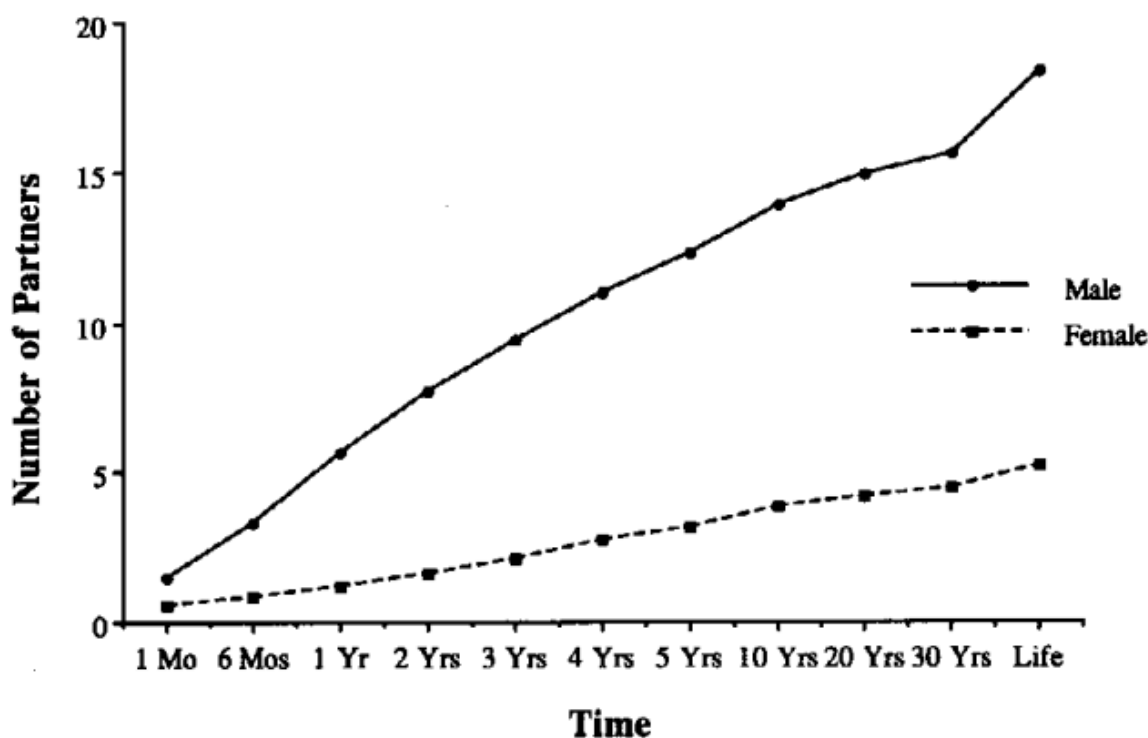
Dự đoán 1: Nam giới sẽ thể hiện mong muốn/hoặc quan tâm đến, bạn đời ngắn hạn hơn phụ nữ. Để kiểm tra dự đoán này, một mẫu 148 sinh viên đại học, 75 nam và 73 nữ, đánh giá trên thang điểm 7 điểm (1 = hiện tại không tìm kiếm và 7 = đang tìm kiếm mạnh mẽ) mức độ họ đang tìm kiếm một bạn đời ngắn hạn (được định nghĩa là tình một đêm, mối quan hệ thoáng qua, v.v.), và, độc lập, mức độ họ đang tìm kiếm một bạn đời lâu dài (được định nghĩa là một đối tác hôn nhân). Kết quả được hiển thị trong Hình 1. Mặc dù nam và nữ không khác biệt trong xu hướng tìm kiếm bạn đời lâu dài được nêu rõ ($t = 0,48$, ns), nam giới hơn phụ nữ trong nghiên cứu này, báo cáo rằng họ đang tìm kiếm đối tác tình dục ngắn hạn ($t = 5,37$, $p < ,001$, $y = 0,87$)[2]. Những phát hiện này, mặc dù rõ ràng bị hạn chế bởi mẫu và tuổi, hỗ trợ giả thuyết rằng chiến lược hẹn hò ngắn hạn đại diện cho một phần lớn hơn của nỗ lực hẹn hò của nam giới.[3]



Hình 1. Định hướng hẹn hò. (Bạn đời ngắn hạn và lâu dài được đánh giá trên thang từ điểm mốc 1 [không tìm kiếm chút nào ở hiện tại] cho đến 7 [đang tìm kiếm mạnh mẽ])

Dự đoán 2: Trong bất kỳ khoảng thời gian nào (ví dụ: một tháng, một năm, một thập kỷ, hoặc cả đời), nam giới sẽ mong muốn có nhiều bạn đời hơn phụ nữ (giải pháp cho vấn đề về số lượng). Để kiểm tra dự đoán này, 75 nam giới và 73 phụ nữ ước lượng số lượng đối tác tình dục (sexual partners) mà họ muốn có trong một loạt các khoảng thời gian: trong tháng tới, 6 tháng, 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm, 10 năm, 20 năm, 30 năm, và cả đời. Kết quả của nghiên cứu này được hiển thị trong Hình 2. Tại mỗi khoảng thời gian, nam giới báo cáo rằng họ mong muốn có nhiều đối tác tình dục hơn so với phụ nữ. Ví dụ trong 2 năm tới, nam giới báo cáo mong muốn có khoảng tám đối tác tình dục, trong khi phụ nữ báo cáo mong muốn có khoảng một người. Trong suốt cuộc đời, nam giới báo cáo, trung bình, mong muốn có hơn 18 đối tác tình dục, trong khi phụ nữ báo cáo mong muốn có 4 hoặc 5. Tại mỗi khoảng thời gian, nam giới thể hiện mong muốn có nhiều đối tác hơn ($p < ,001$ cho các thử nghiệm t được tiến hành cho mỗi khoảng, phạm vi $y = 0,49$ đến $0,87$, trung bình $y = 0,63$). Dù những người bạn đời ưa thích này liên quan đến bạn đời trước hôn nhân, hay mối quan hệ ngoại hôn nhân

(ngoài luồng), hay hôn nhân liên tiếp thì không thể đánh giá được từ những dữ liệu này. Tuy nhiên, những kết quả này, mặc dù bị hạn chế về phạm vi, hỗ trợ giả thuyết rằng hẹn hò ngắn hạn đại diện cho một phần lớn hơn của chiến lược hẹn hò của nam giới so với chiến lược hẹn hò của phụ nữ. Chúng cũng hỗ trợ dự đoán rằng nam giới sở hữu giải pháp cho vấn đề về số lượng đối tác, trong trường hợp này dưới hình thức mong muốn được thể hiện rõ ràng.



Hình 2. Số lượng đối tác tình dục mong muốn. (Các đối tượng đã ghi lại trong các không gian trống cung cấp số lượng đối tác tình dục mà họ muốn có trong mỗi khoảng thời gian đã chỉ định.)

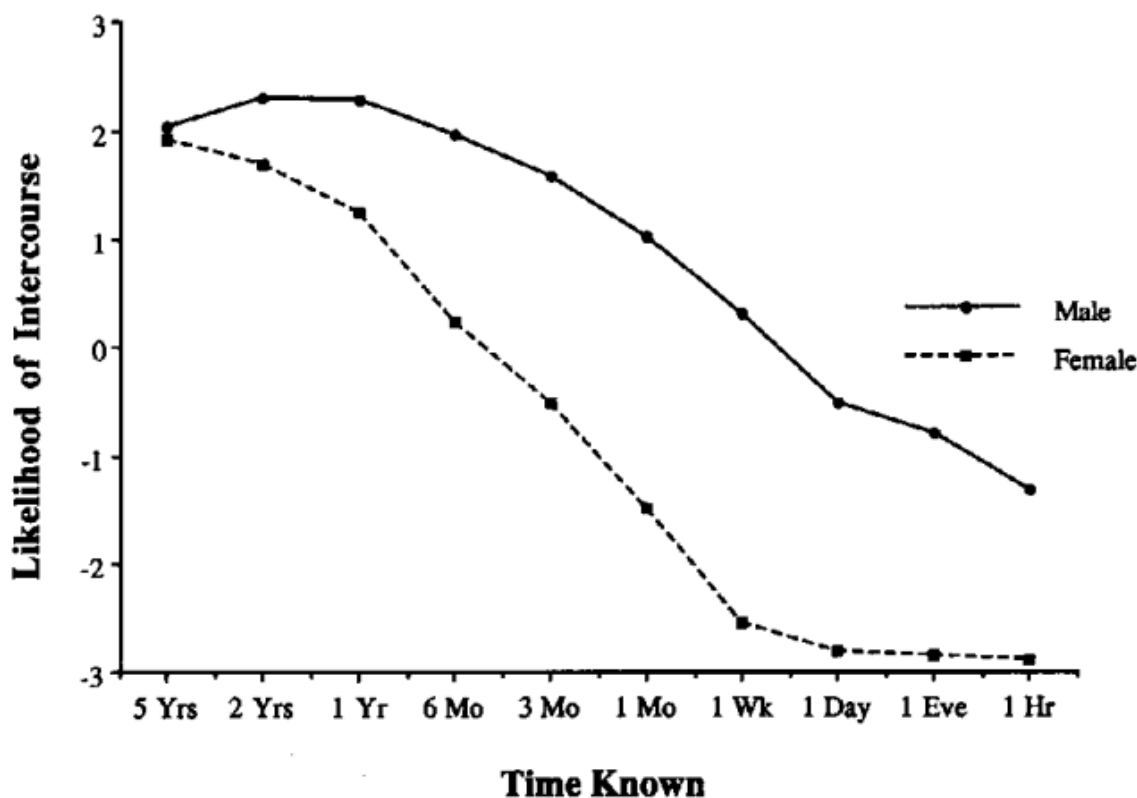
Dự đoán 3: Nam giới sẽ sẵn lòng tham gia quan hệ tình dục sau một khoảng thời gian ngắn hơn từ khi biết một đối tác tiềm năng so với phụ nữ (giải pháp cho vấn đề về số lượng). Để kiểm tra dự đoán này, một mẫu 75 nam và 73 nữ đã được đặt câu hỏi sau: "Nếu có điều kiện thích hợp, bạn có xem xét việc có quan hệ tình dục với ai đó mà bạn coi là đáng mơ ước... nếu bạn đã biết người đó trong 5 năm... nếu bạn đã biết

người đó trong 2 năm... nếu bạn đã biết người đó trong 1 năm... nếu bạn đã biết người đó trong 6 tháng... nếu bạn đã biết người đó trong 3 tháng... 1 tháng... 1 tuần... 1 ngày... 1 buổi tối... 1 giờ?" Mỗi khoảng thời gian được đánh giá trên một thang điểm từ -3 (*chắc chắn không*) đến 3 (*chắc chắn có*).

[2] Các kích thước hiệu ứng (γ) được báo cáo trong bài viết là gammas (Howell, 1987), chúng biểu thị sự khác biệt giữa các giá trị trung bình theo đơn vị độ lệch chuẩn. Cohen (1977) định nghĩa kích thước hiệu ứng là nhỏ nếu chúng là 0,20, và trung bình nếu chúng là 0,50, và lớn nếu chúng là 0,80 hoặc lớn hơn.

[3] Phần này và các phần sau chỉ trình bày những bài kiểm tra trực tiếp liên quan đến các dự đoán cụ thể được rút ra từ lý thuyết. Độc giả quan tâm đến toàn bộ phân tích có thể liên hệ với chúng tôi.

Kết quả được tóm tắt trong Hình 3. Khi họ đã biết một người bạn đời tiềm năng đáng mơ ước trong 5 năm, cả nam và nữ đều khẳng định rằng họ có thể sẽ quan hệ tình dục với người đó. Tuy nhiên, tại mỗi khoảng thời gian ngắn hơn 5 năm, nam giới khẳng định rằng họ có khả năng cao hơn sẽ quan hệ tình dục với đối tác tiềm năng. Nếu anh ta đã biết một người phụ nữ trong 6 tháng, ví dụ vậy, một người đàn ông có khả năng đồng ý quan hệ tình dục như anh ta đã biết cô ấy trong 5 năm. Ngược lại, phụ nữ giảm từ 2 (có thể) xuống gần 0 (trung lập) khi khoảng thời gian chuyển từ 5 năm xuống 6 tháng. Chỉ biết một đối tác tiềm năng trong vòng 1 tuần, nam giới vẫn trung bình lạc quan về khả năng đồng ý quan hệ tình dục. Phụ nữ, ngược lại, khẳng định rằng họ rất ít có khả năng sẽ quan hệ tình dục sau khi biết một người chỉ trong vòng 1 tuần. Sau khi biết một đối tác tiềm năng chỉ trong vòng 1 giờ, nam giới hơi không muốn xem xét việc quan hệ tình dục, nhưng sự không muốn này không mạnh. Đối với hầu hết phụ nữ, quan hệ tình dục sau chỉ 1 giờ là điều hầu như không thể. Sự khác biệt giữa giới tính rất đáng kể ($p < .001$) tại mỗi khoảng thời gian ngắn hơn 5 năm ($\gamma = 0,46$ đến $1,21$, trung bình $\gamma = 1,00$).



Hình 3. Xác suất đồng ý quan hệ tình dục. (Các đối tượng đã đánh giá xác suất mà họ sẽ đồng ý quan hệ tình dục sau khi đã biết một thành viên hấp dẫn của giới tính khác trong mỗi khoảng thời gian đã chỉ định.)

Trong một nghiên cứu sáng tạo do các nhà điều tra khác thực hiện (R. D. Clark & Hatfield, 1989), một người đàn ông hoặc phụ nữ hấp dẫn đã tiếp cận những người lạ của giới tính khác trên một khuôn viên trường đại học và đặt một trong ba câu hỏi được chọn ngẫu nhiên: “Tôi đã để ý bạn trên khuôn viên trường. Tôi thấy bạn rất hấp dẫn. (a) Bạn có đi chơi với tôi tối nay không? (b) Bạn có đến nhà tôi tối nay không? (c) Bạn ngủ với tôi tối nay không?” Trong số những phụ nữ được mời hẹn hò (đi chơi tối nay), khoảng 50% đồng ý; trong số những phụ nữ được mời về nhà của người đàn ông, chỉ có 6% đồng ý; và trong số những phụ nữ được yêu cầu quan hệ tình dục (ngủ với tôi), không ai đồng ý. Trong số những người đàn ông được tiếp cận, khoảng 50% đồng ý đi hẹn hò (tỷ lệ phần trăm giống như phụ nữ), 69% đồng ý về nhà của người phụ nữ đó, và có tới 75% đồng ý ngủ với cô ấy vào tối đó. Những kết quả này đã được

tái tạo (R. D. Clark & Hatfield, 1989) và có vẻ rất mạnh mẽ.

Những dữ liệu hành vi này chỉ ra rằng nam giới còn sẵn lòng hơn nữa tham gia vào quan hệ tình dục không ràng buộc với một người lạ hơn so với những ước lượng tự báo cáo trong nghiên cứu trên. Sự sai lệch có thể do hai khác biệt chính trong các nghiên cứu. Đầu tiên, một người phụ nữ thật, hấp dẫn về hình thức đã xuất hiện trong nghiên cứu của R. D. Clark và Hatfield (1989), trong khi đó trong nghiên cứu tự báo cáo chỉ là một đối tác tưởng tượng. Thứ hai, người phụ nữ đã tiết lộ rằng họ thấy các đối tượng rất hấp dẫn, điều này cũng có thể khiến nam giới càng hướng tới quan hệ tình dục không ràng buộc. Tuy nhiên, khi kết hợp lại, cả hai nghiên cứu đều hỗ trợ giả thuyết rằng nam giới hướng tới cơ hội hẹn hò ngắn hạn hơn và giải quyết vấn đề về số lượng một phần bằng cách cho phép ít thời gian cần thiết (phải bỏ ra) trước khi tìm kiếm hoặc đồng ý quan hệ tình dục.

Dự đoán 4: Trong tất cả các thuộc tính mong muốn trong các đối tác ngắn hạn, nam giới sẽ đặt ra những tiêu chuẩn ít nghiêm ngặt hơn so với phụ nữ (giải pháp cho vấn đề về số lượng). Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã tổng hợp 67 đặc điểm đã từng được đề cử như là tiềm năng mong muốn trong một đối tác (xem Buss & Barnes, 1986). Những thuộc tính này bao gồm từ mạo hiểm, nghệ thuật, và thể thao đến phong cách trong hình thức, hiểu biết, và được mọi người yêu mến. Một mẫu 57 nam và 51 nữ đã đánh giá mỗi đặc điểm trên một thang điểm 7 điểm từ 3 (rất mong muốn) qua 0 (không quan trọng hoặc không chắc chắn) đến -3 (rất không mong muốn) trong một đối tác ngắn hạn, được định nghĩa như đã mô tả trước đó.

Trên 41 trong số 67 đặc điểm, khoảng hai phần ba, tiêu chuẩn của nam giới cho một đối tác ngắn hạn thấp hơn đáng kể so với phụ nữ ($p < .05$, hai đuôi, cho mỗi bài kiểm tra t). Ví dụ, nam giới yêu cầu trong một đối tác ngắn hạn mức độ quyến rũ (charm), thể thao (athleticism), giáo dục (education), sự tận tâm (devotion), kỹ năng xã hội, lòng hào phóng, sự

trung thực, sự độc lập, lòng tốt, trí tuệ, lòng trung thành, khiếu hài hước, sự giao tiếp, sự giàu có, trách nhiệm, sự cởi mở, sự ngẫu hứng, sự lịch sự, sự hợp tác và sự ổn định về mặt cảm xúc thấp hơn. Không có đặc điểm nào mà nam giới đòi hỏi nhiều hơn phụ nữ trong bối cảnh hẹn hò ngắn hạn. Một điểm tổng kết, đại diện cho một tổng hợp trên tất cả 67 đặc điểm, cho thấy nam giới ít đòi hỏi hơn phụ nữ về tiêu chuẩn cho một đối tác ngắn hạn ($p < .001$, $y = 0.79$) và ít đòi hỏi hơn trong bối cảnh ngắn hạn so với bối cảnh dài hạn ($p < .001$, $y = 1.90$). Những phát hiện này hỗ trợ dự đoán rằng nam giới nói lòng tiêu chuẩn của mình trong bối cảnh hẹn hò ngắn hạn, cung cấp một giải pháp một phần cho vấn đề về số lượng.

Giả thuyết về tiêu chuẩn của nam giới được nói lòng trong các ngữ cảnh ngắn hạn cũng đã nhận được sự hỗ trợ thực nghiệm độc lập từ Kenrick, Sadalla, Groth và Trost (1990). Sử dụng một phương pháp độc đáo, họ yêu cầu các đối tượng báo cáo về mức độ chấp nhận tối thiểu của họ đối với các đặc điểm như trí tuệ và lòng tốt trong các loại mối quan hệ khác nhau. Họ phát hiện ra rằng, mặc dù cả hai giới đều đặt ra những tiêu chuẩn tối thiểu cao trong một người bạn đời để có những đặc điểm này (ít nhất là phân vị* thứ 60), nhưng những tiêu chuẩn mà nam giới đặt ra cho một người mà họ chỉ có quan hệ tình dục giảm mạnh (ví dụ, phân vị thứ 40 về trí tuệ), trong khi tiêu chuẩn của phụ nữ vẫn duy trì ở mức cao đồng đều cho những mối quan hệ như vậy (ví dụ, ít nhất là phân vị thứ 55 về trí tuệ). Tóm lại, các bằng chứng từ các cuộc điều tra độc lập hỗ trợ giả thuyết về tiêu chuẩn nam giới nói lòng trong các ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn.

*Phân vị: "Phân vị" trong thống kê là một khái niệm dùng để mô tả vị trí của một giá trị trong một tập hợp dữ liệu. Bạn có thể hiểu nó như là một điểm chia tập dữ liệu thành các phần có tỷ lệ phần trăm cụ thể. Ví dụ, nếu bạn có một danh sách các điểm số, phân vị thứ 50 (còn được gọi là trung vị) là giá trị mà tại đó 50% các điểm số nằm dưới nó và 50% nằm trên nó. Tương tự, phân vị thứ 25 (tức là tứ phân vị thứ nhất) là giá trị mà tại đó 25% dữ liệu nằm dưới nó. Phân vị giúp ta hiểu rõ hơn về cách phân bố của dữ liệu, đặc biệt trong việc xác định sự phân bố của các giá trị

thấp, trung bình và cao trong tập hợp đó. Chú thích không có trong bản gốc, người biên tập bổ sung vào cho dễ hiểu.

Dự đoán 5: Trong các ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn, nam giới sẽ đặt ra những tiêu chí loại trừ ít nghiêm ngặt hơn so với phụ nữ (tức là, họ sẽ có ít đặc điểm mà họ coi là không mong muốn hoặc ghê tởm). Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã tổng hợp một danh sách các đặc điểm đã được đề cử trước đó là không mong muốn trong một người bạn đời tiềm năng. Ví dụ như không biết cảm thông, có định kiến, chán chường, keo kiệt, không trung thực, ngốc nghếch, thiếu tham vọng, hơi thở hôi, v.v. Một mẫu gồm 44 nam và 42 nữ đã đánh giá mỗi đặc điểm trên một thang điểm 7 điểm, từ 3 (rất mong muốn) đến -3 (rất không mong muốn) trong một người bạn đời ngắn hạn.

Trong số 61 đặc điểm, khoảng một phần ba được phụ nữ đánh giá là không mong muốn hơn so với nam giới. Những đặc điểm này bao gồm lạm dụng tinh thần, lạm dụng thể xác, song tính, bị người khác không thích, uống nhiều rượu, ngốc nghếch, không học thức, một người cờ bạc, già, chiếm hữu, dâm dật, ích kỷ, thiếu khiếu hài hước, không quyến rũ, thấp bé, thích ngủ với nhiều người, dễ phục tùng, bạo lực, và yếu đuối. Trái lại, chỉ có 5 trong số 61 đặc điểm tiêu cực được nam giới đánh giá là không mong muốn hơn so với phụ nữ. Một điểm tổng kết, dựa trên tổng hợp tất cả 61 đặc điểm, cho thấy rằng phụ nữ đã thể hiện những tiêu chuẩn loại trừ mạnh mẽ hơn so với nam giới khi đánh giá một người bạn đời ngắn hạn ($p < .001$, $\gamma = 0.57$), và nam giới thể hiện những tiêu chuẩn loại trừ ít nghiêm ngặt hơn trong ngữ cảnh ngắn hạn so với ngữ cảnh dài hạn ($p < .001$, $\gamma = 1.52$). Những kết quả này cung cấp thêm sự hỗ trợ cho giả thuyết rằng tiêu chuẩn của nam giới khi tìm kiếm một người bạn đời ngắn hạn trở nên nới lỏng, từ đó giải quyết một phần vấn đề về số lượng.

Giả thuyết 2: Nam giới đã tiến hóa một tâm lý tình dục riêng biệt trong bối cảnh hẹn hò ngắn hạn sao cho sở thích cho người bạn đời ngắn hạn

sẽ giải quyết vấn đề nhận biết phụ nữ nào dễ tiếp cận về mặt tình dục

Dự đoán 6: Dấu hiệu của việc có sẵn ngay lập tức (ví dụ, lãng nhãng hoặc có kinh nghiệm tình dục rõ ràng) sẽ được nam giới đánh giá cao trong người bạn tình ngắn hạn hơn so với người bạn tình dài hạn vì chúng cung cấp dấu hiệu về khả năng tiếp cận tình dục. Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã xem xét sở thích của nam giới cho người bạn tình ngắn hạn so với người bạn tình dài hạn đối với các đặc điểm lãng nhãng, sức hấp dẫn tình dục, và kinh nghiệm tình dục (xem mẫu và mô tả quy trình cho Dự đoán 5). Kết quả được hiển thị trong Bảng 2. Tất cả ba đều được nam giới đánh giá cao hơn trong một người bạn đời ngắn hạn, đúng như dự đoán. Đáng chú ý là nam giới thấy lãng nhãng (promiscuity) là một điều mong muốn ở mức độ nhẹ trong một người bạn tình ngắn hạn nhưng rõ ràng là không mong muốn trong một người bạn tình dài hạn. Cũng đáng chú ý là phát hiện thấy rằng, phụ nữ thấy lãng nhãng là một điều vô cùng không mong muốn trong bất kỳ ngữ cảnh nào ($M = -1.28$ trong người bạn tình ngắn hạn và $M = -2.15$ trong người bạn tình dài hạn). Những phát hiện này hỗ trợ giả thuyết rằng nam giới có những sở thích cụ thể khi hẹn hò ngắn hạn, những sở thích giúp giải quyết một phần vấn đề về khả năng tiếp cận tình dục.

Dự đoán 7: Dấu hiệu cho thấy phụ nữ không có ý định tham gia vào quan hệ tình dục ngắn hạn, như tính kén chọn, thiếu kinh nghiệm tình dục, hoặc có vẻ như động lực tình dục thấp, sẽ không được nam giới tìm kiếm người bạn đời ngắn hạn ưa thích. Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã chọn ba thuộc tính quan trọng từ danh sách 61 đặc điểm không mong muốn trong người bạn đời. Kết quả từ nghiên cứu này, với sự tham gia của 44 nam giới, được hiển thị trong phần dưới cùng của Bảng 2. Trong các ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn hơn so với các ngữ cảnh hẹn hò dài hạn, nam giới thể hiện sự không thích đặc biệt đối với phụ nữ có động lực tình dục thấp, kén chọn, và thiếu kinh nghiệm tình dục, mặc dù động lực tình dục thấp và tính kén chọn cũng không được nam giới ưa thích trong người bạn đời dài hạn. Trái lại, thiếu kinh nghiệm tình dục

được nam giới đánh giá cao một chút trong một người bạn đời dài hạn. Những phát hiện này hỗ trợ giả thuyết rằng sở thích của nam giới khi tìm kiếm người bạn đời ngắn hạn hoạt động để giải quyết, ít nhất là một phần, vấn đề nhận biết phụ nữ nào dễ tiếp cận về mặt tình dục.

Giả thuyết 3: Nam giới đã tiến hóa một tâm lý tình dục riêng biệt của họ ngắn hạn sao cho sở thích cho người bạn đời ngắn hạn sẽ giải quyết, một phần, về vấn đề giảm thiểu cam kết và đầu tư khi thực hiện chiến lược này.

Dự đoán 8: Bởi vì việc thực hiện thành công một chiến lược tình dục ngắn hạn cho nam giới đòi hỏi việc giảm thiểu cam kết và đầu tư, nam giới sẽ thấy không có mong muốn thấy người bạn đời ngắn hạn tiềm năng bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy rằng người phụ nữ muốn đòi hỏi một cam kết. Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã tiến hành một bài kiểm tra t cho biến số muốn một cam kết cho sở thích bạn đời ngắn hạn so với bạn đời dài hạn (xem Dự đoán 5 để biết mô tả về mẫu và quy trình). Trong tất cả các biến số, biến số này cho thấy sự khác biệt ngữ cảnh nổi bật nhất cho nam giới (xem Bảng 2). Cụ thể, thuộc tính muốn một cam kết được nam giới coi là rất mong muốn trong một người bạn đời dài hạn nhưng rất không mong muốn trong một người bạn đời ngắn hạn. Đối với phụ nữ, sự khác biệt ngữ cảnh này cũng được tìm thấy nhưng không mạnh mẽ như vậy: Muốn một cam kết được coi là rất mong muốn trong một người bạn đời để kết hôn nhưng chỉ là không mong muốn một chút trong một người bạn tình ngắn hạn. Những phát hiện này hỗ trợ giả thuyết rằng nam giới đặc biệt tìm cách tránh cam kết khi tìm kiếm một người bạn đời ngắn hạn, một giải pháp một phần cho vấn đề tối đa hóa cơ hội giao phối.

Giả thuyết 4: Nam giới đã tiến hóa một tâm lý tình dục riêng biệt của họ ngắn hạn sao cho sở thích cho người bạn đời ngắn hạn sẽ giải quyết, một phần, các vấn đề về việc xác định phụ nữ nào có khả năng sinh sản

Dự đoán 9: Bởi vì nhóm dấu hiệu quan trọng nhất liên quan đến khả năng sinh sản và giá trị sinh sản là thể chất (Buss, 1987, 1989b; Symons, 1979; Williams, 1975), nam giới sẽ đặt nhiều sự quan trọng vào vẻ ngoài hấp dẫn trong cả ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn và dài hạn. Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã xem xét cách nam giới thấy đặc điểm xinh đẹp (good looking) và hấp dẫn về mặt thể chất (physically attractive) là mong muốn như thế nào. Kết quả được hiển thị trong Bảng 2 (xem mẫu và mô tả phương pháp từ Dự đoán 5). Sở thích của nam giới đối với vẻ đẹp thể chất trong người bạn đời ngắn hạn đã tiếp cận giới hạn tối đa của thang điểm đánh giá. Thực tế, sở thích này mạnh mẽ hơn đối với nam giới tìm kiếm người bạn đời ngắn hạn so với nam giới tìm kiếm người bạn đời dài hạn và mạnh mẽ hơn đối ở nam giới so với phụ nữ trong cả hai ngữ cảnh.

Bảng 2

Những gì Đàn ông Đánh giá cao và Không ưa thích cao trong Mối quan hệ Ngắn hạn hơn là Mối quan hệ Dài hạn

Table 2
What Men Value and Dislike More in Short-Term Mating Than in Long-Term Mating

Characteristic	Short-term mean	Long-term mean	<i>t</i>	<i>p</i>	γ^a
Value					
Good looking	2.67	2.21	5.30	.000	0.61
Physically attractive	2.71	2.31	4.30	.000	0.50
Promiscuous	0.36	-0.99	6.71	.000	0.80
Sex appeal	2.67	2.33	4.10	.000	0.47
Sexually experienced	1.09	0.19	6.55	.000	0.76
Dislike					
Wants a commitment	-1.40	2.17	-10.08	.000	1.56
Low sex drive	-2.38	-2.02	-3.19	.003	0.49
Prudish	-1.64	-1.14	-2.13	.039	0.33
Not sexually experienced	-0.43	0.52	-4.66	.000	0.72
Physically unattractive	-2.24	-1.88	-2.93	.006	0.45

[a] Các kích thước hiệu ứng (γ) là các gammas (Howell, 1987). Chúng biểu thị sự khác biệt giữa các giá trị trung bình theo đơn vị độ lệch chuẩn. Cohen (1977) định nghĩa kích thước hiệu ứng là *nhỏ* nếu chúng là 0,20, *trung bình* nếu chúng là 0,50,

và lớn nếu chúng là 0,80 hoặc lớn hơn.

Chú thích nghĩa tiếng Việt ở bảng trên:

- Good looking: xinh đẹp
- Physically attractive: hấp dẫn thể chất
- Promiscuous: lăng nhăng, lang chạ
- Sex appeal: hấp dẫn giới tính
- Sexually experienced: có kinh nghiệm tình dục
- Wants a commitment: muốn có cam kết
- Low sex drive: ham muốn tình dục thấp
- Prudish: quan điểm truyền thống, khắt khe về tình dục
- Not sexually experienced: không có kinh nghiệm tình dục
- Physically unattractive: không có sự hấp dẫn về mặt thể chất

Đối với phụ nữ, $M = 2,41$ và $M = 1,92$ đối với người đẹp trai và $M = 2,43$ và $M = 2,10$ đối với người hấp dẫn về mặt thể chất, trong ngữ cảnh tương ứng về ngắn hạn và dài hạn. Phụ nữ do đó coi trọng hơn về ngoại hình trong mối quan hệ ngắn hạn so với mối quan hệ dài hạn. Mặc dù là dựa trên hoàn cảnh, những phát hiện này phù hợp với các lý thuyết được đưa ra bởi Gangestad và Simpson (1990), Hamilton và Zuk (1982), và Trivers (1985) về vai trò tiềm năng của gen tốt hơn trong ngữ cảnh mối quan hệ ngắn hạn.

Việc phát hiện ra rằng đàn ông thể hiện mong muốn mạnh mẽ hơn về sự hấp dẫn về mặt thể chất trong ngữ cảnh ngắn hạn so với ngữ cảnh dài hạn không được dự đoán trước và cần được xem xét kỹ lưỡng hơn về lý thuyết và thực nghiệm. Một suy đoán là có một số lượng lớn hơn các vấn đề thích nghi mà đàn ông phải giải quyết để theo đuổi một chiến lược dài hạn thành công, các vấn đề liên quan đến việc đánh giá mức độ cam kết, lòng trung thành, dấu hiệu của kỹ năng nuôi dạy con tốt, dấu hiệu của một người hợp tác tốt trong dài hạn, dấu hiệu của lòng chung thủy, và vân vân. Ngược lại, các vấn đề thích nghi cần phải được giải quyết để theo đuổi một chiến lược ngắn hạn là ít hơn, và độ phức tạp của mối quan hệ giảm đi tương ứng. Có thể những sở thích về dấu hiệu cho nhiều thuộc tính được tìm kiếm trong một người bạn đời dài

hạn làm giảm đi tầm quan trọng tương đối của sự hấp dẫn về mặt thể chất trong ngữ cảnh đó, một suy đoán cần được xem xét với công việc thực nghiệm trong tương lai.

Dự đoán 10: Đàn ông sẽ thấy phụ nữ không hấp dẫn về mặt thể chất là không mong muốn trong cả ngữ cảnh mối quan hệ ngắn hạn và dài hạn. Giá trị lớn mà đàn ông đặt lên sự hấp dẫn về mặt thể chất trong một người bạn đời ngắn hạn được phản ánh trong sự không thích của họ đối với sự không hấp dẫn về mặt thể chất trong một người bạn đời ngắn hạn (Bảng 2; xem mẫu và mô tả phương pháp dưới Dự đoán 5). Mặc dù phụ nữ không hấp dẫn không được đàn ông mong muốn trong bất kỳ ngữ cảnh nào, sự không thích của đàn ông đối với sự thiếu vẻ đẹp đặc biệt mạnh mẽ trong ngữ cảnh ngắn hạn. Hơn nữa, sự không hấp dẫn về mặt thể chất được coi là không mong muốn hơn bởi đàn ông so với phụ nữ trong cả hai ngữ cảnh mối quan hệ (đối với phụ nữ, $M = -1,77$ và $M = -1,39$ trong ngữ cảnh ngắn hạn và dài hạn, tương ứng). Những kết quả này phản ánh những phát hiện được tìm thấy cho mong muốn về sự hấp dẫn về mặt thể chất. Đàn ông thể hiện sự ưu tiên mạnh mẽ hơn về thuộc tính này trong ngữ cảnh ngắn hạn so với ngữ cảnh dài hạn, cho thấy phát hiện này là vững chắc qua các mô hình đáng mong muốn và không đáng mong muốn trong trình bày sự ưa thích.

Tóm tắt Giai đoạn

Đối với các giả thuyết và 10 dự đoán tương ứng về tâm lý của chiến lược tình dục ngắn hạn của đàn ông đã được kiểm tra trong một loạt các nghiên cứu thực nghiệm và bởi các nhà điều tra độc lập. Những phát hiện hỗ trợ giả thuyết rằng chiến lược tình dục ngắn hạn chiếm ưu thế hơn trong bộ sưu tập chiến lược của đàn ông so với phụ nữ, ít nhất đối với những mẫu này. Đàn ông báo cáo mong muốn một số lượng lớn hơn các bạn tình ngắn hạn, cho phép ít thời gian trôi qua trước khi thể hiện sự sẵn lòng quan hệ tình dục, thể hiện tiêu chuẩn ít nghiêm ngặt hơn đối với bạn tình ngắn hạn, và đặt ra ít tiêu chí loại trừ hơn ngoại trừ sự hấp dẫn về mặt thể chất.

Hơn nữa, các nghiên cứu hỗ trợ các giả thuyết rằng sự ưa thích của đàn ông giải quyết các vấn đề thích nghi riêng biệt mà phải được giải quyết khi theo đuổi một chiến lược tình dục ngắn hạn. Cụ thể, đàn ông đánh giá cao dấu hiệu về tình dục sẵn có ngay lập tức, không thích dấu hiệu của sự không hứng thú với tình dục, tìm cách giảm thiểu cam kết, và đánh giá cao dấu hiệu có liên quan đáng tin cậy với khả năng sinh sản khi đánh giá một bạn tình ngắn hạn. Nhiều sở thích này được phân biệt rõ rệt từ những gì đàn ông tìm kiếm trong một bạn đời dài hạn, hỗ trợ tầm quan trọng lý thuyết của ngữ cảnh thời gian trong chiến lược hẹn hò của đàn ông. Cần thêm nghiên cứu, đặc biệt là trên các mẫu đa dạng hơn, để xác minh những phát hiện này. Tuy nhiên, khi xem chung, những phát hiện này cung cấp sự hỗ trợ khả quan cho một tập hợp lớn các tiền đề của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục. Chúng tôi bây giờ chuyển sang phần tiếp theo, tâm lý của chiến lược hẹn hò dài hạn của đàn ông.

Logic Thích Nghi của Đàn ông Theo đuổi Chiến lược Hẹn hò Dài hạn

Với những lợi thế sinh sản mạnh mẽ mà nam giới có được khi theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn, tại sao đàn ông lại theo đuổi một người bạn đời dài hạn? Lợi ích sinh sản chính cho nam giới của việc hẹn hò dài hạn là nó cung cấp khả năng độc quyền tài nguyên sinh sản suốt đời của một người phụ nữ. Ngoài ra, nó có thể mang lại lợi ích của sự hợp tác kinh tế kéo dài với người phụ nữ và phát triển liên minh dài hạn với họ hàng của cô ấy (Barb Smuts, 1991, giao tiếp cá nhân).

Có một số lý do sinh sản tiềm năng mạnh mẽ mà đàn ông sẽ tìm kiếm mối quan hệ dài hạn thay vì mối quan hệ ngắn hạn. Những lý do này bao gồm (a) khi hẹn hò dài hạn trở nên cần thiết để có được phụ nữ có

giá trị bạn đời cao,[4] (b) để tránh chi phí của việc không theo đuổi một người bạn đời dài hạn, (c) để tăng chất lượng di truyền của con cái, (d) để giải quyết vấn đề về sự ần dẫu quá trình rụng trứng ở phụ nữ, và (e) để gạt hái lợi ích của sự hợp tác với nhau và phân chia lao động.

Đáp ứng Tiêu chuẩn Đặt ra bởi Phụ nữ

Có một mối quan hệ không đối xứng giữa hai thành phần của chọn lọc giới tính. Sự ưa thích của một giới nên ảnh hưởng đến các chiến lược cạnh tranh được sử dụng bởi giới tính đối diện, hoặc theo thời gian tiến hóa hoặc qua quá trình phát triển cá nhân (Buss, 1988a). Nếu phụ nữ yêu cầu các dấu hiệu đáng tin cậy rằng một người đàn ông cam kết với họ trong một mối quan hệ dài hạn là điều kiện tiên quyết để đồng ý quan hệ tình dục, thì đàn ông sẽ phải hiển thị các tín hiệu cam kết dài hạn nếu họ muốn thành công trong việc tìm kiếm một người bạn đời (ngoại trừ các nỗ lực để vượt qua sự lựa chọn của phụ nữ).

Những tín hiệu này, tất nhiên, có thể, và đôi khi là, lừa dối. Đàn ông có thể giả vờ quan tâm dài hạn như một chiến lược để có được một người bạn đời ngắn hạn. Tuy nhiên, phụ nữ nên tiến hóa theo thời gian để chống lại sự lừa dối theo ba cách: (a) phát triển cơ chế tâm lý phát hiện khi sự lừa dối đang xảy ra, (b) tập trung vào các dấu hiệu dự đoán đáng tin cậy cam kết dài hạn thực tế, và (c) yêu cầu mức độ cam kết tăng lên mà khó để làm giả trước khi quan hệ tình dục. Do đó, thực tế, đàn ông có thể bị buộc tham gia vào mối quan hệ dài hạn để đáp ứng tiêu chuẩn được đặt ra bởi phụ nữ.

[4] Khái niệm về giá trị bạn đời (mate value) lần đầu tiên được giới thiệu bởi Symons (1987b), mặc dù các khái niệm tương tự như giá trị thị trường (Buss & Barnes, 1986; Frank, 1988) đã được sử dụng trong một số văn bản. Nó chỉ đến một tổng kết tổng thể, dựa trên một tập hợp các trọng số (Frank, 1985, tr. 186), đối với các thuộc tính thành phần. Hàm ý rõ ràng của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục là trọng số được gán cho các thành phần là khác nhau đối với nam và nữ.

Chi phí của việc không theo đuổi một người bạn đời lâu dài

Chi phí và lợi ích của một chiến lược phải được đánh giá bằng cách so sánh chúng với chi phí và lợi ích của các chiến lược thay thế. Chiến lược thay thế chính cho việc quan hệ lâu dài là quan hệ ngắn hạn. Tuy nhiên, việc liên tục tìm kiếm người bạn đời ngắn hạn có thể tốn kém về thời gian, năng lượng và tài nguyên. Những chi phí này trở nên đặc biệt nổi bật trong các bối cảnh mà phụ nữ thể hiện sự do dự trong việc nhanh chóng quan hệ, hẹn hò, thay vào đó yêu cầu sự việc tán tỉnh (courtship) kéo dài, đầu tư và dấu hiệu cam kết. Sự chậm trễ và phân biệt của phụ nữ trong việc cho phép quan hệ tình dục làm tăng chi phí cho những người đàn ông theo đuổi chiến lược chỉ hẹn hò ngắn hạn. Nếu một người đàn ông không hình thành một mối quan hệ lâu dài, anh ta cũng có thể mất cơ hội phát triển một mối quan hệ hợp tác tốt và chuyên môn hóa công việc hiệu quả hoặc phân chia lao động. Sự hợp tác xảy ra do "sự hợp nhất chiến lược" (Buss, 1989c), nơi mà trẻ em cung cấp phương tiện di truyền cho cả hai, cha và mẹ. Vì tất cả những lý do này, trong kinh tế nỗ lực sinh sản, chi phí không theo đuổi một người bạn đời lâu dài có thể cao đến mức không thể chấp nhận được.

Cơ hội Tăng Chất lượng Người bạn đời

Ngoài chi phí của việc hẹn hò ngắn hạn, kinh tế của thị trường hẹn hò thường tạo ra sự không đối xứng giữa các giới tính về sự hấp dẫn hoặc mong muốn của một người bạn đời mà họ có thể có được trong mối quan hệ lâu dài so với mối quan hệ ngắn hạn (Symons, 1979, tr. 271). Hầu hết các nam giới có thể có được một người bạn đời đáng mong muốn hơn nếu họ sẵn lòng đầu tư và cam kết vào một mối quan hệ lâu dài. Ngược lại, hầu hết phụ nữ có thể có được một người bạn đời ngắn hạn đáng mong muốn hơn mà chỉ cần trao đổi tình dục. Do đó, nam giới có thể tăng cường khả năng sinh sản bằng cách có được một người bạn đời lâu dài chất lượng cao (so với người bạn đời ngắn hạn chất lượng thấp) trong tiền tệ của (a) thuộc tính người bạn đời có kiểu hình (phenotypic) tốt hơn hoặc (b) gen tốt hơn được truyền cho con trai và con gái của anh ta (cf. Gangestad, 1989; Gangestad & Simpson, 1990). Lợi ích di truyền tiềm năng vẫn còn gây tranh cãi về lý thuyết trong sinh

học tiến hóa, dường như khó kiểm tra ở thời điểm hiện tại (ví dụ: Trivers, 1985; Williams, 1975), nhưng đại diện cho một khả năng lý thuyết khả thi.

Đối phó với Vấn đề che dấu rụng trứng ở Phụ nữ

Hầu hết các loài sinh sản hữu tính không hình thành mối quan hệ lâu dài (một số loài chim là ngoại lệ). Trong hầu hết các loài động vật có vú, giống cái chỉ vào giai đoạn động dục ở các khoảng thời gian nhất định, và giao phối chủ yếu xảy ra trong những giai đoạn đó. Tuy nhiên, phụ nữ loài người đã mất giai đoạn động dục. Phụ nữ không có sự sưng lớn, đỏ, ở bộ phận sinh dục khi họ rụng trứng và không có bằng chứng nào cho thấy họ phát ra các dấu hiệu pheromonal [hợp chất hóa học mà sinh vật tiết ra] rõ ràng, như một số loài linh trưởng khác. Thật vậy, phụ nữ ít nhất là khá độc đáo so với các loài linh trưởng khác trong việc rụng trứng là bí mật, hoặc bị ẩn khuất (mặc dù một số loài linh trưởng khác cũng có sự rụng trứng bí mật đến một mức độ nào đó; Hrdy, 1981). Không có bằng chứng nào cho thấy nam giới có thể phát hiện khi phụ nữ đang rụng trứng (Symons, 1992).

Với việc ẩn khuất rụng trứng, đã có những thay đổi trong quy tắc cơ bản của việc hẹn hò loài người. Việc ẩn khuất rụng trứng tạo ra một vấn đề sinh sản đặc biệt cho nam giới: vấn đề về xác suất đảm bảo mình là cha đẻ giảm. Một con đực linh trưởng là đối tượng duy nhất giao phối với một con cái trong khoảng thời gian ngắn mà con cái ấy ở trong giai đoạn động dục có thể “tự tin” về chuyện nó là bố của đứa trẻ (một lần nữa, không có sự diễn đạt ý thức nào được ngụ ý). Giai đoạn mà con đực phải canh gác hoặc cô lập một người bạn đời để đảm bảo nó là cha đẻ được giới hạn chặt chẽ về thời gian. Sau giai đoạn động dục, con đực có thể tiếp tục công việc khác của mình mà không phải sợ nguy cơ một con đực khác sẽ thụ tinh người bạn đời của mình.

Nam giới loài người đối mặt với một vấn đề thích nghi khác biệt về chất lượng. Một người đàn ông trong điều kiện tổ tiên của loài người không

bao giờ biết khi nào một người phụ nữ đang rụng trứng. Bởi vì giao phối không phải là hoạt động duy nhất mà con người phải tham gia để sinh tồn và sinh sản, phụ nữ không thể được canh gác suốt cả ngày. Ngay cả khi họ có thể được canh gác liên tục, chi phí về thời gian và năng lượng sẽ làm giảm nghiêm trọng việc giải quyết các vấn đề thích nghi khác. Do đó, nam giới đối mặt với một vấn đề cha đẻ độc đáo mà không phải con đực linh trưởng nào cũng đối mặt: Làm thế nào để đảm bảo bản thân là cha đẻ dưới điều kiện không chắc chắn về sự rụng trứng?

Sự ẩn khuất rụng trứng (concealed ovulation) có thể đã là một động lực trong lịch sử tiến hóa của loài người đã chọn nam giới để hình thành các mối quan hệ hẹn hò lâu dài với phụ nữ (Alexander & Noonan, 1979). Nam giới nắm giữ một phụ nữ trong thời gian dài sẽ có lợi thế lựa chọn hơn nam giới không làm vậy, nếu bằng cách làm như vậy họ tăng đáng kể xác suất là cha đẻ, và sự tăng này đủ để làm giảm chi phí, như chi phí cơ hội (ví dụ, các cuộc giao phối thay thế mà họ có thể đạt được nếu họ dành ít thời gian hơn để canh gác bạn đời). Lập luận này dẫn đến một dự đoán cụ thể: Trong bối cảnh hẹn hò lâu dài, nam giới nên ưa chuộng phụ nữ cung cấp bằng chứng rằng cha đẻ sẽ có khả năng và sau khi lựa chọn bạn đời xảy ra nên có các cơ chế tiếp tục đảm bảo cha đẻ (ví dụ, ghen tị tình dục).

Sự Hợp tác Lẫn nhau và Phân chia Lao động

Lợi ích cuối cùng mà nam giới tổ tiên có thể nhận được từ việc hẹn hò lâu dài liên quan đến việc thiết lập một mối quan hệ tương hỗ tương ứng sao cho cặp đôi có thể hoạt động hiệu quả hơn ở nhiều cách khác nhau so với bất kỳ người nào có thể làm một mình. Phân chia lao động có thể đã là một khía cạnh của sự hợp tác lẫn nhau, cho phép mỗi người chuyên môn hóa trong các chức năng, tạo ra hiệu quả lớn hơn. Hơn nữa, sự hợp tác lẫn nhau có thể đã cho phép chăm sóc và cung cấp hiệu quả hơn, với ít khả năng rằng sự đầu tư của một người đàn ông sẽ bị lạc hướng. Sự quan tâm chung đối với cùng một đứa trẻ làm cho việc phát triển những mối quan hệ hợp tác như vậy trở nên dễ dàng hơn

(Alexander, 1987). Cuối cùng, các mối quan hệ lâu dài cung cấp khả năng tinh chỉnh hiệu quả và kết hợp nỗ lực có thể tạo ra kinh tế và lợi nhuận cuối cùng tốt hơn so với một chiến lược không liên quan đến việc hình thành các mối quan hệ lâu dài.

Chi phí của việc Hẹn hò Lâu dài

Hẹn hò lâu dài, giống như tất cả các chiến lược tình dục, mang lại chi phí khi so sánh với các chiến lược thay thế. Chi phí chính đối với nam giới là chi phí cơ hội: những cuộc giao phối mà người đàn ông có thể đạt được nếu anh ta không cam kết vào hẹn hò lâu dài. Trong lịch sử tiến hóa của loài người, chúng tôi dự đoán rằng sự lựa chọn sẽ hoạt động trên nam giới để giảm những chi phí này nếu có thể. Một số nam giới tìm kiếm những cuộc tình ngoài luồng bí mật mà người bạn đời lâu dài của họ không biết, ví dụ, và trong lịch sử tiến hóa, điều này đã giúp giảm chi phí cơ hội của việc hẹn hò lâu dài (Symons, 1979). Tuy nhiên, chi phí sinh sản của những cuộc giao phối bị loại bỏ là thật.

Tóm lại, có những lý do sinh sản mạnh mẽ khiến nam giới tìm kiếm mối quan hệ lâu dài. Đó là phương pháp giữ chặt nỗ lực sinh sản của phụ nữ trong nhiều năm, là cách để có được bạn đời hấp dẫn và đáng mong muốn hơn, nó có thể tốn ít công sức hơn cho mỗi con cháu khả thi so với việc chỉ theo đuổi mối quan hệ ngắn hạn, nó có thể tăng sự chắc chắn về việc là cha đẻ và nó có thể cần thiết để đáp ứng tiêu chuẩn do phụ nữ đặt ra. Chi phí lớn nhất mà nam giới phải trả khi lựa chọn quan hệ lâu dài là cơ hội bị đóng băng trong chuyện thụ tinh cho phụ nữ khác. Lựa chọn tự nhiên khó có thể tạo ra chiến lược quan hệ lâu dài trong nam giới một cách mù quáng. Nam giới nên có những sở thích mạnh mẽ về người mà họ sẵn lòng kết hôn lâu dài. Những sở thích này nên đảm bảo rằng lợi ích sinh sản mà nam giới có thể thu được từ việc kết hôn lâu dài được thực hiện. Đến mức độ mà khi nam giới đầu tư vào việc kết hôn lâu dài, sở thích của họ nên trở nên ngày càng khát khe với những đặc điểm giúp giải quyết vấn đề thích nghi mà họ đối mặt.

Vấn đề nam giới phải giải quyết khi theo đuổi chiến lược bạn đời lâu dài

Vấn đề về sự chắc chắn trong việc là cha đẻ

Con người nổi bật giữa các loài linh trưởng vì là loài mà con đực cung cấp đầu tư cha mẹ đáng kể cho con cái của họ (Alexander & Noonan, 1979), bao gồm các nguồn lực hữu hình như thức ăn, cơ hội học hỏi, và bảo vệ khỏi các lực lượng thiên nhiên vốn có truyền thống thù địch như kẻ săn mồi và kẻ tấn công cùng loài. Với sự cố gắng to lớn mà đôi khi nam giới dành cho con cái của họ, chúng tôi kỳ vọng rằng chọn lọc tự nhiên sẽ không tạo ra những người đàn ông phân phát nó một cách lơ đãng hoặc không có khả năng phân biệt.

Bất cứ nơi nào nam giới đầu tư vào việc nuôi dạy con, lựa chọn nên ưu tiên những người đàn ông hành động để đảm bảo rằng khoản đầu tư của họ được hướng đến con cái của họ chứ không phải là con cái của người đàn ông khác. Ghen tị tình dục (sexual jealousy) là một cách thích nghi với vấn đề không chắc chắn về quyền là cha đẻ (Buss, 1988b; Daly, Wilson, & Weghorst, 1982). Ghen tị tình dục ở nam giới rõ ràng có chức năng bảo vệ bạn đời và ngăn chặn đối thủ cùng giới, do đó làm giảm khả năng thụ tinh từ bên ngoài. Sở thích bạn đời ban đầu cung cấp một giải pháp khả thi khác cho vấn đề chắc chắn về quyền cha.

Các giới tính không đối xứng về khả năng làm cha mẹ. Bởi vì phụ nữ, giống như tất cả các loài động vật có vú khác, thụ tinh bên trong; không bao giờ có nghi ngờ về quyền làm mẹ của họ. Quyền làm mẹ là 100% chắc chắn. Nam giới không bao giờ có thể hoàn toàn chắc chắn. Bởi vì quá trình rụng trứng ở phụ nữ bị che giấu, hoặc khó nhận biết, một người đàn ông sẽ phải giữ bạn đời của mình trong một khoảng thời gian vài tháng để hoàn toàn chắc chắn. Ngay cả khi vậy, anh ta cũng phải ngủ, và điều này mở cửa cho khả năng thụ tinh từ bên ngoài. Hai nhóm nghiên cứu sẽ kiểm tra giả thuyết về sự chắc chắn về quyền cha đẻ: các nghiên cứu về ghen tị tình dục và các nghiên cứu về sự ưu tiên bạn đời

cho các dấu hiệu về quyền cha đẻ.

Bằng chứng cho ba sự ưu tiên bạn đời sẽ được xem xét để kiểm tra giả thuyết về các giải pháp tiến hóa của nam giới cho vấn đề không chắc chắn về quyền cha: mong muốn sự trinh tiết, mong muốn sự trung thành tình dục, và sự ghê tởm tính lưỡng tính, lang chạ trong một người bạn đời lâu dài.

Vấn đề về giá trị sinh sản của phụ nữ

Lợi ích sinh sản chính cho nam giới khi áp dụng chiến lược kết hôn lâu dài là khả năng chiếm đoạt toàn bộ năng lực sinh sản của một phụ nữ trong suốt cuộc đời cô ấy. Với lợi ích tiềm năng này, nam giới đã tiến hóa để ưu tiên kết hôn lâu dài với những phụ nữ có năng lực sinh sản cao (high reproductive capacity).

Dự đoán rằng nam giới sẽ đánh giá cao vẻ đẹp thể chất ở phụ nữ vì nó liên quan đến giá trị sinh sản không phủ nhận hoặc từ chối sự tồn tại của các yếu tố văn hóa và các yếu tố khác quy định tiêu chuẩn về đẹp. Ford và Beach (1951) đã ghi nhận sự biến đổi văn hóa trong tiêu chuẩn về đẹp nữ giới theo các khía cạnh của cơ thể, như mập so với cơ thể mảnh mai, da sáng so với da tối, và nhấn mạnh các đặc điểm thể chất cụ thể như mắt, tai, hoặc bộ phận sinh dục. Symons (1979) đã đề xuất rằng tính đều đặn của các đặc điểm, sự gần gũi với trung bình dân số, và sự liên kết với địa vị cũng có thể ảnh hưởng đến tiêu chuẩn về đẹp.

Tuy nhiên, sự khác biệt giới tính dự đoán trong sự ưu tiên bạn đời cho tuổi trẻ và vẻ đẹp thể chất được kỳ vọng sẽ vượt qua sự biến đổi văn hóa và các yếu tố quy định khác của tiêu chuẩn về đẹp. Các dấu hiệu thể chất và hành vi cho thấy tuổi trẻ và sức khỏe, và được coi là hấp dẫn, nên được liên kết với giá trị sinh sản của phụ nữ trong tất cả các nền văn hóa. Những sự khác biệt giới tính này được dự đoán sẽ là điển hình của loài *Homo sapiens* (loài người), mặc dù có sự biến đổi văn hóa trong sự ưu tiên tuổi tác tuyệt đối, sự có mặt hoặc vắng mặt của hệ

thống đếm, hoặc tiêu chuẩn văn hóa cụ thể về vẻ đẹp nữ giới không liên kết với giá trị sinh sản.

Giả thuyết 5: Khi nam giới theo đuổi một bạn đời lâu dài, họ sẽ kích hoạt các cơ chế tâm lý giải quyết vấn đề về sự tự tin về quyền cha đẻ (ví dụ, ghen tị tình dục và sự ưu tiên bạn đời cụ thể)

Dự đoán 11: Sự ghen tị của nam giới sẽ được kích hoạt mạnh mẽ bởi các dấu hiệu về sự không chung thủy về tình dục, vì đó là hành động đã làm hại sinh sản đối với nam giới tổ tiên; sự ghen tị của phụ nữ, ngược lại, sẽ tập trung nhiều hơn vào sự không trung thành tình cảm như một dấu hiệu về sự mất mát đầu tư và cam kết của một người đàn ông theo thời gian (Daly et al., 1982; Symons, 1979). Buss, Larsen, Westen, và Semmelroth (1992) đã kiểm tra dự đoán này bằng cả phương pháp tự báo cáo và phương pháp sinh lý. Họ hỏi các đối tượng câu hỏi sau: “Hãy tưởng tượng rằng bạn phát hiện ra người mà bạn đã có quan hệ nghiêm túc đã quan tâm đến người khác. Điều gì sẽ làm bạn buồn hoặc tức giận hơn (hãy khoanh tròn chỉ một): (A) Tưởng tượng bạn đời của bạn tạo ra một mối quan hệ cảm xúc sâu sắc với người đó. (B) Tưởng tượng bạn đời của bạn tận hưởng quan hệ tình dục nồng nhiệt với người đó” (tr. 252).

Phần lớn nam giới (60%) chọn sự không chung thủy tình dục làm họ buồn hơn, trong khi 85% phụ nữ nói rằng họ sẽ buồn hơn nếu bạn đời của họ không trung thành về mặt cảm xúc. Trong một nghiên cứu thứ hai, Buss và cộng sự (1992) ghi lại nhịp tim, hoạt động điện da, và co bóp cơ corrugator (cơ chau mày) của nam giới và phụ nữ trong khi họ tưởng tượng (riêng biệt) bạn đời của họ quan hệ tình dục và bạn đời của họ trở nên sâu sắc về mặt cảm xúc. Nam giới cho thấy tăng tốc nhịp tim nhanh hơn, tăng dẫn điện da, và tăng nhiều hơn việc nhăn mày khi tưởng tượng bạn đời của họ có quan hệ tình dục với người khác. Phụ nữ cho thấy mô hình ngược lại. Bằng chứng này hỗ trợ giả thuyết rằng, về mặt tâm lý và sinh lý, trọng số cao được đặt cho các dấu hiệu kích

hoạt sự ghen tị khác nhau giữa các giới tính phù hợp với giả thuyết về sự không chắc chắn về quyền cha đẻ.

Dự đoán 12: So với ngữ cảnh ngắn hạn, trong ngữ cảnh bạn đời lâu dài, nam giới nên đặt giá trị lớn hơn cho các đặc điểm như sự chung thủy (faithfulness), lòng trung thành tình dục, và sự trinh tiết, để phân nào giải quyết vấn đề chắc chắn về quyền cha. Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã tiến hành hai nghiên cứu. Một mẫu gồm 75 nam giới đã đánh giá sự mong muốn của 67 đặc điểm trong một bạn đời lâu dài và trong một bạn đời ngắn hạn. Kết quả cho các biến liên quan được hiển thị trong Bảng 3.

Sở thích được giả định để giải quyết vấn đề chắc chắn về quyền làm cha cho nam giới

Table 3
Preferences Hypothesized to Solve the Problem of Paternity Certainty for Men

Characteristic	Long term		Short term		<i>t</i> tests	γ^a
	<i>M</i>	<i>SD</i>	<i>M</i>	<i>SD</i>		
Study 1 (<i>N</i> = 75)						
Faithful	2.88	0.37	0.32	0.93	-21.81*	2.52
Sexually loyal	2.85	0.49	0.72	1.05	-17.07*	1.97
Chastity	0.91	1.20	0.19	1.65	-3.73*	0.43
Study 2 (<i>N</i> = 42)						
Unfaithful	-2.93	0.26	-1.21	1.46	7.32*	1.13
Promiscuous	-2.07	1.30	-0.40	1.88	5.82*	0.90
Sleeps around a lot	-2.79	0.65	-1.95	1.23	4.14*	0.64

Giải thích ý nghĩa các từ tiếng Việt:

- Trung thành (hoặc chung thủy nói chung) / Faithful
- Chung thủy trong tình dục / Sexually loyal
- Trong trắng, trinh tiết / Chastity

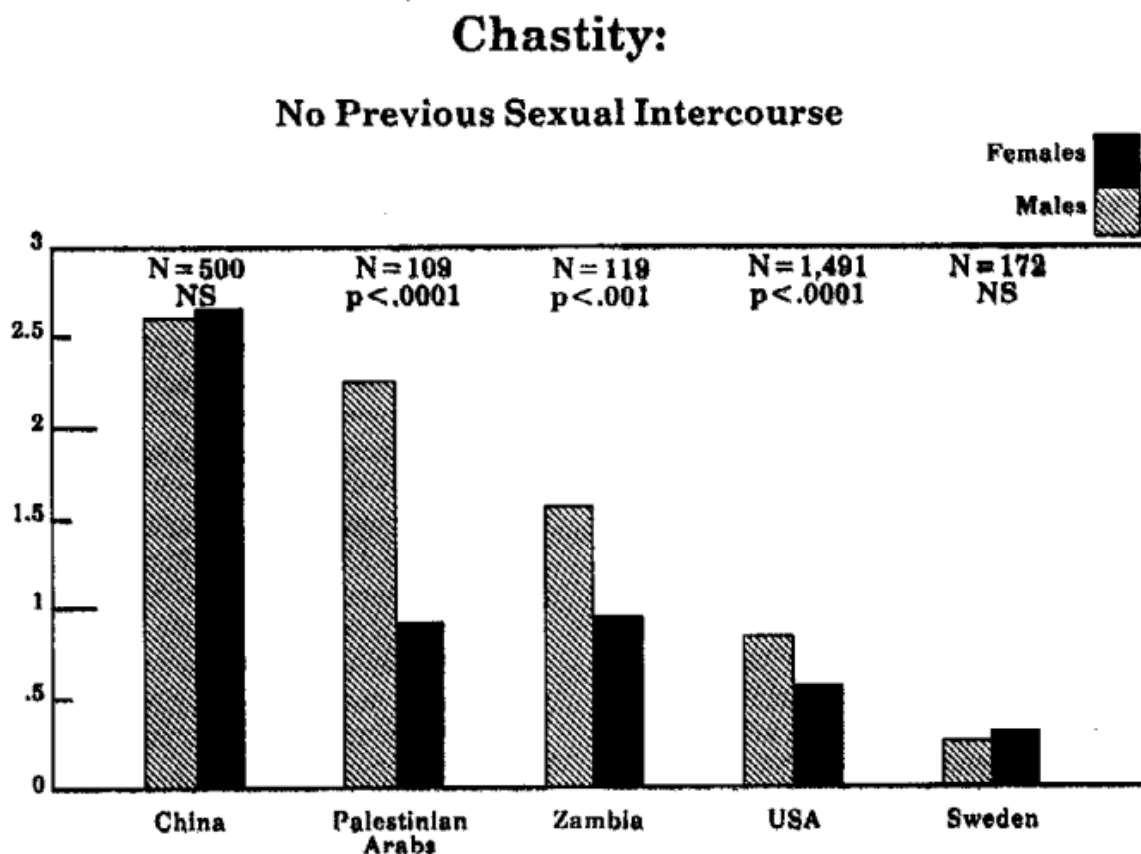
- Phản bội / Unfaithful
- Lãng nhãng, dâm dục / Promiscuous
- Ngủ với nhiều người / Sleeps around a lot

Các đặc điểm về lòng trung thành và lòng chung thủy trong tình dục, mặc dù được coi là không đặc biệt mong muốn hay không mong muốn trong một người bạn đời ngắn hạn, nhưng lại nằm gần cao nhất của thang đo về sự mong muốn trong một người bạn đời dài hạn. Thực tế, lòng trung thành (chung thủy nói chung) là đặc điểm được đánh giá cao nhất bởi phái mạnh trong bối cảnh một người bạn đời dài hạn. Sự trong trắng (chastity) cũng được đánh giá cao hơn bởi phái mạnh trong mối quan hệ dài hạn hơn là trong mối quan hệ ngắn hạn, mặc dù nó không được đánh giá cao trong cả hai bối cảnh.

Một cuộc khảo sát xuyên văn hóa so sánh về sở thích trong trắng đã được Buss (1989b) tiến hành, người đã khảo sát đặc điểm này trong một nghiên cứu về sở thích cho đối tác hôn nhân trong một mẫu bao gồm 37 xã hội với kích thước mẫu là 10,047. Mặc dù bối cảnh thời gian bị hạn chế ở hẹn hò dài hạn, và do đó chúng ta không thể so sánh sở thích ngắn hạn của phái mạnh với sở thích dài hạn của họ, chúng ta có thể khảo sát sự khác biệt giữa giới tính trong giá trị đặt lên sự trong trắng, dựa trên giả thuyết rằng sự chắc chắn về quyền làm cha là một vấn đề thích nghi mà tổ tiên nam, nhưng không phải tổ tiên nữ, phải giải quyết. Một số kết quả được hiển thị trong Hình 4.

Trên tổng số 37 mẫu, 23 mẫu cho thấy sự khác biệt giới tính đáng kể theo hướng dự đoán. 14 mẫu còn lại không cho thấy sự khác biệt giới tính đáng kể. Không có mẫu nào, trong đó phụ nữ đánh giá cao sự trong trắng hơn so với phái mạnh. Ngoài ra, có sự biến đổi lớn giữa các nền văn hóa về giá trị tuyệt đối đặt lên sự trong trắng: thực sự, nó là biến đổi lớn hơn bất kỳ sự ưa thích bạn đời nào khác trong số 30 sự ưa thích bạn đời được khảo sát qua các nền văn hóa (Buss, 1989b). Ví dụ hầu hết mẫu người Trung Quốc, cho rằng sự trong trắng là không thể thiếu trong một người bạn đời dài hạn, trong khi hầu hết mẫu người Thụy

Điền và Hà Lan đánh giá nó không cao hoặc không quan trọng. Những kết quả này chỉ cung cấp sự hỗ trợ khiêm tốn cho giả thuyết rằng sự trong trắng sẽ được đánh giá cao bởi phái mạnh như một dấu hiệu để tăng cường sự chắc chắn về quyền là cha đẻ và gợi ý rằng sự có mặt hoặc vắng mặt của sự khác biệt giới tính trong giá trị đặt lên sự trong trắng rất biến đổi qua các nền văn hóa. Tuy nhiên, những dữ liệu này không gợi ý rằng giá trị của phái mạnh và phụ nữ không bị hạn chế và tùy ý: một kết luận sẽ được hỗ trợ nếu có nhiều (hoặc thậm chí một số) nền văn hóa mà phụ nữ đánh giá cao sự trong trắng hơn so với phái mạnh.



Hình 4. Trong trắng: Không có quan hệ tình dục trước đó. (Các đối tượng đánh giá biến số này, trong bối cảnh của 18 biến số khác, về mức độ mong muốn nó sẽ là yếu tố trong người bạn đời dài hạn tiềm năng hoặc đối tác hôn nhân, sử dụng thang điểm 4 điểm, từ 0 [không liên quan hoặc không quan trọng] đến 3 [không thể thiếu])

Kết hợp với nghiên cứu về tầm quan trọng mà phái mạnh đặt lên lòng trung thành (chung thủy nói chung), chúng ta có thể kết luận một cách dự đoán rằng sự chắc chắn về quyền là cha đẻ được đảm bảo hơn bởi (a) tìm kiếm dấu hiệu về hành vi tình dục tương lai - dấu hiệu của lòng trung thành (chung thủy) - hơn là dấu hiệu về sự kiêng kị hoàn toàn trước khi lựa chọn bạn đời và (b) thực hiện sự ghen tị tình dục và các hình thức bảo vệ bạn đời khác nhau sau khi lựa chọn bạn đời (Buss, 1988b; Buss et al., 1992; Wilson & Daly, 1992).

Dự đoán 13: Các đặc điểm như tính cách lãng nhãng, dâm dục và kinh nghiệm tình dục sẽ bị phái mạnh tránh trong bạn đời dài hạn vì chúng cho thấy sự tự tin giảm về quyền là cha đẻ, không thể chiếm đoạt giá trị sinh sản của phụ nữ, và nguy cơ tăng cường đầu tư vào con cái không liên quan về mặt di truyền (xem Buss, 1988b; Daly et al., 1982). Các bài kiểm tra của dự đoán này được hiển thị trong Bảng 2, đã được mô tả trước đó dưới sở thích bạn đời ngắn hạn. Mặc dù phái mạnh có một sự ưa thích nhẹ nhàng cho tính cách lãng nhãng trong một người bạn đời ngắn hạn, nó được coi là không mong muốn trong một người bạn đời dài hạn (ngược lại, phụ nữ đánh giá nó là không mong muốn trong cả hai bối cảnh). Kinh nghiệm tình dục, cũng được coi là mong muốn trong một người bạn đời ngắn hạn, được coi là trung lập trong một người bạn đời dài hạn (ngược lại, phụ nữ đánh giá nó là mong muốn ở mức độ nhẹ trong cả hai bối cảnh).

Một nghiên cứu khác yêu cầu phái mạnh đánh giá 61 đặc điểm, trước đó được đề cử là không mong muốn trong một người bạn đời tiềm năng, về mức độ mà họ không mong muốn trong một người bạn đời ngắn hạn và dài hạn. Trong số các đặc điểm đó có các biến số tính lãng nhãng, ngủ với nhiều người, và phản bội. Như được hiển thị trong Bảng 3, tất cả ba đặc điểm này được phái mạnh đánh giá là các đặc biệt không mong muốn trong một người bạn đời dài hạn, so với một người bạn đời ngắn hạn. Thực tế, biến số phản bội được phái mạnh coi là đặc điểm không mong muốn nhất trong một người bạn đời dài hạn, cung cấp

sự hỗ trợ mạnh mẽ cho giả thuyết rằng sở thích bạn đời của phái mạnh giải quyết, ít nhất là một phần, vấn đề thích nghi của sự không chắc chắn về quyền là cha đẻ. Phụ nữ đánh giá những đặc điểm này cũng là không mong muốn trong bạn đời dài hạn nhưng đánh giá chúng là không mong muốn nhiều hơn đáng kể so với phái mạnh trong bối cảnh ngắn hạn, gợi ý khả năng phụ nữ sử dụng hẹn hò ngắn hạn như một thiết bị đánh giá cho hẹn hò dài hạn.

[a] Các kích thước hiệu ứng (γ) là gammas (Howell, 1987). Chúng biểu thị sự khác biệt giữa các giá trị trung bình theo đơn vị độ lệch chuẩn. Cohen (1977) định nghĩa kích thước hiệu ứng là nhỏ nếu chúng là 0.20, trung bình nếu chúng là 0.50, và lớn nếu chúng là 0.80 hoặc lớn hơn.

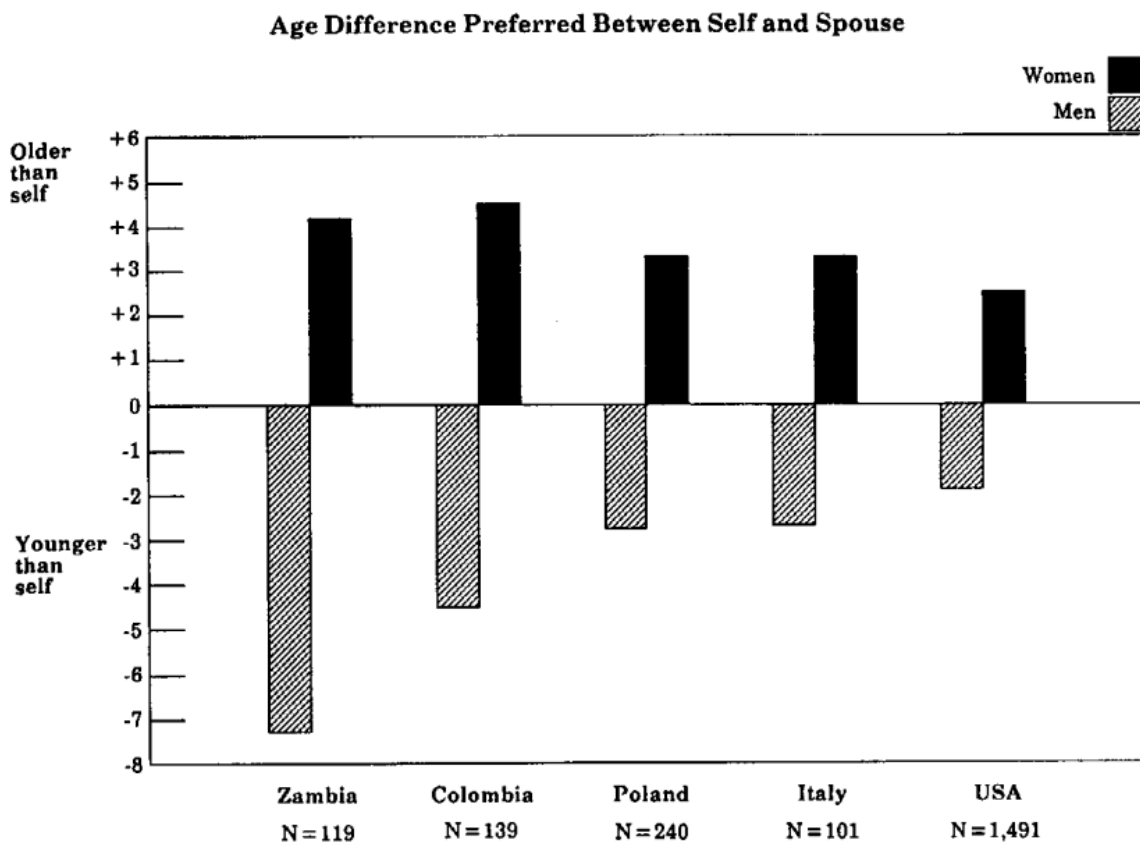
* $p < .001$.

Giả thuyết 6: Khi Đàn Ông Tìm Kiếm Một Người Bạn Đời Lâu Dài, Họ Sẽ Bày Tỏ Những Sở Thích Giúp Giải Quyết Vấn Đề Nhận Biết Phụ Nữ Có Giá Trị Sinh Sản

Dự đoán 14: Phái mạnh nên đánh giá cao vẻ đẹp thể chất trong bạn đời dài hạn vì nó cung cấp một dấu hiệu mạnh mẽ (đáng tin cậy) về tuổi tác và sức khỏe, những yếu tố trong lịch sử đã là dấu hiệu mạnh về giá trị sinh sản (Buss, 1989b). Nhiều nghiên cứu đã ghi nhận giá trị mà nam giới đặt lên vẻ ngoài và sự hấp dẫn trong bạn đời tiềm năng (Buss, 1987; Buss & Barnes, 1986; Hill, 1945; Hudson & Henze, 1969; McGinnis, 1958). Phát hiện này cũng đã được ghi nhận qua 37 nền văn hóa (Buss, 1989b). Hình 5 cho thấy một số phát hiện từ năm nền văn hóa đa dạng. Mặc dù giá trị tuyệt đối đặt lên vẻ đẹp thể chất thay đổi, phái mạnh luôn luôn cho nó quan trọng hơn so với phụ nữ trong bối cảnh tìm kiếm một người bạn đời dài hạn.

Dự đoán 15: Phái mạnh sẽ đánh giá cao tuổi tác tương đối trẻ trong bạn đời dài hạn vì nó cung cấp một dấu hiệu mạnh mẽ về giá trị sinh sản. Hai nghiên cứu quy mô lớn gần đây đã kiểm tra dự đoán này. Người đầu tiên, Buss (1989b) đã phát hiện rằng trong mỗi 37 nền văn hóa, phái

mạnh luôn luôn ưa thích đối tác hôn nhân mà họ là người trẻ hơn. Một số phát hiện cho năm nền văn hóa được hiển thị trong Hình 6.

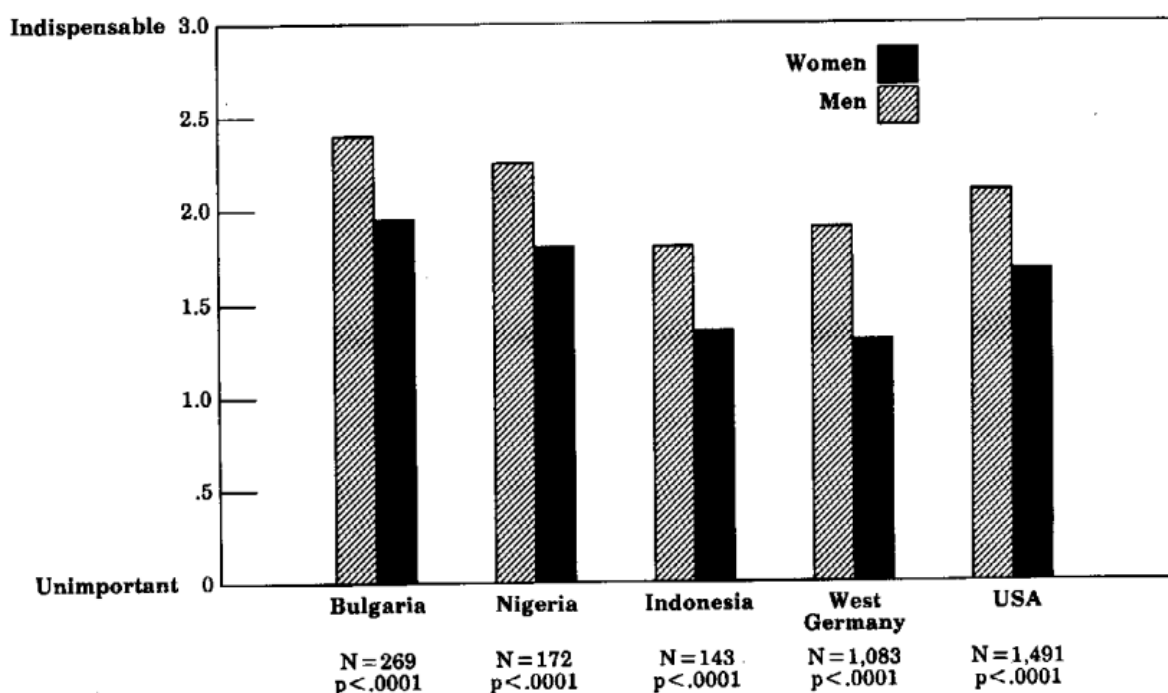


Hình 6. Sự chênh lệch tuổi tác được ưa chuộng giữa bản thân và người bạn đời. (Các đối tượng ghi lại sự chênh lệch tuổi tác ưa thích, nếu có, giữa bản thân và người bạn đời. Thang đo được hiển thị theo năm, với giá trị dương biểu thị sự ưa thích đối với người bạn đời lớn tuổi hơn và giá trị âm biểu thị sự ưa thích đối với người bạn đời trẻ tuổi hơn.)

Mức độ tuổi tác tương đối khác nhau từ quốc gia này sang quốc gia khác. Ở Zambia, ví dụ, phái mạnh thể hiện sự ưa thích cho người vợ trẻ hơn hơn 7 tuổi, trong khi ở Ý, phái mạnh thể hiện sự ưa thích cho người vợ trẻ hơn gần 3 tuổi: những phát hiện có thể do tính đa thê của hệ thống bạn đời ở Zambia so với hệ thống gia đình một vợ một chồng được quy định theo luật pháp ở Ý (Buss, 1989b). Tuy nhiên, sự khác biệt giới tính là nhất quán qua tất cả 37 xã hội (nền văn hóa), và trung bình không có xã hội nào phái mạnh ưa thích phụ nữ lớn tuổi hơn cũng như trung bình, họ không ghen hò với phụ nữ lớn tuổi hơn.

Những phát hiện này đã được tái tạo và mở rộng bởi một loạt nghiên cứu của Kenrick và Keefe (1992). Họ đã kiểm tra một phiên bản tinh chỉnh hơn của giả thuyết này: Khi phái mạnh già đi, họ sẽ ưa thích những người bạn đời ngày càng trẻ hơn so với họ. Dự đoán này đã được xác nhận trong các mẫu được rút từ các cột quảng cáo hẹn hò qua các thể hệ ở Hoa Kỳ và cũng qua các nền văn hóa như Ấn Độ hiện nay. Khi kết hợp lại, những nghiên cứu này hỗ trợ giả thuyết rằng phái mạnh tìm kiếm phụ nữ có giá trị sinh sản làm bạn đời dài hạn.

Physical Attractiveness



Hình 5. Sự quyến rũ về mặt hình thể. (Các đối tượng đã đánh giá biến số này, trong bối cảnh của 18 biến số khác, về mức độ mong muốn trong một đối tác lâu dài hoặc đối tác hôn nhân sử dụng thang điểm 4 điểm, dao động từ 0 [không liên quan hoặc không quan trọng] đến 3 [không thể thiếu].)

Logic Thích ứng của Phụ nữ khi Theo đuổi Chiến lược Tình dục Ngắn hạn

Những chi phí mà phụ nữ phải chịu có thể nặng nề hơn so với đàn ông khi theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn. Giống như đàn ông, phụ nữ cũng có nguy cơ nhiễm bệnh lây truyền qua đường tình dục khi có nhiều liên hệ tình dục. Cũng giống như đàn ông, họ có nguy cơ làm giảm giá trị bạn đời dài hạn của mình bằng cách mang danh tiếng xã hội như một người phóng đãng. Tuy nhiên, tổn thất danh tiếng đối với giá trị bạn đời dài hạn có thể nặng nề hơn đối với phụ nữ so với đàn ông. Điều này cuối cùng là do sự không đối xứng giữa đàn ông và phụ nữ trong việc tin tưởng vào việc là cha mẹ ruột. Do không chắc chắn về cha đứa trẻ: các dấu hiệu cho thấy một người phụ nữ đã có nhiều bạn tình nên bị đàn ông tìm kiếm bạn đời dài hạn phản đối; do đó, những người phụ nữ như vậy được dự đoán sẽ trải qua sự suy giảm trạng thái xã hội (social status).

Còn một lý do nữa làm cho tổn thất đối với giá trị bạn đời dự kiến sẽ nặng nề hơn đối với phụ nữ so với đàn ông. Trong lịch sử, hầu hết các xã hội con người đã là đa thê, với đàn ông được phép có nhiều bạn tình. Chỉ những người đàn ông mạnh mẽ, có tình trạng và kiểm soát tài nguyên cao mới có thể có được nhiều bạn tình (Betzig, 1986). Do sự liên kết này, những người đàn ông có khả năng tiếp cận tình dục với nhiều phụ nữ có thể được ghi nhận là có tình trạng hoặc kiểm soát tài nguyên cao (xem Bar-Tai & Saxe, 1976).

Suy luận xã hội hoàn toàn ngược lại có thể hoạt động khi mọi người diễn giải liên hệ tình dục của một người phụ nữ với nhiều người đàn ông. Bởi vì phụ nữ có giá trị bạn đời cao thường phân biệt hơn phụ nữ có giá trị bạn đời thấp (Buss, 1988a), sự phóng đãng tình dục có thể được hiểu là dấu hiệu cho thấy một người phụ nữ không thể có được một người bạn đời dài hạn chất lượng cao sẵn lòng cam kết tài nguyên và đầu tư cha mẹ. Bởi vì giá trị bạn đời thấp hơn ở phụ nữ liên kết với

sự dễ tiếp cận tình dục hơn, một người phụ nữ có thể chịu tổn thất danh tiếng do chiến lược tình dục ngắn hạn bởi vì mọi người diễn giải chiến lược đó như một dấu hiệu của giá trị bạn đời thấp: một xu hướng có thể xảy ra ngay cả trong các nền văn hóa tương đối phóng khoáng như Ache (Kim Hill, 1991, liên hệ cá nhân / personal communication / tức là thông tin có được nhờ trao đổi cá nhân với tác giả Kim Hill chứ không phải thông qua các tài liệu nghiên cứu có sẵn).

Ngoài bệnh lây truyền qua đường tình dục và làm giảm giá trị bạn đời dài hạn, phụ nữ còn có nguy cơ gặp phải điều gì đó liên quan đến việc tiếp xúc với nhiều người đàn ông: bạo lực thể chất và bạo lực tình dục. Bởi vì đàn ông thể chất to lớn và khỏe hơn, họ có thể và đôi khi thực sự lạm dụng phụ nữ về mặt thể chất và tình dục, thường là trong nỗ lực kiểm soát họ về mặt sinh sản (Daly & Wilson, 1988). Thiếu một người bạn đời dài hạn có thể cung cấp khả năng bảo vệ thể chất, phụ nữ theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn có thể gặp rủi ro lớn hơn (Smuts, 1991). Rủi ro không chỉ là chấn thương thể chất mà còn là việc vượt qua sự lựa chọn tình dục của phụ nữ thông qua quấy rối tình dục (Studd & Gattiker, 1991) và giao cấu bắt buộc (R. Thornhill & Thornhill, 1983, 1987). Smuts (đang chờ in / in press) đã đưa ra một lý thuyết thuyết phục về tầm quan trọng của việc con đực bảo vệ con cái khỏi kẻ xâm hại cùng loài trong các loài linh trưởng không phải người.

Mặc dù có những chi phí tiềm năng đối với phụ nữ thông qua việc hẹn hò ngắn hạn, có những lợi ích sinh sản tiềm năng có thể tích lũy cho phụ nữ theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn. Một lợi ích được đề xuất là khả năng có được gen tốt hơn có thể được truyền cho hậu duệ. Lợi ích này hiện đang gây tranh cãi và hiện không kiểm tra được với phương pháp hiện tại. Những lợi ích quan trọng khác bao gồm (a) việc rút được ngay các tài nguyên, (b) sử dụng hẹn hò ngắn hạn để đánh giá triển vọng dài hạn, và (c) tăng cường bảo vệ. Những điều này sẽ được xem xét chi tiết trong phần tiếp theo.

Vấn đề Phụ nữ phải Đói mặt khi Theo đuổi Chiến lược Tình dục Ngắn hạn

Theo lý thuyết tình dục tùy thuộc thời gian của chúng tôi, phụ nữ nên theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn ít thường xuyên hơn và ít quyết liệt hơn so với đàn ông. Tuy nhiên, sự khái quát này che giấu một sự thật cơ bản: Phụ nữ đôi khi cũng tìm kiếm mối quan hệ ngắn hạn, và có điều kiện có lợi về sinh sản để làm như vậy (xem Gangestad, 1989; Gangestad & Simpson, 1990). Chiến lược ngắn hạn khác với chiến lược dài hạn ở chỗ phụ nữ nói chung không thể giữ tài nguyên của một người đàn ông hoặc sự sẵn lòng cung cấp những tài nguyên đó một cách đáng tin cậy. Khác với đàn ông, việc có được cơ hội giao cấu không có khả năng là mục tiêu mạnh mẽ của việc hẹn hò ngắn hạn ở phụ nữ, những người không đối mặt với ràng buộc sinh sản của việc tiếp cận tình dục với bạn tình như đàn ông. Chỉ cần tiếp cận tối thiểu là đủ; hiếm khi có sự thiếu hụt đàn ông sẵn lòng cung cấp đóng góp tinh trùng tối thiểu; tình trùng thêm ngoài mức đó là dư thừa.

Vấn đề về Việc Rút ngay Tài nguyên

Có những lợi ích môi trường liên quan đến sinh sản rõ ràng mà một người phụ nữ có thể đạt được từ việc hẹn hò ngắn hạn không? Có một số. Đầu tiên, phụ nữ có thể (và thường xuyên) nhận được tài nguyên đổi lấy việc ân ái ngắn hạn. Trong nhiều xã hội, đàn ông được mong đợi mang quà như thức ăn hoặc trang sức cho tình nhân của họ, và phụ nữ có thể từ chối không quan hệ tình dục nếu những món quà này không được trao (Malinowski, 1929; Shostak, 1981). Một hình thức hẹn hò ngắn hạn rõ ràng là mại dâm. Mại dâm liên quan đến việc trao đổi trực tiếp tiền hoặc tài nguyên khác cho quyền tiếp cận tình dục tạm thời: một hiện tượng được tìm thấy trên toàn thế giới trong nhiều xã hội từ Aleut đến Zuni ở Bắc Mỹ, từ Araucanians đến Yaruro ở Nam Mỹ và Caribbean, từ Séc đến Nam Tư ở Châu Âu, từ Amhara đến Yemen ở Trung Đông, từ Ainu đến Bắc Việt Nam ở Châu Á, và từ Alor đến Yap ở

Châu Đại Dương (Burley & Symanski, 1981). Trong bài phân tích văn hóa phức tạp nhất về mại dâm từ trước đến nay, Burley và Symanski (1981) kết luận rằng "những động cơ được biểu thị bởi nhiều loại phụ nữ trong nhiều xã hội, về cốt lõi, rõ ràng là kinh tế: đàn ông tạo ra nhu cầu và phụ nữ tìm thấy lợi thế kinh tế trong việc đáp ứng nó" (tr. 260).

Nếu việc rút ngay tài nguyên là một lợi ích tiềm năng của việc hẹn hò ngắn hạn cho phụ nữ, thì phụ nữ theo đuổi chiến lược hẹn hò ngắn hạn nên ưu tiên ở bạn đời có những đặc điểm cho thấy việc cung cấp tài nguyên ngay lập tức. Họ nên không thích những đặc điểm như tính tiết kiệm cho thấy những tài nguyên như vậy sẽ không được cung cấp.

Vấn đề Đánh giá Bạn đời Dài hạn Tiềm năng

Có một lợi ích khả thi khác: việc sử dụng hẹn hò, quan hệ ngắn hạn như một thiết bị kiểm tra để đánh giá các đối tác hẹn hò dài hạn tiềm năng. Trước sự quan trọng sinh sản to lớn của việc lựa chọn một bạn đời dài hạn, nên dành nhiều nỗ lực cho việc đánh giá tiềm năng dài hạn. Hẹn hò ngắn hạn thường cần thiết để đo lường những tiềm năng dài hạn này. Tham gia vào một số hẹn hò ngắn hạn cho phép người ta (a) đánh giá giá trị bạn đời của mình (Có bao nhiêu thành viên của phái khác và chất lượng như thế nào quan tâm đến việc hẹn hò với bạn và trong bao lâu?), (b) đánh giá ý định của bạn đời tiềm năng (Anh ấy đang tìm kiếm một cuộc gặp gỡ ngắn hạn hay một đối tác hôn nhân?), (c) đánh giá các đặc điểm lâu dài của bạn đời tiềm năng (ví dụ, Anh ấy xử lý ra sao khi gặp stress? Anh ấy đáng tin cậy như thế nào theo thời gian?), (d) nhận biết bất kỳ sự lừa dối nào có thể đã xảy ra (ví dụ, Anh ấy thực sự "tự do," hay anh ấy đã tham gia vào một mối quan hệ nghiêm túc?), và (e) đánh giá giá trị bạn đời của anh ấy (Anh ấy hấp dẫn với phụ nữ như thế nào?). Những hình thức đánh giá này thường không thể được thực hiện chính xác mà không tham gia vào một mối quan hệ hẹn hò ngắn hạn.

Cùng một lý thuyết cũng nên được áp dụng cho những người đàn ông đang tìm kiếm bạn đời dài hạn. Đàn ông, không kém phụ nữ, cần đánh

giá trị bạn đòi tiềm năng, đánh giá các đặc điểm lâu dài, và xuyên thủng bất kỳ sự lừa dối nào đã xảy ra (ví dụ, nói dối về tuổi). Tuy nhiên, như đã ghi chú trong phần trước, đàn ông đã được lựa chọn để tìm kiếm giao phối ngắn hạn như mục tiêu cuối cùng: Lợi ích sinh sản trong lịch sử thường rất lớn và trực tiếp trong số lượng hậu duệ. Tuy nhiên, đối với phụ nữ, lợi ích sinh sản của việc quan hệ ngắn hạn như một mục tiêu cuối cùng ít trực tiếp hơn và chi phí tiềm năng cao hơn. Chi phí cho một người phụ nữ khi lựa chọn sai một bạn đời dài hạn có thể nghiêm trọng hơn so với đàn ông. Những xem xét này cho thấy phụ nữ sẽ đặt nhiều ưu tiên hơn vào quá trình đánh giá và rằng bạn đời ngắn hạn sẽ được kiểm tra và đánh giá như tiềm năng dài hạn thay vì là mục tiêu cuối cùng.

Nếu lý thuyết này đúng, thì các dự đoán thực nghiệm quan trọng sẽ theo sau. Dự đoán quan trọng nhất là so với đàn ông, những gì phụ nữ tìm kiếm ở một bạn đời ngắn hạn nên gần tương tự (*far more similar*) những gì họ tìm kiếm ở một bạn đời dài hạn. Bởi vì đàn ông thường tìm kiếm quan hệ tình dục ngắn hạn, họ không cần đặt ra các tiêu chuẩn nghiêm ngặt cho những dự án có chi phí thấp như vậy. Tuy nhiên, nếu phụ nữ tìm kiếm hẹn hò ngắn hạn như một cách để đánh giá tiềm năng dài hạn, thì họ nên đặt ra những tiêu chuẩn mà gần như tương đương với một bạn đời dài hạn.

Chức năng đánh giá này có thể được biểu thị như thế nào trong sở thích bạn đời ngắn hạn của phụ nữ? Xem xét hai thuộc tính của một bạn đời tiềm năng: (a) Người đó đã có một mối quan hệ và (b) người đó có tính lãng nhãng. Nếu phụ nữ đang tìm kiếm bạn tình ngắn hạn cho kiểu quan hệ tình dục chớp nhoáng, cơ hội, thế thì như đàn ông, những phẩm chất vừa nêu không nên làm phiền phụ nữ. Tuy nhiên, nếu phụ nữ sử dụng bạn đời ngắn hạn để đánh giá tiềm năng dài hạn, thì việc một bạn đời tiềm năng đã có một mối quan hệ hoặc có tính lãng nhãng sẽ được coi là rất không mong muốn bởi vì nó giảm cơ hội của cô ấy để có một mối quan hệ dài hạn với người đó.

Vấn đề Bảo vệ

Ở con người và các loài khỉ khác có sự khác biệt về kích thước và sức mạnh giữa hai giới tính, phụ nữ đôi khi đối mặt với vấn đề bị đàn ông lớn hơn, mạnh hơn thống trị về thể chất. Phụ nữ có thể dễ bị thương và bị thống trị tình dục: có những người đàn ông ép buộc phụ nữ, do đó vượt qua sự lựa chọn của phụ nữ. Trong những điều kiện này, phụ nữ nên tìm kiếm những người bạn đời tiềm năng có khả năng bảo vệ họ. Những xem xét này cho thấy sức mạnh thể chất nên là một phần của sự lựa chọn bạn đời của phụ nữ. Mặc dù việc đạt được sự bảo vệ nên quan trọng đối với phụ nữ trong cả bạn đời ngắn hạn và dài hạn, Barkow (1989) đã đưa ra những lập luận thuyết phục cho rằng nó có thể quan trọng hơn trong ngữ cảnh ngắn hạn.

Có thể có một số yếu tố tác động phức tạp đang hoạt động ở đây. Một sự phân biệt quan trọng là giữa sự lạm dụng mà phụ nữ phải đối mặt từ bạn đời so với những người không phải là bạn đời. Bởi vì đàn ông trong mối quan hệ dài hạn đã đầu tư nặng nề, họ nên nỗ lực hơn so với bạn đời ngắn hạn trong việc đảm bảo, bảo vệ khỏi sự lạm dụng từ những người đàn ông khác. Do đó, phụ nữ trong mối quan hệ ngắn hạn có thể có nguy cơ bị lạm dụng từ những người đàn ông không hợp tác hơn so với phụ nữ trong mối quan hệ dài hạn. Những người đàn ông mạnh mẽ trong mối quan hệ ngắn hạn có thể ngăn chặn hiệu quả sự lạm dụng từ những người đàn ông khác, và chi phí cho người bảo vệ nhỏ hơn nếu anh ta mạnh mẽ hơn. Bởi vì một người phụ nữ trong mối quan hệ dài hạn nói chung có thể dựa vào sự cam kết của bạn đời mình để bảo vệ cô ấy, sức mạnh thể chất của anh ta có thể ít quan trọng hơn đối với phụ nữ so với bạn đời ngắn hạn đầu tư ít hơn. Do đó, tất cả những động lực này dẫn đến dự đoán rằng, mặc dù phụ nữ sẽ đánh giá cao sức mạnh thể chất trong cả hai ngữ cảnh hẹn hò, nó sẽ được đánh giá cao hơn trong hẹn hò ngắn hạn so với hẹn hò dài hạn.

Giả thuyết 7: Trong Hẹn hò Ngắn hạn, Phụ nữ Sẽ Tìm kiếm Đàn ông

Sẵn lòng Cung cấp Ngay lập tức

Dự đoán 16: Trong ngữ cảnh ngắn hạn, phụ nữ sẽ đặc biệt đánh giá cao dấu hiệu rằng một người đàn ông sẽ ngay lập tức chi tiêu cho cô ấy. Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu yêu cầu 20 phụ nữ đánh giá sự mong muốn của các đặc điểm sau trong một bạn đời ngắn hạn và dài hạn: tiêu nhiều tiền ngay từ đầu, tặng quà ngay từ đầu, và có lối sống xa hoa. Kết quả được thể hiện trong Bảng 4. Đối với tất cả các đặc điểm được nhắm đến cho thấy việc khai thác tài nguyên ngay lập tức, phụ nữ đánh giá cao hơn chúng ở một bạn đời ngắn hạn hơn là ở một bạn đời dài hạn, mặc dù sự thực là phụ nữ thường ít đòi hỏi hơn trong ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn so với hẹn hò dài hạn.

Dự đoán 17: Trong ngữ cảnh ngắn hạn, phụ nữ sẽ không mong muốn dấu hiệu rằng một người đàn ông không sẵn lòng chi tiêu cho cô ấy ngay lập tức. Việc kiểm tra dự đoán này cũng được thể hiện trong Bảng 4. Phụ nữ tìm kiếm bạn đời ngắn hạn đặc biệt không thích những người đàn ông keo kiệt (stingy) ngay từ đầu, do đó cho thấy sự ngần ngại trong việc cung cấp ngay lập tức tài nguyên. Đặc điểm này được phụ nữ coi là không mong muốn ở một bạn đời dài hạn cũng như ngắn hạn, nhưng đáng kể hơn ở một bạn đời ngắn hạn. Điều này xảy ra cho dù sự thực là phụ nữ thường coi nhiều đặc điểm là không mong muốn mạnh mẽ trong ngữ cảnh dài hạn, hơn là ngắn hạn.

Giả thuyết 8: Bởi vì phụ nữ, có nhiều khả năng hơn nam giới sử dụng những mối quan hệ ngắn hạn để đánh giá những đối tác tiềm năng dài hạn, họ sẽ không thích những đặc điểm trong một đối tác tiềm năng có thể gây tổn hại cho triển vọng dài hạn.

Dự đoán 18: Phụ nữ nhiều khả năng hơn nam giới sẽ không thích trong một đối tác ngắn hạn có đặc điểm của người đã có một mối quan hệ.

Để kiểm tra dự đoán này, chúng tôi đã khảo sát sự không mong muốn

tương đối đối với nam giới (N = 42) và phụ nữ (N = 44) của một đối tác tiềm năng đã có mối quan hệ cho mỗi quan hệ ngắn hạn, sử dụng một thang đo từ - 3 (rất không mong muốn) đến 3 (rất mong muốn). Trong khi nam giới bị phiền một chút trong mỗi quan hệ ngắn hạn do phụ nữ đã có mối quan hệ khác (M = - 1.04), phụ nữ coi đặc điểm đó là không mong muốn ở mức trung bình (M = - 1.70) trong ngữ cảnh quan hệ này (t - 2.10, p < .039, -y - 0.45).

Bảng 4

Rút ngay lập tức của nguồn lực: Sở thích của phụ nữ

Characteristic	Short term		Long term		t tests	γ^a
	M	SD	M	SD		
Spends a lot of money on me early on	1.80	1.28	1.20	1.20	2.85*	0.64
Gives me gifts early on	1.80	1.28	1.20	1.11	3.94**	0.88
Has an extravagant lifestyle	1.10	1.33	0.30	1.46	3.56**	0.64
Stingy early on	-1.90	0.72	-1.60	0.68	-2.85*	0.80

[a] Kích thước hiệu ứng (y) là gammas (Howell, 1987). Chúng biểu thị sự khác biệt giữa các giá trị trung bình theo đơn vị độ lệch chuẩn. Cohen (1977) định nghĩa kích thước hiệu ứng là nhỏ nếu chúng là 0.20, trung bình nếu chúng là 0.50 và lớn nếu chúng là 0.80 hoặc lớn hơn.

* p < .01. ** p < .001.

Dự đoán 19: Phụ nữ, nhiều hơn nam giới, sẽ không thích ở một đối tác ngắn hạn đặc điểm của sự lãng nhãng bởi vì nó cho phụ nữ biết rằng người đàn ông đang theo đuổi các mối quan hệ ngắn hạn và ít có khả năng cam kết với một mối quan hệ dài hạn. Cùng một mẫu của 42 nam giới và 44 phụ nữ đã đánh giá sự lãng nhãng trong các đối tác ngắn hạn bằng cách sử dụng thang đánh giá từ -3 (rất không mong muốn) đến 3 (rất mong muốn). Trong khi nam giới cho rằng đặc điểm này gần như

trung lập (không phải là điều mong muốn, nhưng cũng không phải là điều không mong muốn), với $M = -0.41$, trong khi đó phụ nữ đánh giá sự lãng nhãng là không mong muốn ở mức trung bình ($M = -2.00$) trong một đối tác ngắn hạn ($t = 4.55, p < .0001, y = 0.89$).

Dự đoán 20: Bởi vì một chức năng được giả thuyết cho phụ nữ trong mối quan hệ ngắn hạn là bảo vệ khỏi những người đàn ông gây hấn, phụ nữ sẽ đánh giá cao các đặc điểm như kích thước cơ thể và sức mạnh trong các đối tác ngắn hạn hơn trong các đối tác dài hạn. Để kiểm tra dự đoán này, đặc điểm của sức mạnh thể chất đã được đánh giá về sự mong muốn trong các đối tác dài hạn và ngắn hạn bởi phụ nữ ($N = 73$) và nam giới ($N = 75$). Phụ nữ đánh giá cao hơn về sức mạnh thể chất trong một đối tác ngắn hạn ($t = 6.49, p < .001, y = 0.94$) và trong một đối tác dài hạn ($t = 4.25, p < .001, y = 0.66$) so với nam giới. Hơn nữa, phụ nữ đánh giá cao hơn về sức mạnh thể chất trong một đối tác ngắn hạn hơn trong một đối tác dài hạn ($t = 2.19, p < .05, y = 0.20$), mặc dù phụ nữ nói chung có tiêu chuẩn cao hơn tổng thể cho một đối tác dài hạn.

Logic thích nghi của phụ nữ theo đuổi một chiến lược tình dục dài hạn

Lợi ích của việc hẹn hò dài hạn cho phụ nữ

Từ góc độ sinh sản, tại sao một người phụ nữ lại muốn một đối tác dài hạn, đặc biệt nếu cô ấy có thể có được một người đàn ông hấp dẫn hơn trong một cuộc gặp gỡ ngắn hạn? Chìa khóa nằm ở sự đầu tư của người cha mà phụ nữ nhận được thông qua việc hẹn hò dài hạn. Nam giới có thể cung cấp cho phụ nữ thức ăn, tìm hoặc bảo vệ lãnh thổ, và nuôi dưỡng - bảo vệ con cái. Họ cũng có thể cung cấp cơ hội học hỏi; họ có thể chuyển giao những gì đang có, quyền lực, hoặc tài nguyên; và họ có thể giúp con cái tạo ra liên minh đáp trả sau này trong cuộc sống

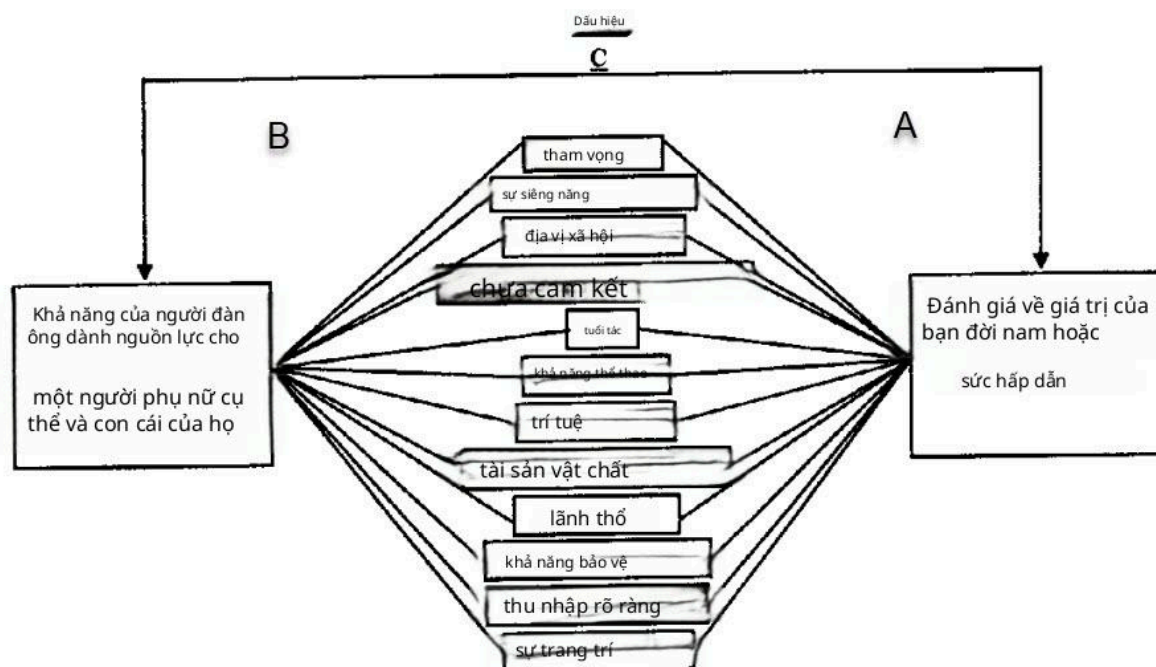
(Buss, 1989b).

Ngoài những lợi ích trực tiếp này cho hậu duệ, phụ nữ đặc biệt dễ bị tổn thương khi mang thai và cho con bú. Một người phụ nữ đơn độc trong môi trường tổ tiên có thể đã bị thiếu thực phẩm (Shostak, 1981). Cô ấy cũng có thể trở thành mục tiêu cho những người đàn ông gây hấn (Smuts, 1991). Do đó, một đối tác dài hạn có thể cung cấp sự bảo vệ và nuôi dưỡng người phụ nữ, ngoài sự đầu tư của vai trò làm cha mà anh ta dành cho con của mình (và cũng là con của người phụ nữ).

Tất cả những nguồn lực sinh sản này được phụ nữ thu được thông qua việc hẹn hò dài hạn có thể được tóm tắt bằng ba danh mục: (a) lợi ích vật chất ngay lập tức cho người phụ nữ và con cái của cô ấy, (b) lợi ích sinh sản được cải thiện cho con cái của cô ấy thông qua các lợi ích xã hội và kinh tế có được, và (c) lợi ích sinh sản di truyền cho con cái của cô ấy nếu các biến thể trong chất lượng dẫn đến việc thu thập nguồn lực là một phần di truyền. Phụ nữ nên tìm kiếm những đối tác dài hạn có thể cung cấp những lợi ích sinh sản này, và sở thích đối tác của họ- chúng nên thể hiện giải pháp cho những vấn đề thích nghi này. Việc chỉ theo đuổi mối quan hệ ngắn hạn, mặc dù mang lại một số lợi ích, không cung cấp các lợi ích của việc hẹn hò dài hạn.

Hình 7 mô phỏng biểu đồ các liên kết được giả thuyết giữa các dấu hiệu có thể quan sát được, phán đoán về sự hấp dẫn của một người đàn ông như một đối tác dài hạn, và khả năng của anh ta dành nguồn lực cho một người phụ nữ cụ thể. Phụ nữ được đề xuất để phán đoán sự hấp dẫn hoặc giá trị đối tác của một người đàn ông một phần dựa trên quan sát của cô ấy về sự tham vọng, công việc, tình trạng, thiếu cam kết hiện tại, trí thông minh, tài sản vật chất, và thu nhập rõ ràng (A). Những dấu hiệu có thể quan sát được này, lần lượt, được biết đến là liên quan chặt chẽ với khả năng tổng thể của một người đàn ông dành nguồn lực cho cô ấy (B), ít nhất là ở Bắc Mỹ (Willerman, 1979) và có thể trong các xã hội bộ lạc hiện đại (Chagnon, 1983; Hart & Pilling, 1960; Shostak, 1981).

Cuối cùng, phán đoán về sự hấp dẫn của một người đàn ông như một đối tác dài hạn nên được liên kết với khả năng tổng thể của anh ta trong việc cung cấp nguồn lực.



Hình 7. Sơ đồ ống kính (lens diagram) của các liên kết được giả thuyết giữa các dấu hiệu, phán đoán về giá trị đối tác của một người đàn ông, và khả năng giành nguồn lực. (Các dấu hiệu xuống trung tâm là các đặc điểm có thể quan sát được. Những đặc điểm này được giả thuyết là có liên quan với phán đoán về sự hấp dẫn của một người đàn ông như một đối tác bởi vì liên kết của họ với tiềm năng thu thập nguồn lực. A = Liên kết giả thuyết giữa các dấu hiệu có thể quan sát được và giá trị đối tác của một người đàn ông, hoặc sự hấp dẫn như một đối tác tiềm năng; B = liên kết giả thuyết giữa các dấu hiệu có thể quan sát được và khả năng của một người đàn ông dành nguồn lực cho một người phụ nữ cụ thể và con cái của cô ấy; C = liên kết giả thuyết giữa giá trị đối tác của một người đàn ông, hoặc sự hấp dẫn như một đối tác tiềm năng, và khả năng của anh ta dành nguồn lực cho một người phụ nữ cụ thể và con cái của cô ấy.)

Chi phí sinh sản của việc hẹn hò dài hạn ở phụ nữ

Các chi phí cơ hội đối với phụ nữ từ việc hẹn hò dài hạn thường ít nghiêm trọng hơn những chi phí mà nam giới phải chịu. Các cơ hội hẹn hò bị đóng lại thường không hạn chế số lượng con cái mà một người

phụ nữ có thể sinh ra như trường hợp của nam giới. Tuy nhiên, có những lợi ích của việc hẹn hò ngắn hạn cho phụ nữ, lợi ích trong việc rút ngay lập tức nguồn lực, chẳng hạn thế, và những lợi ích này có thể bị mất khi theo đuổi một chiến lược hẹn hò dài hạn.

Vấn đề phụ nữ đôi mắt khi theo đuổi một chiến lược hẹn hò dài hạn

Vấn đề của sự đầu tư của cha

Lý thuyết các Chiến lược Tình dục dự đoán rằng phụ nữ sẽ chọn nam giới dựa trên sự đầu tư trong vai trò làm cha mà họ sẵn lòng và có khả năng cung cấp chủ yếu dưới các điều kiện sau: (a) nơi mà nguồn lực có thể được thu thập, bảo vệ, và độc quyền; (b) nơi mà nam giới có xu hướng kiểm soát những nguồn lực này; (c) nơi mà sự thay đổi của nam giới trong việc sở hữu nguồn lực và sự sẵn lòng đầu tư những nguồn lực này đủ cao; (d) nơi mà một số nam giới thực sự sẵn lòng đầu tư những nguồn lực này vào một người phụ nữ và con cái của cô ấy; và (e) nơi mà phụ nữ có giá trị đối tác đủ để thu hút một đối tác đầu tư.

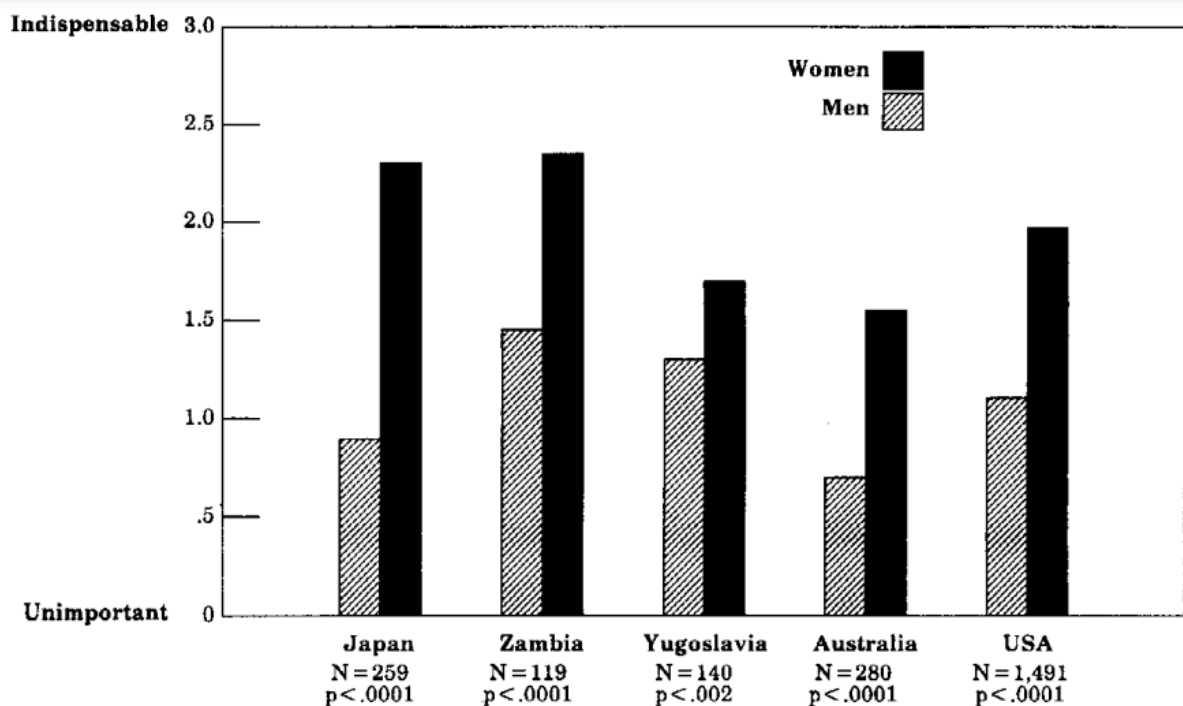
Ở loài người, những điều kiện này thường được thỏa mãn. Lãnh thổ, tiền bạc và hàng hóa, chỉ kể ra ba nguồn tài nguyên, chắc chắn được tích lũy, bảo vệ, độc quyền và kiểm soát bởi nam giới trên toàn thế giới. Nam giới có sự thay đổi rất lớn về số lượng những tài nguyên mà họ kiểm soát: từ nghèo đói và túng thiếu đến tỷ phú của giới thượng lưu. Thêm vào đó và có lẽ quan trọng nhất, nam giới khác nhau về mức độ họ sẵn lòng đầu tư thời gian và tài nguyên vào mối quan hệ lâu dài. Phạm vi dao động từ giao phối sau đó bỏ rơi (đầu tư cha mẹ tối thiểu) đến sự tận tụy và cam kết suốt đời. Phụ nữ nên có sự tiến hóa ưu tiên cho những người bạn đời cho thấy khả năng và sự sẵn lòng đầu tư tài nguyên vào con cái.

Giả thuyết 9: Phụ nữ Tìm kiếm Một Người bạn đời Dài hạn Sẽ Đánh giá cao Khả năng của Một Người đàn ông trong việc Cung cấp Kinh tế và Nguồn lực Khác, có thể Được Sử dụng để Đầu tư vào con cái (hậu duệ) của Cô ấy

Dự đoán 21: Phụ nữ trong các ngữ cảnh hẹn hò lâu dài, có nhiều khả năng hơn nam giới, sẽ mong muốn các dấu hiệu về khả năng ở một người bạn đời tiềm năng có thể tìm kiếm tài nguyên, bao gồm tham vọng, khả năng kiếm tiền tốt, bằng cấp chuyên môn và sự giàu có. Dự đoán này đã được xác nhận rộng rãi qua các nền văn hóa (Buss, 1989b). Một mẫu đại diện của các phát hiện từ năm quốc gia ở năm lục địa riêng biệt được hiển thị trong Hình 8. Phụ nữ thay đổi về mức độ họ đánh giá cao triển vọng tài chính tốt trong một người bạn đời dài hạn: nhiều hơn trong mẫu Zambian, ví dụ, hơn trong mẫu Úc. Tuy nhiên, phụ nữ hơn nam giới ở chỗ luôn đánh giá cao tài nguyên kinh tế của nam giới trong người bạn đời dài hạn tiềm năng, bất kể câu hỏi được đặt ra như thế nào. Kết quả tương tự xảy ra đối với vị thế xã hội (social status) và tham vọng-sự chăm chỉ, hai đặc điểm được biết là có liên quan đến việc tích lũy tài nguyên (Buss, 1989b).

Để kiểm tra thêm dự đoán này, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu khác trong đó nam giới (N = 28) và phụ nữ (N = 20) đánh giá mức độ mong muốn của "người đàn ông trung bình" hoặc "người phụ nữ trung bình" tìm kiếm mỗi thuộc tính trong các ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn và dài hạn (xem mô tả phương pháp dưới Dự đoán 16). Chúng tôi tập trung vào tiềm năng có được tài nguyên trong tương lai với các đặc điểm như *có một sự nghiệp đầy triển vọng, có triển vọng tài chính tốt, có khả năng thành công trong nghề nghiệp, có khả năng kiếm được nhiều tiền và có một sự nghiệp tương lai đáng tin cậy*. Kết quả được hiển thị trong Bảng 5. Đối với mỗi thuộc tính chỉ ra tiềm năng tài nguyên trong tương lai, phụ nữ thấy nó đáng chú ý hơn trong một người bạn đời dài hạn so với người bạn đời ngắn hạn. Hơn nữa, các bài kiểm tra t cho sự khác biệt

giữa giới tính cho thấy rằng phụ nữ đánh giá cao mỗi đặc điểm này trong một người bạn đời dài hạn hơn nam giới. Kết hợp, những nghiên cứu này hỗ trợ giả thuyết rằng phụ nữ đặt một giá trị đặc biệt cho khả năng tích lũy tài nguyên (resource accrual capacities) ở một người bạn đời dài hạn.



Hình 8. Triển vọng tài chính tốt. (Các đối tượng đánh giá biến số này, trong bối cảnh của 18 biến số khác, về mức độ mong muốn nó sẽ có trong một người bạn đời dài hạn tiềm năng hoặc đối tác hôn nhân sử dụng thang đo 4 điểm, từ 0 [không liên quan hoặc không quan trọng] đến 3 [không thể thiếu].)

Sự bất lực về cấu trúc (structural powerlessness): Một Giả thuyết Thay thế cho việc Đánh giá Tài nguyên Nam giới của Phụ nữ

Buss (1989b) đã kiểm tra các dự đoán dựa trên một giả thuyết thay thế, giả thuyết về sự bất lực về cấu trúc. Giả thuyết này, nói ngắn gọn, là vì nam giới ở tất cả các nền văn hóa có quyền lực kinh tế lớn hơn phụ nữ, phụ nữ đánh giá cao những nguồn lực như vậy trong một người bạn đời bởi vì đó là con đường duy nhất hoặc chính thống qua đó họ có thể tiếp cận với những nguồn lực như vậy (Buss & Barnes, 1986). Giả thuyết về

sự bất lực về cấu trúc giả định rằng nam và nữ có chính xác cùng một cơ chế xử lý thông tin điều khiển sự lựa chọn bạn đời nhưng sở thích của họ khác nhau bởi vì cùng một cơ chế đang nhận được thông tin đầu vào khác nhau. Nó giả định rằng cơ chế sở thích bạn đời của một người đánh giá mức độ tài nguyên kinh tế có sẵn cho người đó và khiến người ta ưu tiên những người bạn đời có nhiều tài nguyên khi người ta có ít tài nguyên. Ngược lại, Lý thuyết Chiến lược Tình dục dự đoán rằng các cơ chế sở thích tiến hóa là, trong một số trường hợp, có sự khác biệt giới tính, và rằng khi phụ nữ và nam giới có nhiều tài nguyên hơn, họ đang ở trong một vị trí mặc cả tốt hơn và do đó có thể mong đợi nhiều hơn từ một người bạn đời tiềm năng.

Giả thuyết sự bất lực về cấu trúc, bị tách khỏi neo địa lý của nó, dự đoán rằng (a) ở các quốc gia mà giới tính có quyền lực kinh tế bình đẳng hơn, sự khác biệt sở thích giữa nam và nữ về các đặc điểm chính nên bị giảm; (b) trong văn hóa, những phụ nữ thành công về tài chính nên đánh giá những tài nguyên như vậy ít quan trọng hơn so với phụ nữ ít thành công hơn về tài chính (tức là, phụ nữ thành công nên có sở thích tương tự hơn so với nam giới); (c) trong văn hóa, nam giới ít thành công hơn về tài chính nên đánh giá những tài nguyên như vậy quan trọng hơn so với nam giới thành công hơn về tài chính (tức là, họ nên có sở thích tương tự hơn so với phụ nữ).

Tất cả ba dự đoán đã được kiểm tra. Trên các nền văn hóa, không có mối quan hệ giữa sự bình đẳng kinh tế của nam và nữ và mức độ của sự khác biệt giới tính về các biến số tài nguyên (Buss, 1989b). Trong một cuộc điều tra độc lập, Townsend (1989) phát hiện rằng các nữ sinh viên ngành y thành công về nghề nghiệp cho thấy cùng một sở thích như phụ nữ khác đối với người bạn đời có tiềm lực tài chính. Anh kết luận rằng "tăng cường tình trạng kinh tế xã hội (SES) của phụ nữ không loại bỏ và có thể không giảm đi sự khác biệt giới tính truyền thống trong tiêu chí lựa chọn bạn đời và mục tiêu hôn nhân" (tr. 241). Buss (1989b) phát hiện rằng phụ nữ có tài nguyên đánh giá chúng ở người bạn đời

nhiều hơn so với phụ nữ có ít tài nguyên, phản đối giả thuyết sự bất lực về cấu trúc và rằng nam giới có ít tài nguyên hơn cho thấy sở thích không thể phân biệt được so với nam giới có nhiều tài nguyên. Kết quả tương tự đã được tìm thấy trong hai cuộc điều tra độc lập của Weiderman và Allgeier (1992). Mặc dù cần thêm nghiên cứu, bằng chứng có sẵn không cung cấp hỗ trợ cho giả thuyết sự bất lực về cấu trúc như một giả thuyết thay thế cho giả thuyết dựa trên tiến hóa trên cơ sở lý thuyết đầu tư cha mẹ. Tâm lý tình dục của phụ nữ, và cụ thể hơn là cơ chế sở thích bạn đời của họ, dường như đã kiên trì ngay cả qua các ngữ cảnh khác nhau của việc tiếp cận cá nhân với tài nguyên, đề xuất sự tồn tại của sở thích bạn đời khác biệt giới tính (lượng hình giới tính), chứ không phải monomorphic (đơn hình).

Table 5
Long-Term Resource Potential: Women's Mate Preferences

Characteristic	Short term		Long term		<i>t</i> tests	γ^a
	<i>M</i>	<i>SD</i>	<i>M</i>	<i>SD</i>		
Has a promising career	1.20	1.20	2.30	0.80	-3.49*	0.78
Has good financial prospects	1.20	1.11	2.60	0.50	-5.09**	1.14
Likely to succeed in profession	1.10	0.97	2.60	0.50	-6.38**	1.42
Likely to earn a lot of money	0.90	0.97	2.10	0.85	-4.86**	1.09
Has a reliable future career	0.40	0.50	2.70	0.47	-15.66**	3.50
Unable to support you financially	-0.70	0.92	-1.30	1.38	3.27*	0.78
Financially poor	-0.64	0.87	-1.36	1.14	4.63**	0.70
Lacks ambition	-0.86	1.05	-2.36	0.81	9.14**	1.38
Uneducated	-1.25	1.06	-2.39	0.81	7.05**	1.06

Kích thước hiệu ứng (γ) là gammas (Howell, 1987). Chúng biểu thị sự khác biệt giữa các giá trị trung bình theo đơn vị độ lệch chuẩn. Cohen (1977) định rõ kích thước hiệu ứng là nhỏ nếu chúng là 0,20, trung bình nếu chúng là 0,50, và lớn nếu chúng là 0,80 hoặc lớn hơn.

* $p < .01$. ** $p < .001$.

Dự đoán 22: Trong các ngữ cảnh dài hạn, phụ nữ sẽ thấy việc không thể tích lũy tài nguyên của một người đàn ông là đặc biệt không mong

muốn, bao gồm các dấu hiệu cho thấy một người đàn ông nghèo, thiếu tham vọng hoặc không học thức. Để kiểm tra dự đoán này, 42 phụ nữ đã đánh giá sự mong muốn tương đối và không mong muốn của các đặc điểm của nghèo khó, thiếu tham vọng và không học thức (xem Bảng 5; xem mô tả về quy trình dưới Dự đoán 5). Phụ nữ xem tất cả ba đặc điểm này là đặc biệt không mong muốn trong người bạn đời dài hạn nhưng chỉ không mong muốn ở mức nhẹ trong người bạn đời ngắn hạn. Hơn nữa, phụ nữ coi các thuộc tính này là đáng chú ý hơn so với nam giới trong cả hai ngữ cảnh. Một nghiên cứu thứ hai trong đó phụ nữ đánh giá quan niệm của họ về những gì người phụ nữ trung bình sẽ tìm kiếm trong một người bạn đời, đặc điểm *không thể hỗ trợ bạn tài chính* được coi là đặc biệt không mong muốn trong một người bạn đời dài hạn (xem Bảng 5; xem mô tả về quy trình dưới Dự đoán 16).

Thảo luận chung

Nam và nữ đã đối mặt với những vấn đề thích nghi (adaptive problem) khác nhau và những ràng buộc khác nhau về thành công sinh sản (reproductive success) trong lịch sử tiến hóa của con người (human evolutionary history). Đối với nam giới, một ràng buộc sinh sản lớn đã là số lượng *phụ nữ có giá trị sinh sản* (reproductively valuable) hoặc phụ nữ *có khả năng sinh sản* (fertile) mà họ có thể thụ tinh thành công. Đối với phụ nữ, một ràng buộc sinh sản lớn đã là việc tìm kiếm những người đàn ông có *khả năng và sẵn lòng đầu tư tài nguyên* vào bản thân và hậu duệ của họ. Những ràng buộc này xuất phát từ logic thích nghi của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục. Chúng có thể được phân biệt về mặt khái niệm thành những vấn đề tình dục riêng biệt mà nam và nữ tổ tiên phải giải quyết. Một luận điểm trung tâm của bài viết này là nam và nữ đã tiến hóa để theo đuổi cả chiến lược tình dục dài hạn và ngắn hạn và những vấn đề mà họ đối mặt khác nhau khi họ theo đuổi những chiến lược có khung thời gian khác nhau. Lý thuyết các Chiến lược Tình dục dự đoán rằng các cơ chế tâm lý như sở thích bạn đời đã tiến hóa để đáp ứng những áp lực chọn lọc do những vấn đề thích nghi mà họ đối

mặt trong những ngữ cảnh này. Các thử nghiệm thực nghiệm từ 22 dự đoán của chín giả thuyết xuất phát từ Lý thuyết các Chiến lược Tình dục cho thấy nó có giá trị tiên phong trong việc hướng dẫn thẩm tra những lĩnh vực quan trọng của nghiên cứu về chiến lược hẹn hò. Hơn nữa, lý thuyết có tính tổ chức dưới bối cảnh thời gian của một loạt các phát hiện mà nếu không thì sẽ vẫn bị rải rác, cô lập và không thể giải thích được. Thảo luận này tóm tắt tình hình lý thuyết và sau đó rút ra những hệ quả cho việc nhìn nhận con người từ góc độ chiến lược tâm lý.

Tâm lý học tiến hóa về Chiến lược Hẹn hò của Nam giới

Đối với nam giới, lợi ích sinh sản tiềm năng của chiến lược hẹn hò dài hạn là nó cung cấp khả năng độc chiếm (monopolizing) toàn bộ khả năng sinh sản suốt đời của một người phụ nữ. Ít nhất bốn vấn đề lựa chọn bạn đời phải được giải quyết để đạt được thành công trong chiến lược dài hạn này: vấn đề xác định phụ nữ nào có giá trị sinh sản, vấn đề đảm bảo chắc chắn là cha của đứa trẻ (một vấn đề bị làm tồi tệ hơn ở loài người do sự rụng trứng đấu kín ở phụ nữ), vấn đề xác định phụ nữ có khả năng cam kết mạnh mẽ vào một mối quan hệ lâu dài, và vấn đề xác định phụ nữ có kỹ năng làm cha mẹ tốt.

Logic sinh sản của chiến lược hẹn hò ngắn hạn ở nam giới khác biệt đáng kể so với chiến lược hẹn hò dài hạn. Thay vì độc chiếm khả năng sinh sản suốt đời của một người phụ nữ, một chiến lược ngắn hạn bao gồm việc thụ tinh một số lượng [nhất định] phụ nữ có khả năng sinh sản. Để thành công trong một chiến lược ngắn hạn; nam giới phải giải quyết những vấn đề hẹn hò khác nhau; vấn đề về số lượng, vấn đề về khả năng sinh sản, vấn đề xác định phụ nữ nào có thể tiếp cận tình dục, và vấn đề giảm thiểu cam kết.

Một luận điểm trung tâm của bài viết này là sở thích về bạn đời (mate preferences), đại diện cho một lớp các cơ chế tâm lý, đã tiến hóa ở nam giới để giải quyết những vấn đề sinh sản riêng biệt liên quan đến những chiến lược này. Bởi vì đối với nam giới, những vấn đề khác biệt đáng kể

tùy thuộc vào chiến lược được theo đuổi, sở thích bạn đời của họ được giả thuyết là phụ thuộc rất nhiều vào ngữ cảnh thời gian của việc giao phối ngắn hạn so với dài hạn.

Những ưu tiên mà nam giới thể hiện đối với bạn đời dài hạn dường như giải quyết vấn đề về giá trị sinh sản và sự chắc chắn về việc là cha đứa trẻ. Nam giới ưa thích những người phụ nữ trẻ và hấp dẫn về mặt thể chất như những chỉ số của giá trị sinh sản (xem Buss, 1989b) và những người trung thành trong tình dục và có khả năng sẽ chung thủy như những chỉ số của sự chắc chắn là cha ruột đứa trẻ (paternity certainty). Nam giới ở một số nền văn hóa đánh giá cao tính trinh trắng ở một người bạn đời dài hạn, nhưng sở thích này thay đổi rất nhiều giữa các nền văn hóa, cho thấy nếu đó là một sự ưa thích đã tiến hóa, đó là một sự ưa thích mà rất mở cho đầu vào văn hóa. Một kết luận dự kiến từ những bộ dữ liệu này là vấn đề chắc chắn là cha ruột thường được giải quyết bằng cách đánh giá cao những dấu hiệu đến hành vi tương lai như sự trung thành tình dục (chung thủy), thay vì những dấu hiệu về sự trinh trắng trước đó. Hơn nữa, sự khác biệt về mặt tâm lý và sinh lý giữa các giới tính trong việc đánh giá những sự kiện kích hoạt sự ghen tuông (Buss et al., 1992) hỗ trợ giả thuyết rằng có những cơ chế đã tiến hóa để giải quyết vấn đề về sự không chắc chắn là cha ruột sau khi đã lựa chọn bạn đời.

Những sở thích bạn đời mà nam giới thể hiện đối với bạn đời ngắn hạn khác biệt mạnh mẽ so với khi thể hiện đối ở bạn đời dài hạn. Vấn đề về số lượng đối tác trở nên lớn lao đối với nam giới khi theo đuổi một chiến lược tình dục ngắn hạn: một chiến lược mà chúng tôi giả thuyết là một thành phần lớn hơn trong bộ sưu tập chiến lược của nam giới so với của phụ nữ. Trong lịch sử tiến hóa của con người, sự tăng cường lớn và trực tiếp trong thành công sinh sản của một người đàn ông thông qua số lượng hậu duệ có lẽ đã thu được từ việc có quyền truy cập tình dục đến một số lượng lớn đối tác. Phụ nữ, ngược lại, bởi vì họ bị hạn chế mạnh mẽ về số lượng hậu duệ mà họ có thể sinh ra và bởi vì tình trùng

thường sẵn có, do đó không thể tăng số lượng hậu duệ (và cả thành công sinh sản của họ) bằng cách tăng số lượng đối tác tình dục. Bằng chứng hỗ trợ giả thuyết rằng nam giới đã tiến hóa những cơ chế tâm lý cụ thể để giải quyết vấn đề về số lượng. Những cơ chế này bao gồm việc hướng về chiến lược tình dục ngắn hạn, giảm mạnh mẽ những tiêu chuẩn mà một người bạn đời ngắn hạn phải đáp ứng, yêu cầu ít thời gian cần thiết trước khi tìm kiếm quan hệ tình dục, và mong muốn một số lượng lớn đối tác tình dục.

Một vấn đề thứ hai mà nam giới đối mặt khi theo đuổi chiến lược tình dục ngắn hạn là xác định phụ nữ nào có thể tiếp cận tình dục mà không cần một thời gian chửa cấm, tán tỉnh dài. Vấn đề này dường như được giải quyết bằng những sở thích mà nam giới thể hiện đối với những đối tác ngắn hạn đã có kinh nghiệm tình dục: một thuộc tính mà nam giới không tìm thấy là đặc biệt mong muốn ở một người bạn đời dài hạn. Những đặc điểm mà nam giới không thích ở những đối tác ngắn hạn là những người có động lực tình dục thấp, không có kinh nghiệm tình dục, và những người rụt rè: những phẩm chất mà có thể chỉ ra rằng thiếu sự tiếp cận tình dục ngắn hạn. Tính lãng nhãng, kinh nghiệm tình dục, động lực tình dục cao, và thiếu tính rụt rè có lẽ cung cấp những dấu hiệu mạnh mẽ về mức độ tiếp cận tình dục tương đối của một người phụ nữ đối với tình dục ngắn hạn.

Lý thuyết các Chiến lược Tình dục đề xuất rằng càng nhiều tài nguyên và cam kết mà một người đàn ông phải dành cho một người bạn đời, anh ta sẽ có ít bạn đời hơn. Nam giới theo đuổi một chiến lược ngắn hạn được dự đoán sẽ tránh những người phụ nữ tìm kiếm sự cam kết hoặc tiêu thụ phần lớn tài nguyên của họ. Những sở thích mà nam giới thể hiện đối với bạn đời ngắn hạn dường như phản ánh những mối quan tâm này. Nam giới thể hiện sự không thích mạnh mẽ đối với những đối tác ngắn hạn tiềm năng muốn có cam kết. Cũng không được ưa thích là những đối tác ngắn hạn dễ dàng tiêu nhiều tiền của họ.

Tóm lại, sự ưa thích tâm lý của nam giới đối với bạn đời khác biệt mạnh mẽ theo ngữ cảnh thời gian. Ba kết luận chung có thể đạt được từ những dữ liệu này: (a) hẹn hò ngắn hạn đại diện cho một tỷ lệ lớn hơn nỗ lực hẹn hò ở nam giới so với hầu hết nỗ lực hẹn hò ở phụ nữ, (b) nam giới đã tiến hóa những sở thích riêng biệt giải quyết một phần những vấn đề sinh sản liên quan đến việc có quyền truy cập tình dục đến một số lượng nhất định đối tác ngắn hạn, và (c) nam giới đã tiến hóa những sở thích riêng biệt giải quyết những vấn đề sinh sản dài hạn liên quan đến việc chiếm đoạt khả năng sinh sản suốt đời của một người phụ nữ cụ thể. Ngữ cảnh thời gian của việc hẹn hò ảnh hưởng nặng nề đến sự ưa thích bạn đời được biểu thị bởi nam giới và do đó chiến lược tình dục mà họ áp dụng.

Tâm lý học Tiến hóa về Chiến lược Hẹn hò của Nữ giới

Ngữ cảnh thời gian cũng được giả thuyết ảnh hưởng đến sự ưa thích bạn đời mà phụ nữ thể hiện. Về nguyên tắc, có những lợi ích thích ứng có thể thu được cho phụ nữ theo đuổi cả chiến lược hẹn hò dài hạn cũng như ngắn hạn. Do đó, mặc dù hẹn hò ngắn hạn được dự kiến sẽ chiếm tỷ lệ nhỏ hơn trong nỗ lực hẹn hò của phụ nữ so với nam giới, phụ nữ được giả thuyết có cả hai chiến lược trong bộ sưu tập hẹn hò của mình.

Lợi ích chính có thể thu được cho phụ nữ theo đuổi hẹn hò dài hạn là có quyền truy cập liên tục đến nguồn lực và sự đầu tư của cha mẹ của người đàn ông. Lợi ích này có thể được chia thành hai vấn đề hẹn hò riêng biệt: xác định những người đàn ông *có khả năng* đầu tư nguồn lực và xác định những người đàn ông *sẵn lòng* đầu tư nguồn lực vào cô và con cô. Phụ nữ nên đánh giá cao các dấu hiệu có thể nhìn thấy, như tham vọng, sự chăm chỉ, thu nhập, địa vị và lòng hào phóng, đều có liên quan đến khả năng và sự sẵn lòng đầu tư của người đàn ông như được minh họa trong Hình 7. Dữ liệu ủng hộ mạnh mẽ các dự đoán từ hai giả thuyết đầu tiên. Phụ nữ trong ngữ cảnh dài hạn thực sự đặt giá trị lớn vào tham vọng, khả năng kiếm tiền và bằng cấp chuyên môn của người

đàn ông. Hơn nữa, phụ nữ không thích những người bạn đời dài hạn tiềm năng nghèo khổ, thiếu tham vọng và không học thức.

Phụ nữ tìm kiếm bạn đời ngắn hạn nói chung không thể có quyền truy cập liên tục đến nguồn lực của bạn đời. Tuy nhiên, theo nguyên tắc, có một số lợi ích riêng biệt có thể đã thu được cho phụ nữ tổ tiên khi theo đuổi chiến lược hẹn hò ngắn hạn: khai thác nguồn lực ngay lập tức, sử dụng hẹn hò ngắn hạn như một thiết bị kiểm tra để đánh giá triển vọng dài hạn, đảm bảo tránh chuyện bị lạm dụng bởi nam giới không-phải-bạn-tình, và có thể có gen tốt hơn. Liệu sự ưa thích bạn đời ngắn hạn của phụ nữ có phản ánh giải pháp cho những vấn đề này không? Dữ liệu hỗ trợ một số giả thuyết này về lợi ích của hẹn hò ngắn hạn ở phụ nữ. Phụ nữ tìm kiếm bạn đời ngắn hạn thay vì bạn đời dài hạn được phụ nữ khác đánh giá là muốn nam giới chi tiêu nhiều tiền cho họ từ sớm và tặng họ quà từ sớm. Đặc điểm mà phụ nữ đặc biệt không ưa thích ở một bạn tình ngắn hạn là keo kiệt từ sớm. Những kết quả này ủng hộ giả thuyết rằng, phần nào đó, phụ nữ sử dụng hẹn hò ngắn hạn như một chiến lược để khai thác nguồn lực ngay lập tức. Hơn nữa, mặc dù phụ nữ đánh giá cao sức mạnh thể chất trong cả hai ngữ cảnh thời gian, họ đánh giá nó cao hơn nhiều trong ngữ cảnh ngắn hạn so với ngữ cảnh dài hạn.

Có bằng chứng nào cho thấy phụ nữ, nhiều hơn nam giới, sử dụng hẹn hò ngắn hạn để đánh giá triển vọng dài hạn không? Bằng chứng về giả thuyết này là gián tiếp. Đầu tiên, có một mối tương quan mạnh hơn đáng kể giữa sự ưa thích ngắn hạn và dài hạn của phụ nữ ($r = .81$) so với trường hợp của nam giới ($r = .63$). Thứ hai, phụ nữ thấy tính lãng nhãng và việc nam giới đã ở trong một mối quan hệ là những phẩm chất rất không mong muốn ở một bạn tình ngắn hạn. Nam giới, ngược lại, không bị phiền lòng bởi những phẩm chất này ở bạn tình ngắn hạn. Nếu phụ nữ không xem bạn tình ngắn hạn là triển vọng dài hạn, tại sao họ lại bị phiền lòng bởi việc một người đàn ông đã có một mối quan hệ? Những dữ liệu tình cờ này phải được coi là dự đoán, chờ nghiên cứu

trực tiếp hơn về chức năng đánh giá của hẹn hò ngắn hạn cho cả hai giới.

Những lợi ích ngắn hạn tiềm năng này cho phụ nữ rõ ràng không cạn kiệt các khả năng. Bằng chứng gần đây về sự cạnh tranh tinh trùng ở người- gợi ý rằng phụ nữ có thể có cơ chế sinh lý ưu tiên tinh trùng từ nam giới ngoài luồng so với tinh trùng từ bạn đời dài hạn thông thường (Balcer & Bellis, đang chờ in). Các nghiên cứu gần đây về tình dục nữ giới do các nhà nghiên cứu nữ (ví dụ, Small, 1992; N. Thornhill, 1992) đề xuất thêm những lợi ích tiềm năng khác cho phụ nữ trong trường hợp hẹn hò ngắn hạn. Nghiên cứu tương lai có thể khám phá các giả thuyết rằng phụ nữ có thể thu được những lợi ích tiềm năng sau từ hẹn hò ngắn hạn: (a) loại bỏ một bạn đời không mong muốn, (b) đổi bạn đời, (c) làm rõ sự ưa thích bạn đời của mình, (d) ngăn chặn một bạn đời dài hạn từ những mối quan hệ tình dục bổ sung, (e) tăng cam kết của một bạn đời dài hạn, và (f) tiếp cận với các vòng trong xã hội mà nếu không sẽ không thể tiếp cận được.

Bằng chứng cũng cho thấy rõ ràng rằng phụ nữ ít hướng đến hẹn hò ngắn hạn hơn so với nam giới. Họ duy trì tiêu chuẩn chính xác hơn cho bạn đời tiềm năng, đặt ra tiêu chí tuổi tác nghiêm ngặt hơn, đòi hỏi một khoảng thời gian dài hơn phải trôi qua trước khi đồng ý quan hệ tình dục, và mong muốn một số lượng nhỏ hơn các bạn đời giao phối trong tương lai. Nói chung, chúng ta có thể kết luận rằng phụ nữ trong những nghiên cứu này ít hướng đến hẹn hò ngắn hạn hơn so với nam giới, nhưng sự ưa thích bạn tình ngắn hạn của họ vẫn tương ứng với các lợi ích thích ứng được giả thuyết có thể thu được từ hẹn hò ngắn hạn.

Liên kết giữa Sở thích và Hành vi Hẹn hò Thực tế

Sở thích tâm lý không thể tiến hóa trừ khi chúng có hệ quả cho hành vi thực tế. Ví dụ sở thích vị thức ăn ngọt và béo, chúng không thể tiến hóa trừ khi chúng thực sự khiến mọi người tiêu thụ thức ăn chứa những chất này, và những người làm như vậy đã sống sót và sinh sản nhiều hơn

những người thiếu sự ưa thích ấy. Do đó, một nguồn bằng chứng thực nghiệm quan trọng cho Lý thuyết các Chiến lược Tình dục đến từ các nghiên cứu về hành vi hẹn hò thực tế.

Trước khi xem xét nguồn bằng chứng này, quan trọng là phải mô tả các mối quan hệ khái niệm được dự kiến giữa sở thích và hành vi hẹn hò. Sở thích rõ ràng chỉ là một nguyên nhân của hành vi hẹn hò, và, trên cơ sở khái niệm, một sự tương ứng một-một giữa sở thích và hành vi không được dự kiến. Đầu tiên, mọi người không thể luôn luôn có được những gì họ muốn. Sở thích có thể không thể thực hiện được vì những người bạn đời mà có tất cả các phẩm chất mong muốn không có sẵn hoặc vì giá trị bạn đời của mình có thể không đủ cao để thu hút những người bạn tình như vậy. Thứ hai, cha mẹ và họ hàng khác thường có ảnh hưởng đến quyết định hẹn hò, ngay cả trong các xã hội phương Tây hiện đại, mặc dù điều này có thể đúng hơn nơi có hôn nhân sắp đặt như ở Ấn Độ. Thứ ba, thành viên cùng giới thường cạnh tranh với nhau vì những người bạn đời giống nhau, do đó tạo ra một nút thắt không thể thực hiện được ở sở thích của mọi người. Cuối cùng, thành viên của giới tính khác có sở thích, và những sở thích này hạn chế hành vi hẹn hò thực tế. Ví dụ nếu nam giới muốn quan hệ tình dục sau một khoảng thời gian ngắn [sau khi tán tỉnh], và phụ nữ đòi hỏi thời gian và đầu tư nhiều hơn trước khi đồng ý, thì điều này hạn chế mức độ mà nam giới và phụ nữ có thể chuyển đổi sở thích của họ thành hành vi giao phối, hẹn hò [ý là sở thích hai bên khác nhau, và mỗi bên sẽ hạn chế bên kia].

Với những vấn đề khái niệm này trong tâm trí, chúng ta hãy xem xét 6 nguồn dữ liệu thực nghiệm liên quan đến hành vi hẹn hò thực tế. Đầu tiên, thống kê ghi nhận rằng nam giới thực sự cưới phụ nữ trẻ hơn họ, trung bình, ở mọi quốc gia trên thế giới mà dữ liệu tồn tại (Buss, 1989b). Tính trung bình, cô dâu trẻ hơn chú rể 3 tuổi trên toàn thế giới, và sự chênh lệch tuổi tác này tăng lên với việc ly hôn và tái hôn. Nam giới cưới phụ nữ trẻ hơn 5 tuổi trong lần hôn nhân thứ hai và trẻ hơn 8 tuổi trong lần hôn nhân thứ ba, ít nhất ở Hoa Kỳ (Secord, 1983). Sở thích

của nam giới hướng tới phụ nữ trẻ hơn dường như được chuyển đổi thành [thực tế] việc cưới những phụ nữ ít tuổi hơn (xem Kenrick & Keefe, 1992).

Một nguồn dữ liệu hành vi thứ hai đến từ các nghiên cứu xã hội học quy mô lớn về quyết định hôn nhân. Ba cuộc điều tra độc lập đã tìm thấy bằng chứng cho thấy một yếu tố dự đoán mạnh mẽ về tình trạng nghề nghiệp của người đàn ông mà một người phụ nữ kết hôn là sự quyến rũ về thể chất của cô ấy (Elder, 1969; Taylor & Glenn, 1976; Udry & Eckland, 1984). Thực tế, sự quyến rũ của một người phụ nữ dường như là một yếu tố dự đoán mạnh mẽ hơn về quyết định hôn nhân thực tế so với các biến số về học vấn, tình trạng kinh tế xã hội hoặc chỉ số IQ của người phụ nữ. Những dữ liệu này hỗ trợ giả thuyết rằng phụ nữ sở hữu những phẩm chất quý giá với đàn ông có thể thực hiện được sở thích chọn bạn đời của họ. Ngược lại [cũng đúng], đàn ông sở hữu những thuộc tính quý giá với phụ nữ thì có khả năng thực hiện được sở thích chọn bạn đời của họ.

Một nguồn dữ liệu hành vi thứ ba đến từ các nghiên cứu cho thấy xu hướng lớn hơn nhiều của nam giới trong việc tìm kiếm các cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn (short-term sexual encounters). R. D. Clark và Hatfield (1989), ví dụ, đã chứng minh rằng 75% nam giới đã đồng ý quan hệ tình dục với một người phụ nữ lạ mặt tiếp cận họ trên khuôn viên trường; ngược lại, không có một người phụ nữ nào đồng ý quan hệ tình dục với một người đàn ông lạ mặt tiếp cận họ theo cách tương tự. Nghiên cứu này đã được lặp lại 4 năm sau với kết quả gần như giống hệt (R. D. Clark & Hatfield, 1989). Nam giới dường như dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm các cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn theo sở thích, trong tưởng tượng, và trong hành vi thực tế (Ellis & Symons, 1990).

Nguồn dữ liệu hành vi thứ tư đến từ các nghiên cứu về xung đột giữa các giới tính. Buss (1989a), ví dụ, đã dự đoán từ Lý thuyết các Chiến lược Tình dục rằng nguồn gốc của xung đột sẽ dự đoán được từ sự can

thiếp vào các chiến lược tình dục tương ứng được ưa chuộng bởi mỗi giới tính. Do đó, phụ nữ được tìm thấy phàn nàn nhiều hơn về sự gạ gẫm tình dục của đàn ông và trở nên buồn bã hơn khi đàn ông có hành vi gạ gẫm tình dục (ví dụ, đàn ông cố ép buộc phụ nữ vào các hành vi tình dục). Ngược lại, đàn ông được tìm thấy phàn nàn nhiều hơn về việc phụ nữ từ chối tình dục và có khả năng buồn bã hơn vì việc bị từ chối tình dục so với phụ nữ. Xung đột giữa các giới tính dường như được gây ra một phần do giới tính này thực hiện một chiến lược tình dục làm can thiệp vào chiến lược ưa thích của giới tính khác.

Một nguồn dữ liệu hành vi thứ năm đến từ các nghiên cứu về nguyên nhân của sự tan vỡ trong hôn nhân. Trong nghiên cứu văn hóa xã hội đa dạng nhất từ trước đến nay về ly hôn, Betzig (1989) đã tìm thấy rằng các nguyên nhân có thể dự đoán được và có liên quan mật thiết đến giới tính. Nguyên nhân được đề cập nhiều nhất của ly hôn trên toàn thế giới là ngoại tình, và ngoại tình của vợ có khả năng dẫn đến ly hôn nhiều hơn so với trường hợp ngược lại. Các nguyên nhân khác của ly hôn liên quan đến giới tính trên khắp các nền văn hóa bao gồm việc một người đàn ông không cung cấp nguồn lực cho người vợ và con cái của họ, tuổi già (và do đó giá trị sinh sản thấp) của người phụ nữ, vô sinh ở người phụ nữ, và sự từ chối tình dục của người phụ nữ (Betzig, 1989). Do đó, các nguyên nhân của ly hôn dường như đều do không cung cấp được các nguồn lực sinh sản liên quan đến giới tính, đó là yếu tố trung tâm của sự ưa chuộng bạn đời của nam và nữ.

Nguồn dữ liệu hành vi thứ sáu đến từ các nghiên cứu về các chiến lược mà nam và nữ sử dụng trong cuộc cạnh tranh nội giới tính (intrasexual competition / còn gọi là cạnh tranh cùng giới tính) để giành giật bạn đời. Điều này đại diện cho một tập hợp các dự đoán tinh tế hơn từ Lý thuyết các Chiến lược Tình dục: Các chiến lược hành vi được sử dụng bởi một giới tính nên được thiết kế để thể hiện hoặc thỏa mãn sự ưa chuộng bạn đời được biểu lộ bởi giới tính khác. Trong một chuỗi sáu nghiên cứu, Buss (1988a, 1988b) đã xác nhận liên kết này giữa sự ưa chuộng

của một giới tính và các chiến lược cạnh tranh nội giới tính được sử dụng bởi giới tính khác. Nam giới có khả năng hiển thị nguồn lực như một chiến lược cạnh tranh nội giới tính, trong khi phụ nữ có khả năng cải thiện ngoại hình của mình. Các phát hiện hành vi tương tự đã được phát hiện trong các lĩnh vực lừa dối liên giới tính và lừa dối nội giới tính (Tooke & Camire, 1991).

Tóm lại, tất cả sáu nguồn dữ liệu về hành vi tình dục thực tế xác nhận các nguyên tắc cơ bản của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục. Quyết định hôn nhân, các sự kiện dẫn đến ly hôn trong thực tế, nguồn gốc hành vi xung đột giữa các giới tính, ngưỡng tìm kiếm hoặc đồng ý quan hệ tình dục, và chiến lược cạnh tranh nội giới tính đều có thể dự đoán từ các vấn đề thích ứng mà mỗi giới tính phải đối mặt trong bối cảnh của các chiến lược hẹn hò ngắn hạn và dài hạn. Mặc dù cần thực hiện thêm nghiên cứu về hành vi hẹn hò để kiểm tra thêm các dự đoán, bằng chứng hành vi hiện có cho thấy rằng sự ưa chuộng bạn đời được chuyển dịch thành một mức độ nào đó trong hành vi hẹn hò thực tế.

Vấn đề chưa giải quyết: Các vấn đề hẹn hò mà cả hai giới tính và sự khác biệt cá nhân trong cùng một giới tính đều phải đối mặt

Lý thuyết các Chiến lược Tình dục cung cấp một bộ dự đoán chính xác về việc khi nào nam và nữ sẽ khác biệt trong tâm lý hẹn hò của họ và khi nào họ sẽ giống nhau. Nó dự đoán rằng cả hai giới chỉ khác biệt trong những lĩnh vực hạn chế nơi họ đã phải đối mặt với những vấn đề thích nghi khác nhau một cách thường xuyên trong suốt lịch sử tiến hóa của con người. Nó dự đoán rằng cả hai giới sẽ giống nhau trong tất cả các lĩnh vực mà họ đã đối mặt với cùng một vấn đề thích nghi. Trong bài viết này, chúng tôi đã tập trung rất sâu vào những khác biệt bởi vì đó là những lĩnh vực mà dự đoán thường rõ ràng nhất và dễ dàng được kiểm tra theo cách thực nghiệm. Tuy nhiên, quan trọng là phải lưu ý rằng có một số lĩnh vực mà cả hai giới được dự đoán sẽ giống nhau ít nhiều

trong chiến lược hẹn hò của họ: (a) vấn đề xác định một đồng minh đáng tin cậy, (b) vấn đề cam kết, và (c) vấn đề xác định bạn đời có kỹ năng làm cha mẹ tốt. Chúng tôi sẽ lần lượt đề cập đến ba lĩnh vực quan trọng này.

Vấn đề xác định một đồng minh đáng tin cậy. Mọi quan hệ giao phối lâu dài đặt ra những vấn đề đặc biệt từ góc độ sinh sản vì chúng đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ và lặp đi lặp lại của hai cá nhân không cùng huyết thống và có thể có nhiều yêu cầu cạnh tranh xung đột với lợi ích của một hoặc cả hai bên. Thực tế, lợi ích sinh sản của một người đàn ông và một người phụ nữ không cùng huyết thống chỉ trùng khớp với nhau khi họ cùng sinh sản con cháu; khi không ai có thêm bạn tình khác (tức là một vợ một chồng suốt đời); và khi không có họ hàng huyết thống, bao gồm cả con cái từ bạn đời cũ, mà nguồn lực có thể được chuyển hướng một cách khác biệt (Alexander, 1987; Buss, 1989a).

Do đó, một vấn đề quan trọng mà cả hai giới phải đối mặt là xác định một đối tác tiềm năng sẽ là một người hợp tác tốt và một đồng minh tốt (và những người họ hàng của họ sẽ là những người hợp tác và đồng minh tốt) để lợi ích chung có thể được tối đa hóa. Ở trạng thái kiến thức hiện tại, chúng tôi không biết chính xác những dấu hiệu này là gì. Một suy đoán đầy là giá trị to lớn mà cả hai giới đặt ra cho *sự tử tế (kind)* và *hiểu biết (understanding)* trong các đối tác tiềm năng trên các nền văn hóa có thể là một giải pháp cho vấn đề xác định một người hợp tác tốt (Buss, 1989c). Xu hướng của cả hai giới tìm kiếm những người bạn đời tương tự có thể đại diện cho một giải pháp khác cho vấn đề về sự hợp nhất chiến lược (Buss, 1989c). Tuy nhiên, cần thêm nghiên cứu để tìm hiểu thực nghiệm những dấu hiệu mà nam và nữ sử dụng để giải quyết vấn đề này liên quan đặc biệt đến hẹn hò, bạn đời dài hạn.

Vấn đề cam kết. Khi chọn một đối tác lâu dài, cả nam và nữ đều phải đối mặt với vấn đề cam kết: vấn đề đánh giá liệu bạn đời của họ sẽ cung cấp một cách nhất quán và trong một thời gian dài các nguồn lực sinh

sản liên quan. Mặc dù các nguồn lực bị mất thông qua thất bại cam kết khác nhau đối với nam và nữ, chúng có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng về mặt sinh sản. Một người phụ nữ hẹn hò, quan hệ với một người đàn ông có khả năng bỏ rơi, phản bội, hoặc chuyển hướng nỗ lực hẹn hò của anh ta sẽ đối mặt với việc mất đi các nguồn lực hữu hình cũng như sự đầu tư cha mẹ trực tiếp vào con cái của cô ấy. Mặc dù phụ nữ không trải qua khả năng làm mẹ giảm nếu bạn đời của họ không trung thành [vì nếu mang bầu, đứa con trong bụng chắc chắn là của cô], nhưng họ có thể đối mặt với việc chuyển hướng nỗ lực làm cha mẹ của anh ta khỏi con cái của họ.

Những người đàn ông chọn phụ nữ có khả năng phản bội đối mặt với việc mất giá trị sinh sản và nỗ lực làm cha mẹ của họ. Những phụ nữ như vậy có khả năng được thụ tinh bởi một người đàn ông khác và dành nỗ lực làm cha mẹ cho con cái của người đàn ông khác. Đối với cả hai giới, chi phí lớn của việc چرا cắm kéo dài cho thấy rằng có thể đã có các lợi ích sinh sản tương ứng. Lợi ích này thường không thể được thu hoạch mà không có cam kết (commitment). Cả nam và nữ đều nên đánh giá cao những dấu hiệu cam kết khi họ theo đuổi chiến lược hẹn hò dài hạn.

Do đó một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng trong tương lai là nghiên cứu về các dấu hiệu cam kết và mức độ chúng được đánh giá cao trong bạn đời lâu dài so với bạn tình ngắn hạn. Sử dụng bộ dữ liệu hiện tại, chúng tôi đã thấy rằng cả hai giới đều đánh giá thuộc tính bạn đời/bạn tình *muốn cam kết* là đáng khao khát hơn nhiều trong một bạn đời lâu dài so với một bạn tình ngắn hạn. Tuy nhiên, phát hiện này gần như là định nghĩa [ý ông tác giả là bản chất mối quan hệ lâu dài đã là cần mang tính cam kết rồi] và đặt ra câu hỏi về những dấu hiệu nào dự báo cam kết một cách đáng tin cậy. Một khả năng được cung cấp bởi Johnson và Rusbult (1989), họ đã phát hiện ra rằng người ta bắt đầu coi thường các đối tác tiềm năng khác khi họ cam kết sâu sắc hơn với một người bạn đời. Do đó, dấu hiệu cho thấy một người đang coi thường những đối tác

tiềm năng khác có thể là một dấu hiệu cam kết. Chắc chắn còn nhiều dấu hiệu như vậy, tuy nhiên phải đợi các nghiên cứu tương lai có thể chuyển hướng trực tiếp đến chúng (xem Rusbult, 1983; Shaver, Hazan, & Bradshaw, 1988; Stern berg, 1988; Sternberg & Barnes, 1988).

Vấn đề về kỹ năng làm cha mẹ tốt. Một vấn đề thích nghi thứ ba mà cả hai giới phải đối mặt khi theo đuổi chiến lược hẹn hò dài hạn là chọn một đối tác sẽ thể hiện kỹ năng làm cha mẹ tốt. Có lẽ cả hai giới đều sẽ hưởng lợi bằng cách chọn một đối tác có khả năng chăm sóc con cháu của họ theo cách có kỹ năng. Thật không may, về mặt khái niệm, chúng ta không rõ làm thế nào để xác định tiêu chí mà kỹ năng làm cha mẹ tốt có thể được đánh giá. Một số tiêu chí ứng cử viên bao gồm trí thông minh, lòng tốt và sự nuôi dưỡng. Ví dụ Barkow (1989) giả định rằng trí thông minh là chìa khóa để có kỹ năng làm cha mẹ tốt: cung cấp sự phán đoán tốt trong việc bảo vệ trẻ em trong thời gian nguy hiểm, thực hành xã hội tốt để chuẩn bị cho đứa trẻ cho thế giới người lớn mà nó sẽ gia nhập, và có lẽ trí tuệ để dự báo những thay đổi môi trường và xu hướng có thể sắp xảy ra. Hơn nữa, Simpson và Gangestad (1992) đã tìm thấy thông qua một phân tích yếu tố của sở thích bạn đời yếu tố mà họ gọi là *chất lượng cá nhân / làm cha mẹ*, bao gồm các thuộc tính *trách nhiệm, tử tế và hiểu biết*, và *tính ổn định của tính cách*. Kết quả này có thể được sử dụng để hướng dẫn nghiên cứu tương lai kiểm tra trực tiếp kỹ năng làm cha mẹ tốt và các dấu hiệu chỉ ra nó.

Sự khác biệt cá nhân trong Chiến lược Hẹn hò trong mỗi Giới tính

Lý thuyết các Chiến lược Tình dục, như được phát triển trong bài viết này, đã tập trung chủ yếu vào những vấn đề thích nghi theo giới tính mà nam và nữ đã đối mặt trong lịch sử tiến hóa khi theo đuổi chiến lược ngắn hạn và lâu dài. Tuy nhiên, rõ ràng là các cá nhân có sự khác biệt trong mỗi giới tính trong chiến lược hẹn hò của họ (xem Buss, 1991). Ví dụ Snyder, Simpson, và Gangestad (1986) đã chỉ ra rằng các cá nhân có sự khác biệt trong mỗi giới tính trong những gì họ gọi là định hướng xã hội tình dục (socialsexual orientation), đề cập đến mức độ mà các cá

nhân ưa thích mối quan hệ lâu dài so với những cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn: một kích thước gần gũi với kích thước ngữ cảnh thời gian ngắn hạn so với hẹn hò lâu dài của chúng tôi. Những sự khác biệt cá nhân này cho thấy những liên kết thú vị đến các biến số nhân cách như hướng ngoại (extraversion) và tự giám sát (self-monitoring) và có ý nghĩa cho một loạt các biến số thái độ và tình dục (ví dụ, Gangestad & Simpson, 1990; Snyder et al., 1986).

Simpson và Gangestad (1992) đã cung cấp các bằng chứng cho một nhóm các đặc điểm liên quan đến định hướng xã hội tình dục. Ví dụ, họ thấy những người có định hướng xã hội tình dục hạn chế (cái này tương đương với dài hạn, trong ngôn ngữ của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục) thường ưa chuộng người bạn đời tử tế, triu mến, chịu trách nhiệm và trung thành hơn. Những người có định hướng xã hội tình dục không hạn chế (ngắn hạn) thường tìm kiếm người bạn đời hấp dẫn về thể chất và tình dục hơn. Simpson và Gangestad đã đưa ra những lý luận tiến hóa thuyết phục rằng những chiến lược thay thế này có thể được duy trì bởi sự lựa chọn phụ thuộc vào tần suất hoặc có thể là kết quả của sự thay đổi do môi trường trong các chiến lược hẹn hò.

Vấn đề lý thuyết thú vị, từ góc nhìn của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục là tại sao một số cá nhân lại ưu tiên một thành phần trong mảng chiến lược tình dục phổ biến ở giới tính của họ hơn các thành phần khác và họ làm như vậy dưới những điều kiện nào? Một suy đoán lý thuyết tập trung vào giá trị bạn đời (mate value) của cá nhân. Cá nhân có giá trị bạn đời cao nên có khả năng thực hiện chiến lược ưa thích ở giới tính của họ hơn, trong khi những người có giá trị bạn đời thấp có thể buộc phải chấp nhận một chiến lược ít được ưa thích hơn:

"Những người đàn ông được tìm kiếm nhiều nhất vì những thuộc tính thích nghi của họ có thể đã đầu tư ít hơn vào con cái của một người phụ nữ. Do đó, đàn ông nên được chọn để đầu tư ít hơn khi họ sở hữu các thuộc tính thích nghi hoặc tài nguyên" (Simpson & Gangestad, 1992, tr.

45). Trong quan điểm lịch sử và văn hóa, có một số bằng chứng cho lập luận này đối với đàn ông. Đàn ông có địa vị và tài sản cao thường có nhiều bạn đời, dù dưới hình thức nhiều vợ, tình nhân, vợ bé, hay các cuộc gặp gỡ tình dục chớp nhoáng (ví dụ, Betzig, 1986; Chagnon, 1983; Hart & Pilling, 1960). Do đó, đàn ông có những thuộc tính gắn gũi với sở thích bạn đời của phụ nữ có thể thường xuyên thực hiện các chiến lược tình dục ngắn hạn, ngoài các chiến lược dài hạn mà họ thực hiện. Hoặc, một số đàn ông có thể đơn giản có quyền lực để áp đặt sở thích của mình lên người khác.

Một yếu tố dự đoán khác về sự khác biệt cá nhân trong chiến lược tình dục có thể là tuổi tác, đặc biệt nếu hẹn hò ngắn hạn được sử dụng như một phương tiện để đánh giá giá trị bạn đời của mình và đánh giá các bạn đời tiềm năng. Các chiến lược hẹn hò ngắn hạn có thể được những người trẻ tuổi áp dụng thường xuyên hơn để thực hiện những chức năng đánh giá này. Với tuổi tác tăng lên, giá trị thông tin thu được từ hẹn hò ngắn hạn có thể giảm. Do đó, cá nhân có thể chuyển từ một chiến lược hẹn hò ngắn hạn sang chiến lược hẹn hò dài hạn khi tuổi tác tăng lên.

Một suy đoán thứ ba về nguyên nhân tình huống của sự biến đổi trong giới tính tập trung vào những thay đổi đột ngột trong hoàn cảnh cuộc sống. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy hôn nhân tuần tự là một mô hình hẹn hò phổ biến giữa con người ở hầu hết tất cả các nền văn hóa (ví dụ, H. Fisher, 1987). Do đó, một cuộc ly hôn có thể tạo ra một khoảng thời gian mà các chức năng đánh giá (hoặc đánh giá lại) của hẹn hò ngắn hạn trở nên cần thiết trở lại. Do đó theo đuổi một chiến lược ngắn hạn có thể được dự đoán sẽ xảy ra giữa các chu kỳ hẹn hò dài hạn. Một thay đổi khác có thể thúc đẩy việc theo đuổi một chiến lược hẹn hò ngắn hạn có thể là sự tăng lên đột ngột về địa vị hoặc tài sản. Bất kỳ thay đổi nào làm cho các chức năng đánh giá trở nên quan trọng hơn sẽ được dự kiến sẽ kích hoạt việc theo đuổi hẹn hò ngắn hạn, ít nhất là trong một khoảng thời gian.

Các yếu tố dự đoán khác về sự thay đổi thời gian trong chiến lược hẹn hò bao gồm tỷ lệ giới tính hoạt động (Petersen, 1991), các yếu tố văn hóa như chia sẻ thức ăn, giá trị bạn đời tương lai dự kiến, các biện pháp trừng phạt pháp lý và xã hội, và các chiến lược mà người khác theo đuổi (Buss, đang chờ in). Những yếu tố dự đoán tiềm năng này của sự khác biệt cá nhân trong chiến lược tình dục vẫn là những lộ trình quan trọng cho sự phát triển tiếp theo của Lý thuyết các Chiến lược Tình dục.

Kết luận và Hàm ý

Bằng chứng về sự thích nghi được tìm thấy rõ nhất trong thiết kế phức tạp: Các đặc điểm thiết kế của cơ chế- có chức năng giải quyết các vấn đề sinh sản đặc biệt theo cách đặc biệt mà *khó có thể xảy ra do ngẫu nhiên được* (Williams, 1966)? Bằng chứng từ những nghiên cứu thực nghiệm này hỗ trợ giả thuyết chung rằng sở thích bạn đời, như một lớp cơ chế tâm lý, khác nhau theo ngữ cảnh thời gian và theo giới tính sinh học- theo cách mà khó có thể xảy ra do tình cờ. Những sở thích này, biểu hiện riêng biệt trong mỗi trong bốn phần tư ngữ-cảnh-giới-tính [“nam tìm bạn tình ngắn hạn”, “nam tìm bạn đời dài hạn”, “nữ tìm bạn tình ngắn hạn”, “nữ tìm bạn đời dài hạn”], dường như được tạo ra để giải quyết các vấn đề thích nghi cụ thể mà đàn ông và phụ nữ phải đối mặt trong ngữ cảnh bạn tình ngắn và dài hạn: những vấn đề được dự đoán bởi Lý thuyết các Chiến lược Tình dục.

Một hiểu lầm về dự đoán tiến hóa trong tâm lý học là các thích nghi được cho là cứng nhắc, không thể thay đổi do ngữ cảnh môi trường. Những nhà xã hội sinh học đầu tiên có thể đã tạo ra sự hiểu lầm này bằng cách viết như thể các thích nghi là cứng nhắc. Chúng tôi đã chỉ ra điều ngược lại, chính là ngữ cảnh quyết định mạnh mẽ tính chất của sở thích bạn đời được quan sát. Tuy nhiên, thay vì gọi các ngữ cảnh chung, và do đó không chính xác và thường không được xác định rõ ràng như văn hóa hay xã hội hóa, chúng tôi đã xác định một biến số ngữ cảnh cụ thể và được hướng dẫn theo lý thuyết: Sở thích bạn đời, thay vì không

thể thay đổi do điều kiện thay đổi, nó lại rất nhạy cảm với điều kiện ngữ cảnh thời gian.

Biến số ngữ cảnh thời gian, quan trọng như nó có vẻ thế, rõ ràng chỉ là khởi đầu của việc kiểm tra các điều kiện quan trọng mà sở thích bạn đời phụ thuộc. Một ứng cử viên tốt cho nghiên cứu tương lai liên quan đến việc đánh giá giá trị bạn đời của chính mình (own mate value). Nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng đàn ông có tự trọng thấp ngần ngại tiếp cận phụ nữ hấp dẫn về mặt thể chất (Berscheid & Waister, 1974). Tooby và Cosmides (1990) đoán rằng "tự trọng của một người đàn ông có thể, một phần, phụ thuộc vào sự hấp dẫn của anh ấy trên thị trường hôn nhân" (tr. 53). Một nghiên cứu khác về quảng cáo tìm kiếm bạn đời phát hiện ra rằng đàn ông có nhiều tài nguyên thường quảng cáo tìm kiếm phụ nữ hấp dẫn về thể chất, và phụ nữ đề cập đến sự hấp dẫn thể chất của họ thường quảng cáo tìm kiếm đàn ông có tài nguyên (xem Kenrick & Keefe, 1992). Nếu tự trọng, tài nguyên, và sự hấp dẫn là phản ánh của giá trị bạn đời, thì sở thích bạn đời được bày tỏ có thể được điều chỉnh lên hoặc xuống tùy thuộc vào giá trị bạn đời của chính mình (Buss, 1988a). Các biến số ngữ cảnh quan trọng khác có thể bao gồm tuổi tác, mạng lưới gia đình và liên minh của mình, tỷ lệ giới tính trong kho hẹn hò sẵn có, mức độ mà cha mẹ và họ hàng khác ảnh hưởng đến quyết định hẹn hò, và thành công hoặc thất bại cá nhân trong việc theo đuổi mỗi chiến lược.

Các nghiên cứu thực nghiệm được trình bày ở đây chỉ là khởi đầu của việc nghiên cứu về ảnh hưởng của ngữ cảnh đối với sở thích bạn đời trong tâm lý học. Ở giai đoạn hiện tại, lý thuyết này bị hạn chế ở một số khía cạnh quan trọng: Nó không xác định tất cả các điều kiện ảnh hưởng đến, khi đàn ông và phụ nữ sẽ theo đuổi chiến lược hẹn hò ngắn hạn hay dài hạn, nó hiện chưa giải thích được sự khác biệt cá nhân [đặc điểm riêng của mỗi người] trong giới tính, và nó chưa tích lũy được sự hỗ trợ thực nghiệm cho các dự đoán về các vấn đề thích nghi mà cả hai giới phải đối mặt như việc xác định dấu hiệu cam kết và dấu hiệu về kỹ

năng làm cha mẹ tốt. Tuy nhiên, ngay cả với những hạn chế hiện tại, Lý thuyết các Chiến lược Tình dục tạo ra nhiều dự đoán chi tiết hơn, chính xác hơn, và đa dạng hơn so với bất kỳ lý thuyết nào trước đây về hẹn hò / bạn tình ở con người ở các vấn đề thích nghi mà đàn ông và phụ nữ đã đối mặt trong các ngữ cảnh hẹn hò khác nhau. Kết hợp với các bài kiểm tra thực nghiệm hỗ trợ, chúng ta giờ đây đã có các đường nét của các chiến lược tình dục mà đàn ông và phụ nữ đã tiến hóa như các giải pháp cho những vấn đề hẹn hò này và sự hiểu biết lý thuyết về lý do tại sao họ đã làm như vậy.

-

Phần tài liệu tham khảo (references), độc giả nếu có nhu cầu xem thì truy cập link bản tiếng Anh gốc ngay bên dưới để biết thêm.

- Hết -

Lời của người biên tập: nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác, bao gồm, nhưng không giới hạn: tiền bạc, nổi tiếng, dạy đời, v.v.. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (blogmienphi.com)

Link gốc bản tiếng Anh:

<https://labs.la.utexas.edu/buss/files/2015/09/SexualStrategiesTheory.pdf>

Nếu bạn có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

*Phiên bản #1 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 03/01/2024
Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất
lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trên website sẽ có thông báo rõ ràng
về các phiên bản khác nhau để độc giả phân biệt.*